
CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT

GIẢNG GIẢI

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển Chân Tâm Trực Thuyết là một quyển luận được sắp vào chương trình học tại tu viện Chơn Không. Quyển luận này về hình lượng rất bé bồng, nhưng về phẩm chất thật quý vô giá. Một hành giả nếu thâm đạt được ý chỉ quyển luận này là đã thấy lối vào đạo.

Thiền sư Phổ Chiếu thật đã ngộ chân tâm thấy được bản tánh. Vì lòng từ bi vô lượng, ngài chẳng tiếc những sợi lông mày, mở cửa phương tiện để dẫn dắt kẻ hậu lai. Với chủ trương “Định tức Tuệ, Tuệ tức Định”, ngài làm sáng tỏ đường lối tu hành của Thiên tông.

Thích Đắc Pháp, một thiền sinh trong tu viện Chơn Không, với thời gian ba năm tu học tại đây, đã nỗ lực hạ thủ công phu, lại tiếp tay với chúng tôi phiên dịch những tác phẩm cần thiết cho Tu viện. Tuy nhiên, một dịch phẩm đầu tiên được ra mắt độc giả, hẳn là không

tránh khỏi một vài sơ sót. Nhưng đáng khích lệ, dịch giả đã cố gắng nhiều trong công tác này.

Cần có tài liệu cho thiền sinh tại Tu viện học tập, cũng thiết yếu đối với hành giả không có duyên đến Tu viện và những học giả đang nghiên cứu Thiền tông, nên Tu viện chúng tôi cho xuất bản quyển sách bé nhỏ này.

Quyển sách này ra đời nhằm lúc phong trào học thiền đang lên ở Việt Nam. Chúng tôi tin rằng độc giả có thiện chí tham cứu Thiền tông, chịu khó đọc kỹ quyển sách này, sẽ thấy nó đóng góp một phần không nhỏ cho quý vị trong những vấn đề khó khăn nhất lâu nay chưa giải quyết được. Nhất là, những vị hiểu thiền lý mà không biết làm sao thực hiện thiền hạnh. Quý vị chịu khó nghiên ngẫm chín chắn trong đây, tự nhiên thấy cửa thiền sẽ mở rộng, mặt tình tiến bước.

Vì thấy sự lợi ích lớn lao của quyển sách này, nên chúng tôi viết ít hàng giới thiệu cùng độc giả.

Tu viện Chơn Không

Đầu xuân 1973

THÍCH THANH TỪ

TIỂU SỬ THIÊN SƯ PHỔ CHIẾU

(1158 - 1210)

Ngài Phổ Chiếu là bậc tôn túc của Phật giáo và cũng là thủy tổ Thiên tông ở Triều Tiên vào triều Lý. Phật giáo Triều Tiên khoảng trung điệp triều Lý có thể nói là thời đại hoàng kim. Hàng thượng lưu thì xu hướng Giáo Quán của ngài Đại Giác. Dân gian thì xu hướng theo pháp định tuệ gồm tu do sự dẫn dắt của thiên sư Phổ Chiếu. Hai vị này được xem là hai đại lương đồng của Phật giáo Cao Ly.

Hai quyển Chân Tâm Trực Thuyết và Tu Tâm Quyết này chẳng qua chỉ là hai tác phẩm nhỏ do ngài Phổ Chiếu trước tác. Tuy nhỏ nhưng rất có giá trị và được kết tập vào Đại tạng kinh.

Về Thiên tông ngài chủ trương: định tức tuệ, tuệ tức định; nhưng đặc biệt chú mục nơi định tuệ gồm tu.

Ngài Phổ Chiếu húy là Trí Nột, họ Trinh, hiệu Mục Ngư Tử. Quê ngài ở Động Châu, Kinh Tây (ngày nay là quận Thụy Hưng, Hoàng Hải Đạo). Ngài sanh vào năm thứ 17 đời vua Nghị Tông Cao Ly. Thuở nhỏ, ngài rất nhiều bệnh hoạn. Cha là ông Quang Ngộ thường đi chùa cầu cho ngài hết bệnh. Tám tuổi ngài được thiên sư Huy thuộc Tào Khê tông thế độ. Tuy là ngài được ở với thầy thường, nhưng chí khí ngài cao xa vượt chúng. Hai mươi lăm tuổi ngài được tuyển làm tăng. Rồi sau đó ngài đi về phương Nam đến Xương Bình ở tại chùa Thanh Nguyên.

Một hôm, nơi phòng học ngài đọc Lục Tổ Đàn Kinh ngộ được “thể dụng của Chân như tức là định tuệ.” Do đó ngài bỏ hết ý niệm danh lợi, ưa thích ở rừng núi u nhã.

Đời vua Minh Tông năm thứ mười lăm, ngài đi xuống vùng núi Kha Sơn ngụ tại chùa Phổ Môn để nghiên cứu Đại tạng. Năm thứ hai mươi bảy ngài ẩn cư tại Vô Trụ am, ở Trí Di sơn (nay là Khánh Thượng, Nam Đạo). Nơi đây cảnh trí u tịch thật là phải cảnh tu thiền. Một hôm, ngài đọc Hoa Nghiêm Luận của Lý Thông Huyền, ngài biết yếu chỉ viên đốn của giáo lý Hoa Nghiêm cùng yếu chỉ Thiền tông quyết không trái nhau. Lại đọc Thiền Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự của ngài Khuê Phong, cùng ngữ lục của ngài Đại Huệ, ngài bỗng nhiên khế hội, xác chứng rằng định tuệ không thể thiên phê.

Niên hiệu Thần Tông năm thứ ba, ngài dời về chùa Kiệt Tường ở Tùng Quảng Sơn, tu Thiền đàm đạo mười một năm và chuyên an cư trong luật của Phật. Ngài thường khuyên người tụng kinh Kim Cang. Ngài còn giảng Lục Tổ Đàn Kinh, Đại Huệ Ngũ Lục để phát huy tông yếu. Sau đó Thiền học được hưng khởi, người tham học càng ngày càng đông. Ngài lấy định tuệ gồm tu, tổng hợp Hoa Nghiêm, Thiên Thai và Thiền tông, nhưng trong ấy ngài đặc biệt làm sáng tỏ Thiền tông.

Ngài còn xây dựng Bạch Vân tinh xá và Tích Thúy am ở núi Bảo Sơn, Khuê Phong lan-nhã và Tổ Nguyệt am ở Thụy Thạch Sơn làm chỗ vắng lai tu Thiền. Nhà vua rất kính trọng đức hạnh của ngài và đổi hiệu núi ngài ở là Tào Khê Sơn Tu Thiền Xã. Lại còn tự đề bảng để ban cho. Ngài còn lập Định Tuệ Xã và tuyển Định Tuệ Kiệt Xã Văn.

Vào tháng hai đời vua Hy Tông năm thứ sáu ngài bỗng nói với xã chúng rằng: “Ta còn trụ thế chẳng bao lâu nữa, các người phải nỗ lực.” Ngày 20 tháng 3 hiện có chút bệnh, đến ngày 27 ngài mặc y hậu vào pháp đường, chúc hương thẳng tòa, vấn đáp xong, ngài ngồi dang chân ra bỗng nhiên thị tịch.

Nhà vua nghe tin, ban thụy hiệu là Phật Nhật Phổ Chiếu Quốc Sư. Thập hiệu là Cam Lộ. Ngài hưởng thọ năm mươi ba tuổi, tuổi đạo được ba mươi sáu hạ. Trước tác của ngài ngoài hai tác phẩm này

còn “Khuyến Tu Định Tuệ Kiết Xã Văn”, “Khán Thoại Quyết Nghi Luận”, “Viên Đốn Thành Phật Luận”. Ngoài ra còn “Chú Thích Đại Huệ Thiên Sư Thư”, “Phê Bình Khuê Phong Thiên Sư” v.v...



CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT GIẢNG GIẢI

LỜI TỰA

Chánh văn:

Hỏi: Diệu đạo của Tổ sư có thể được biết không?

Đáp: Người xưa há chẳng nói: “Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết. Biết là vọng tưởng còn chẳng biết là vô ký.” Nếu đạt đến địa vị chẳng nghi, thì rộng suốt như thái hư, há có thể gán cho là phải quấy ư?

Hỏi: Thế thì chư tổ ra đời không ích lợi cho quần sanh sao?

Đáp: Phật tổ ra đời không có một pháp cho người, chỉ cần yếu là chúng sanh phải tự thấy bản tánh của mình. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả

pháp tức là tự tánh của tâm, sự thành tựu tuệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ.” Cho nên Phật tổ không khiến người mắc lầy trong văn tự, chỉ cần yếu phải thôi dứt để thấy bản tâm mình. Do đó vào cửa Đức Sơn liền bị đánh, vào cửa Lâm Tế liền nhận hét. Đã là một sự dò xét thái quá như thế, sao lại lập ngữ ngôn ư?

Hỏi: Xưa nghe ngài Mã Minh tạo Luận Khởi Tín, Lục Tổ nói Đàn Kinh, Hoàng Mai truyền Bát-nhã, đều là dùng tiệm thứ cho người, đâu không dùng phương tiện chỉ pháp ư?

Đáp: Trên đỉnh núi Diệu Cao từ xưa tới nay chẳng cho thương lượng. Nhưng đầu non thứ hai, chư tổ tóm lược dung hòa cho nói cho hiểu.

Hỏi: Xin hỏi đầu non thứ hai là lược bày phương tiện ư?

Đáp: Đúng thay lời nói này. Đạo lớn mầu nhiệm mà rộng rãi, chẳng phải có chẳng phải không. Chân tâm u vi dứt nghĩ dứt bàn. Cho nên người chẳng từ cửa đó mà vào, tuy tìm xét năm ngàn tạng giáo cũng chẳng là người thấu suốt chân tâm. Chỉ nói ra một lời để so sánh thì sớm đã trở thành pháp dư thừa. Nay chẳng tiếc mi mao (lông mày) kính viết mấy chương để phát minh chân tâm, hầu làm căn bản lần hồi vào Đạo.

Giảng:

Phần giới thiệu và phần tiểu sử quý vị đọc là hiểu, khỏi cần giải nghĩa. Bây giờ đọc ngay phần Tựa:

Hỏi: Diệu đạo của Tổ sư có thể được biết không?

Đáp: Người xưa há chẳng nói: “Đạo chẳng thuộc biết cùng chẳng biết. Biết là vọng tưởng còn chẳng biết là vô ký.”

Diệu đạo là tông chỉ của Tổ sư, của Thiền tông, nếu khởi biết thì thuộc về vọng tưởng, mà chẳng biết thì thuộc vô tình. Như vậy cả hai đều là bệnh. Đạo thì luôn luôn tỉnh giác mà không hình tướng.

Nếu đạt đến địa vị chẳng nghi, rộng suốt như thái hư, há có thể gán cho là phải quấy ư?

Người nào đạt đến địa vị không nghi, tức là nhận chân được thể thật không còn ngờ vực gì nữa, chừng đó mới thấy nó là rộng suốt như thái hư, không còn nói là phải hay quấy.

Hỏi: Thế thì chư tổ ra đời không ích lợi cho quần sanh sao?

Chỗ đó không nói phải không nói quấy thì làm sao ích lợi cho quần sanh được?

Đáp: Phật tổ ra đời không có một pháp cho người, chỉ cần yếu là chúng sanh phải tự thấy bản tánh của mình.

Phật tổ không một pháp cho người, dù có nói tám mươi bốn ngàn pháp môn, nhưng sự thật không có pháp gì cả. Chẳng qua các ngài dùng phương tiện chỉ bày cho người nhận được cái sẵn có nơi mình thôi. Dạy cách này không hiểu thì dạy cách khác, cách khác không hiểu dạy

cách khác nữa, rất nhiều pháp mà rốt cuộc không pháp nào thật hết.

Cũng như dược sĩ làm thuốc, có cả mấy trăm ngàn thứ là tại người bệnh quá nhiều. Nếu mọi người đều không bệnh thì mấy trăm ngàn thứ thuốc đó trở thành vô dụng, không nghĩa lý gì hết. Vì có người bệnh nên mấy trăm ngàn thứ thuốc đều là hữu ích. Hữu ích khi có bệnh, khi hết bệnh rồi thì thuốc ấy bằng thừa.

Cũng vậy, Phật pháp cốt chỉ cho chúng ta ngộ chân tâm. Khi chưa ngộ chân tâm thì Phật tổ dùng mọi phương tiện chỉ bằng cách này hoặc bằng cách khác, những phương tiện đó gọi là pháp. Khi chúng ta nhận được rồi thì những pháp đó trở thành vô nghĩa. Cho nên nói không có một pháp cho người, tức là không có một pháp thật cho người, mà chỉ là những phương tiện. Người học Phật pháp không nên chấp, bởi vì đâu có pháp thật mà chấp. Nếu thấy có một pháp thật đó là bệnh. Chỉ cần chúng ta ngộ được bản tánh của mình thôi. Khi mình không thông thì thấy có Phật pháp tức là pháp của Phật nói ra rất nhiều; học pháp này, tu pháp kia v.v... rồi cho những pháp tu, pháp học đó là thật, hô hào để cho mọi người theo pháp của mình nhưng sự thật không có một pháp thật, đó chỉ là phương tiện.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Biết tất cả pháp là tự tánh của tâm, sự thành tựu tuệ thân chẳng do nơi khác mà ngộ.”

Trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Biết tất cả pháp tự tánh của nó gốc từ tâm mà ra, cho nên tự tánh là tâm.

Khi thành tựu được giới thân tuệ mạng thì chính là tự nơi mình chứ không phải do đâu mà ngộ được. Không phải cái bên ngoài làm cho mình ngộ được mà gốc từ nơi mình. Tuệ thân là thân trí tuệ, thân giác ngộ.

Cho nên Phật tổ không khiến người mắc lầy trong văn tự, chỉ cần yếu phải thôi dứt để thấy bản tâm mình.

Nghĩa là chúng ta phải làm sao buông bỏ hết những vọng chấp điên đảo để nhận được bản tâm của mình.

Do đó vào cửa Đức Sơn liền bị đánh, vào cửa Lâm Tế liền nhận hét.

Mỗi khi người tham vấn vào cửa ngài Đức Sơn liền bị ăn gậy, vào cửa ngài Lâm Tế liền bị hét điếc tai. Gậy và hét chỉ là phương tiện để cho người nhận ra cái sẵn có của mình mà thôi.

Đã là một sự dò xét thái quá như thế, sao lại lập ngữ ngôn ư?

Chỗ cứu cánh không có ngôn ngữ, nên không có gì phải bàn nói.

Hỏi: Xưa nghe ngài Mã Minh tạo Luận Khởi Tín, Lục Tổ nói Đàn Kinh, Hoàng Mai truyền Bát-nhã, đều là dùng tiệm thứ cho người, đâu không dùng phương tiện chỉ pháp ư?

Đáp: Trên đỉnh núi Diệu Cao từ xưa tới nay chẳng cho thương lượng. Nhưng đầu non thứ hai, chư tổ tóm lược dung hòa cho nói cho hiểu.

Đó là chỗ tốt đỉnh chẳng thể nói bàn, nhưng cho nói, cho hiểu đều là đầu non thứ hai là phương tiện.

Hỏi: Xin hỏi đầu non thứ hai là lược bày phương tiện ư?

Đáp: Đúng thay lời nói này. Đạo lớn màu nhiệm mà rộng rãi, chẳng phải có chẳng phải không. Chân tâm u vi dứt nghĩ dứt bàn. Cho nên người chẳng từ cửa đó mà vào.

Còn nghĩ bàn làm sao vào được?

Tuy tìm xét năm ngàn tạng giáo cũng chẳng là người thấu suốt chân tâm.

Dù cho đọc thông bao nhiêu tạng kinh đi nữa cũng chưa phải là người thấu suốt chân tâm.

Chỉ nói ra một lời để so sánh thì sớm đã trở thành pháp dư thừa. Nay chẳng tiếc lông mày (lông mày) kính viết mấy chương để phát minh chân tâm, hầu làm căn bản lần hồi vào Đạo.

Khi cầm viết mà viết hay cầm sách mà giảng đều là chẳng tiếc lông mày. Đó là ý của nhà Thiền. Đây ngài khai đề bằng hai ý. Ý thứ nhất là trong chỗ tuyệt đối chân thật không cho phép nghĩ bàn. Ý thứ hai là vì muốn hóa độ chúng sanh cho nên chư Phật, chư tổ mới dùng phương tiện giáo hóa dìu dắt, có nói bàn đều là phương tiện.



CHÂN TÂM TRỰC THUYẾT

Chánh văn:

1. Chánh tín chân tâm

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tín là nguồn của Đạo, là mẹ của các công đức hay nuôi lớn tất cả căn lành.” Trong Duy thức cũng nói: “Tín như hạt châu thủy thanh, hay làm cho nước dơ được sạch.” Cho nên, muôn điều thiện phát sanh là tín dẫn đầu. Vì thế Kinh Phật trước hết lập “Như thị ngã văn” là cốt để sanh lòng tin vậy.

Hỏi: Chữ tín của Giáo môn (Kinh) và chữ tín của Tổ môn (Thiền) có gì sai khác?

Đáp: Có nhiều loại sai khác nhau: Giáo môn khiến người, trời tin ở nhân quả. Như có người thích phước lạc tin thập thiện là diệu nhân, cõi người

cõi trời là lạc quả. Có người thích không tịch, tin nhân duyên sanh diệt là chánh nhân, khổ tập diệt đạo là thánh quả. Có người thích Phật quả, tin ba kiếp sáu độ làm đại nhân, Bồ-đề Niết-bàn làm chánh quả.

Tổ môn chánh tín chẳng đồng như trên. Tổ môn chẳng tin tất cả pháp hữu vi nhân quả. Chỉ tin ở tự mình xưa nay là Phật, tự tánh thiên chân người người đều đầy đủ. Diệu thể của Niết-bàn mỗi mỗi đều viên thành, chẳng nhờ cầu nơi người khác, từ xưa đến nay nó tự đầy đủ. Tam Tổ nói: “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư. Bởi do thủ xả, vì thế chẳng như.” Ngài Chí Công nói: “Trong thân có tướng là thân không tướng, trên đường vô minh là đường vô sanh.” Ngài Vĩnh Gia nói: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyền hóa không thân tức pháp thân.” Cho nên chúng sanh xưa nay là Phật.

Đã sanh chánh tín cần phải thêm hiểu biết nữa mới được. Ngài Vĩnh Minh nói: “Tin mà chẳng hiểu biết thì thêm lớn vô minh. Hiểu biết mà chẳng tin thì thêm lớn tà kiến.” Cho nên, tin hiểu gồm hai thì mau vào đạo.

Hỏi: Mới phát lòng tin chưa được vào đạo, có lợi ích chăng?

Đáp: Trong Luận Khởi Tín nói: “Nếu nghe pháp này mà chẳng sanh khiếp nhược, thì nên biết người này nhất định sẽ nối hạt giống Phật và được chư Phật thọ ký cho. Ví như có người giáo hóa

chúng sanh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến họ hành thập thiện, chẳng bằng có người đối với pháp này khoảng một niệm chánh tư duy thì công đức cũng hơn người trước không thể ví dụ được.” Trong kinh Bát-nhã nói: “Cho đến người chỉ sanh một niệm tịnh tín, Như Lai trọn thấy biết các chúng sanh này được vô lượng phước đức như vậy.” Cho nên muốn đi ngàn dặm, bước đầu cần phải chánh; bước đầu nếu sai, ngàn dặm đều sai. Vào nước vô vi, niềm tin ban đầu phải chánh; niềm tin ban đầu đã mất, muôn thiện đều lui. Cho nên Tổ sư nói: “Mảy may nếu sai, trời đất ngăn cách.” Đây là lý này vậy.

2. Tên khác của chân tâm

Hỏi: Đã sanh chánh tín, nhưng chưa biết thế nào gọi là chân tâm?

Đáp: Lìa vọng gọi là chân. Linh giám gọi là tâm. Trong kinh Lăng-nghiêm đã nói rõ tâm này.

Hỏi: Chỉ gọi chân tâm thôi, hay có tên riêng khác nữa chẳng?

Đáp: Phật dạy, Tổ dạy lập danh không đồng nhau. Phật dạy trong Bồ-tát Giới gọi là Tâm địa, vì hay phát sanh muôn việc thiện. Kinh Bát-nhã gọi là Bồ-đề, vì lấy giác làm thể. Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp giới, vì giao triệt và dung nhiếp. Kinh Kim Cang gọi là Như Lai, vì không từ đâu đến. Kinh Bát-nhã gọi là Niết-bàn, vì là chỗ quy hướng của chư thánh.

Kinh Kim Quang Minh gọi là Như Như, vì chân thường bất biến. Kinh Tịnh Danh gọi là Pháp thân, vì là chỗ nương của báo thân và hóa thân. Luận Khởi Tín gọi là Chân như, vì chẳng sanh chẳng diệt. Kinh Niết-bàn gọi là Phật tánh, vì là bản thể của ba thân. Kinh Viên Giác gọi là Tổng trì, vì mọi công đức từ đó mà lưu xuất. Kinh Thắng Man gọi là Như Lai tạng, vì ẩn phú và hàm nhiếp. Kinh Liễu Nghĩa gọi là Viên giác, vì hay chiếu phá mờ tối.

Do đây nên ngài Vĩnh Minh thiền sư trong Duy Tâm Quyết nói: “Một pháp có ngàn tên, tùy theo duyên mà lập hiệu.” Tất cả còn đầy đủ trong các Kinh, không thể kể ra hết được.

Hỏi: Phật dạy đã biết, Tổ dạy như thế nào?

Đáp: Cửa Tổ sư dứt tuyệt danh ngôn, danh còn chẳng lập, sao lại có nhiều tên? Chỉ vì ứng theo cơ duyên nên tên cũng lắm. Có lúc gọi là Tự kỷ, vì là bản tánh của chúng sanh. Có lúc gọi là Chánh nhãn, vì hay soi tướng của muôn loài. Có lúc gọi là Diệu tâm, vì hư linh và tịch chiếu. Có lúc gọi là Chủ nhân ông, vì xưa nay từng gánh vác. Có lúc gọi là Bát không đáy, vì tùy chỗ sanh nhai. Có lúc gọi là Đờn không dây, vì hiện ra diệu vận. Có lúc gọi là Vô tận đặng, vì hay chiếu phá mê tình. Có khi gọi là Cây không rễ, vì gốc rễ bền chắc. Có khi gọi là Suy mao kiếm, vì hay chặt đứt căn trần. Có lúc gọi là Nước vô vi, vì sóng êm bể lặng. Có lúc gọi là Ma-ni châu, vì hay giúp đỡ người nghèo khó. Có lúc

gọi là Vô nhu tỏa, vì sáu cửa tình đóng. Cho đến nào là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh, tâm nguyệt, tâm châu, v.v... nhiều tên khác nhau không thể ghi ra cho hết. Nếu đạt được chân tâm thì các tên đều hiểu cả. Bằng mê muội chân tâm thì còn bị trệ nơi các tên. Cho nên đối với chân tâm cần yếu nên xét kỹ.

3. Diệu thể của chân tâm

Hỏi: Chân tâm đã biết tên, còn thể nó như thế nào?

Đáp: Trong kinh Phóng Quang Bát-nhã nói: “Bát-nhã không có tướng có và tướng sanh diệt.” Luận Khởi Tín nói: “Tự thể của Chân như, tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật đều không thêm bớt, cũng chẳng phải trước sanh sau diệt, mà rốt ráo thường còn. Từ xưa tới nay tánh nó tự đầy đủ tất cả công đức.”

Căn cứ theo các kinh luận thì bản thể chân tâm siêu xuất nhân quả, thông suốt cổ kim, chẳng lập phàm thánh và không có các đối đãi, như hư không rộng lớn biến khắp tất cả. Diệu thể ngưng tịch, dứt hết các hý luận, chẳng sanh chẳng diệt, phi hữu phi vô, chẳng động chẳng lay, trạm nhiên thường trụ. Gọi là Chủ nhân ông ngày xưa, là người ở mé kia của Phật Oai Âm, gọi là Tự kỷ trước Không kiếp. Một giống thường hằng không một mảy may tì vết, tất cả sơn hà đại địa, cỏ cây rừng bụi, vạn tượng sum la, các pháp nhiệm tịnh, đều từ trong ấy mà ra.

Cho nên kinh Viên Giác nói: “Này các thiện nam, Vô thượng Pháp vương có một pháp môn Đại đà-la-ni gọi là Viên Giác, từ đó lưu xuất tất cả thanh tịnh Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, dạy dỗ cho các Bồ-tát.”

Ngài Khuê Phong nói: “Tâm ấy rộng rang mà thuần diệu, rực rỡ mà mầu sáng, chẳng đến chẳng đi, thông suốt cả ba mé, chẳng phải trong ngoài, suốt khắp mười phương. Chẳng sanh chẳng diệt, bốn núi nào có thể hại. Lìa tánh lìa tướng, nào bị năm sắc làm mờ.”

Ngài Vĩnh Minh trong Duy Tâm Quyết nói: “Xét về tâm này là cái diệu trong lẽ mầu mà hội khắp, là vua của muôn pháp. Ba thừa năm tánh đều thâm về, hay làm mẹ của nghìn bậc thánh. Độc tôn độc quý không gì sánh bằng. Thật là nguồn của đại đạo, là chân pháp yếu vậy. Tin tâm này, nên ba đời Bồ-tát đồng học là học tâm này. Ba đời chư Phật đồng chứng là chứng tâm này. Một đại tạng giáo giải rõ là hiển tâm này. Tất cả chúng sanh mê vọng là mê tâm này. Tất cả hành nhân phát ngộ là ngộ tâm này. Chư tổ truyền nhau là truyền tâm này. Chư tăng trong thiên hạ đều tham học là tham học tâm này. Đạt tâm này thì mỗi mỗi đều phải, vật vật đều toàn bày. Mê tâm này thì nơi nơi đều điên đảo, niệm niệm đều si cuồng.”

Thế này là Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh, là căn nguồn phát sanh của tất cả thế giới.

Cho nên đức Thế Tôn ở ngọn Thấu Phong lặng thính, ngài Thiện Hiện dưới ngọn núi quên lời, ngài Đạt-ma nơi Thiếu Thất ngó vách, ông cư sĩ thành Tỳ-da ngậm miệng. Tất cả đều phát minh diệu thể của tâm này. Cho nên, người mới vào cửa Tổ cần yếu trước tiên phải hiểu tâm thể này vậy.

4. Diệu dụng của chân tâm

Hỏi: Diệu thể của chân tâm đã biết. Diệu dụng của chân tâm thế nào?

Đáp: Người xưa nói: “Gió động tâm lay cây, mây sanh tánh dấy bụi. Nếu sáng việc hôm nay, mê mất người xưa nay.” Đây là diệu thể khởi ra tác dụng vậy. Diệu thể của chân tâm xưa nay chẳng động, yên tịnh chân thường. Trên chân thể diệu dụng hiện tiền, chẳng ngại mọi trường hợp đều được diệu. Cho nên trong bài tụng của Tổ sư nói:

Tâm tùy muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật sâu xa,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo.

Cho nên trong tất cả thời, động dụng thi vi, đi đông đi tây, ăn cơm mặc áo... đều là diệu dụng của chân tâm hiện tiền. Trái lại kẻ phàm phu mê lầm, khi mặc áo chỉ biết mặc áo, khi ăn cơm chỉ biết ăn cơm, tất cả sự nghiệp chỉ tùy tướng mà chuyển. Bởi dùng hàng ngày mà chẳng biết, ở trước mắt

mà chẳng hay. Nếu người được tánh thì động dụng thi vi chẳng từng mê. Cho nên, Tổ sư nói: “Trong thai gọi là thân, ở đời gọi là người, ở mắt thì thấy, ở tai thì nghe, ở mũi thì ngửi mùi, ở miệng thì đàm luận, ở tay thì nắm bắt, ở chân thì chạy nhảy. Khi biến hiện thì cùng khắp pháp giới, thu nhiếp lại thì chỉ trong hạt bụi. Người biết cho đó là Phật tánh, người chẳng biết gọi là tinh hồn.”

Thế nên Đạo Ngô múa hốt, Thạch Củng giương cung, Bí Ma đập nạng, Câu Chi giơ ngón tay, Hân Châu đánh đất, Vân Nham sư tử. Đây là phát minh ra những đại dụng lớn vậy. Nếu việc hằng ngày chẳng mê thì tự nhiên tung hoành tự tại.

5. Thể dụng của chân tâm một hay khác

Hỏi: Thể dụng của chân tâm chưa biết là một hay khác?

Đáp: Đứng về mặt tướng thì chẳng phải một. Đứng về mặt tánh thì chẳng phải khác. Cho nên thể dụng của tâm này chẳng phải một chẳng phải khác. Tại sao thế? Thử vì ông bàn đó:

Diệu thể thì bất động, dứt mọi đối đãi và lìa tất cả tướng. Người chưa đạt tánh khế chứng không thể lường được lý này.

Diệu dụng tùy duyên ứng khắp muôn loài, vọng lập ra hư tướng, giống như có hình trạng. Nhằm vào hữu tướng, vô tướng này nên chẳng phải một.

Lại, dụng từ thể phát ra, dụng không lìa thể. Thể hay phát dụng, thể chẳng lìa dụng. Nhằm vào

cái lý bất tương ly này, nên chẳng phải khác. Như nước lấy tánh ướt làm thể, thể thì không động. Sóng lấy động làm tướng, vì nhân gió mà dấy khởi. Tánh nước, tướng sóng, động với chẳng động, nên chẳng phải một. Nhưng ngoài sóng không có nước, ngoài nước không có sóng. Tánh ướt là một nên chẳng phải khác. Xét trên thể dụng một hay khác có thể biết vậy.

6. Chân tâm trong mê

Hỏi: Thể dụng của chân tâm mọi người đều có đủ. Vì sao nơi thánh phàm chẳng đồng?

Đáp: Nơi thánh phàm chân tâm vốn đồng, vì phàm phu vọng tâm nhận vật, nên mất tự tánh thanh tịnh, do đây bị ngăn cách. Thế nên chân tâm không được hiện tiền. Ví như bóng cây trong tối, dòng nước chảy ngầm dưới đất, có nhưng không biết.

Trong kinh nói: “Này thiện nam tử! Như viên ma-ni bảo châu thanh tịnh chiếu ra năm sắc, tùy chỗ mà hiện. Kẻ ngu si thấy ma-ni châu kia thật có năm sắc. Thiện nam tử! Tánh tịnh viên giác hiện ở thân tâm, tùy loại mà có ứng hiện. Kẻ ngu si kia nói tánh tịnh viên giác thật có thân tâm như thế. Tự tánh cũng lại như vậy.”

Trong Triệu Luận nói: “Bên trong của càn khôn, khoảng giữa của vũ trụ, trong ấy có một vật báu ngầm giấu trong hình sơn.” Đây là chân tâm tại triền vậy.

Lại, Từ Ân nói: “Pháp thân sẵn có, chư Phật đều đồng. Phàm phu bị vọng che, nên có mà chẳng biết. Phiền não cột ở trong nên gọi Như Lai tàng.”

Bùi Hưu nói: “Suốt ngày viên giác mà chưa từng viên giác, ấy là phàm phu vậy.”

Nên biết, chân tâm tuy ở trần lao mà không bị trần lao làm nhiễm. Như bạch ngọc ném vào bùn, màu sắc không đổi.

7. Chân tâm và sự dứt vọng

Hỏi: Chân tâm nơi vọng là phàm phu. Vậy làm thế nào thoát vọng để thành thánh?

Đáp: Người xưa nói: “Vọng tâm không chỗ nơi tức là Bồ-đề, Niết-bàn và sanh tử vốn bình đẳng.”

Kinh nói: “Chúng sanh kia thân huyễn diệt, nên tâm huyễn cũng diệt. Tâm huyễn diệt nên huyễn trần cũng diệt. Huyễn trần diệt, nên huyễn diệt cũng diệt. Huyễn diệt diệt rồi, nên cái phi huyễn chẳng hề diệt. Ví như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện.”

Ngài Vĩnh Gia nói: “Tâm là căn, pháp là trần. Cả hai như vết nhơ trên gương, vết nhơ hết, ánh sáng mới hiện. Tâm pháp đều quên, tánh ấy tức chân.”

Đấy là ra khỏi vọng thì thành chân.

Hỏi: Trang Sinh nói: “Tâm ấy nóng thì cháy lửa, lạnh thì đóng băng, mau thì khoáng cúi ngược,

lại hay vỗ về ngoài bốn bề, chỗ ở của nó sâu mà tĩnh. Khi nó động thì huyền mà thiên. Đây là chỉ cho tâm của con người vậy.” Trang Sinh nói cái tâm của kẻ phàm phu không thể trị phục như thế. Chưa biết nhà Thiền dùng phương pháp gì để điều phục vọng tâm?

Đáp: Lấy pháp vô tâm để trị vọng tâm.

Hỏi: Người vô tâm chẳng khác cây cỏ. Xin lập bày phương tiện về thuyết vô tâm?

Đáp: Nay nói vô tâm ấy, chẳng phải thể của nó vô tâm mà gọi là vô tâm. Chỉ trong tâm không vật nên gọi là vô tâm. Ví như nói: Bình không là do trong bình không có vật gì, nên gọi là bình không, chứ chẳng phải thể của bình là không nên gọi là bình không.

Cho nên Tổ sư nói: “Người chỉ nơi tâm vô sự, nơi sự vô tâm, thì tự nhiên rỗng mà mầu, tịch mà diệu.” Đây là yếu chỉ của tâm vậy. Căn cứ đây mà xét thì không vọng tâm, chứ không phải không có chân tâm diệu dụng. Từ xưa đến nay chư tổ đã nói đến thực hành công phu vô tâm, chủng loại không đồng nhau.

Nay đại khái tóm nêu ra mười loại:

1- Giác sát: Nghĩa là khi hành công phu, bình thường phải dứt niệm và đề phòng niệm khởi. Một niệm vừa sanh liền dùng giác mà phá nó. Vọng niệm phá rồi, biết niệm sau chẳng sanh, cái giác trí này

cũng không dùng tới nữa. Lúc ấy, vọng giác đều mất nên gọi là vô tâm. Nên Tổ sư nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.” Lại kệ rằng:

Chẳng cần cầu chân

Chỉ nên dứt kiến.

Đây là công phu dứt vọng.

2- Hư kiệt: Nghĩa là khi hành công phu chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tâm vừa khởi liền thôi, gặp duyên liền dứt. Người xưa nói: “Một mảnh lụa trắng đi! Lạnh như đất đi! Lò hương trong miếu cổ đi! Thẳng đến chỗ dứt lìa không còn một mảy may phân biệt, như ngây như dại mới có chút phần tương ứng.” Đây là công phu Dứt sạch vọng tâm vậy.

3- Dẫn tâm tồn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, nên dứt hết tất cả vọng niệm. Chẳng đoái đến ngoại cảnh, chỉ tự dứt tâm mình thôi. Vọng tâm đã dứt lo gì có cảnh. Đây là pháp môn mà người xưa gọi là “Đoạt nhân bất đoạt cảnh”. Cho nên ngạn ngữ có câu: “Nơi đây đầy hoa thơm cỏ lạ mà người xưa không có.” Bàn Công nói: “Chỉ tự mình vô tâm với muôn vật, lo gì muôn vật thường khuấy phá.” Đây là công phu Dứt vọng hết tâm còn cảnh.

4- Dẫn cảnh tồn tâm: Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả cảnh trong, cảnh ngoài đều quán là không tịch, chỉ còn lại một tâm độc lập một mình. Cho nên người xưa nói: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, cũng chẳng cùng các trần đối đãi.”

Tâm nếu chấp cảnh tâm tức là vọng, nay đã không cảnh thì vọng nào có được? Đây là chân tâm độc chiếu chẳng chướng ngại nơi đạo. Tức người xưa gọi là pháp môn “Đoạt cảnh bất đoạt nhân”. Cho nên có câu: “Vườn trên hoa đã rụng, xe ngựa vẫn còn đầy.” Lại cũng có câu: “Ba ngàn kiếm khách nay đâu tá, chỉ kể Trang Chu định thái bình.” Đây là công phu Dứt vọng hết cảnh còn tâm.

5- Dẫn tâm dẫn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, trước quán ngoại cảnh đều không tịch, kế đó diệt nội tâm. Khi nội tâm ngoại cảnh đều lặng thì vọng từ đâu mà có được. Cho nên Quán Khê nói: “Mười phương không vách đổ, bốn phía cũng không cửa, sạch trội trơn, bày trơ trơ.” Tức pháp môn mà người xưa gọi “Nhân cảnh lưỡng câu đoạt”. Cho nên có câu: “Mây tan nước trôi chảy, lặng lẽ trời đất không.” Lại có câu: “Người trâu đều chẳng thấy, chính lúc vàng trăng trong.” Đây là công phu Dứt vọng tâm hết cảnh hết.

6- Tôn tâm tôn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, để tâm trụ trong vị trí của tâm, cảnh trụ vị trí của cảnh. Có khi tâm và cảnh đối nhau, thì tâm chẳng thủ cảnh, cảnh chẳng đến tâm, mỗi mỗi chẳng đến nhau, tự nhiên vọng niệm chẳng sanh, nơi đạo chẳng ngại. Cho nên Kinh nói: “Pháp ấy trụ nơi bản vị của nó. Tướng của thế gian thường trụ.” Tức là pháp môn Nhân cảnh câu bất đoạt của Tổ sư. Cho nên có câu: “Một mảnh trăng rộng chiếu, bao nhiêu người lên lầu.” Lại cũng có câu: “Hoa núi ngàn

muôn đóa, lãng tử chẳng biết về.” Đây là công phu Diệt vọng còn tâm còn cảnh.

7- Nội ngoại toàn thể: Nghĩa là khi hành công phu, quán thấy sơn hà đại địa, trời, trăng, sao, nội thân ngoại thân, tất cả các pháp đều đồng một thể chân tâm trạm nhiên hư minh, không tí sai khác. Đại thiên sa giới gồm thành một mảnh, lại ở chỗ nào khởi vọng tâm? Cho nên Triệu pháp sư nói: “Trời đất cùng ta đồng nguồn, muôn vật cùng ta đồng thể.” Đây là công phu diệt vọng Nội ngoại toàn thể.

8- Nội ngoại toàn dụng: Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả thân tâm trong ngoài, các pháp trong thế giới và tất cả động dụng thi vi, trọn thấy là diệu dụng của chân tâm. Tất cả tâm niệm vừa sanh là diệu dụng hiện tiền, vọng tâm chỗ nào mà an trí. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Thật tánh vô minh là Phật tánh, thân không huyền hóa tức pháp thân.” Trong Chí Công Thập Nhị Thời Ca nói: “Thường buổi sớm, máy cuồng ẩn chứa Đạo nhân thân, ngòi nằm chẳng biết nguyên là đạo, chỉ thế luống mà chịu đắng cay.” Đây là công phu dứt vọng Nội ngoại toàn dụng.

9- Túc thể tức dụng: Nghĩa là khi hành công phu, tuy thâm hợp với chân thể, chỉ một vị không tịch nhưng mà nơi trong ẩn một cái linh minh, nên thể tức dụng. Trong cái linh minh ẩn cái không tịch, nên dụng tức thể. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Tĩnh tĩnh lạng lạng phải, tĩnh tĩnh vọng tưởng quấy. Lạng lạng tĩnh tĩnh phải, vô ký lạng lạng sai.” Đã trong cái

lặng lẽ không dung vô ký, trong cái tỉnh táo không dung loạn tưởng, thì vọng tâm làm sao sanh được? Đây là công phu diệt vọng Tức thể tức dụng.

10- Thấu xuất thể dụng: Nghĩa là khi hành công phu, chẳng phân trong ngoài, chẳng phân biệt đông tây nam bắc. Dem bốn phương tám mặt, chỉ làm một môn “Đại giải thoát viên đà-dà-địa”. Thể dụng chẳng phân, không một mảy may rỉ lậu. Suốt thân gồm thành một mảnh, vọng kia chỗ nào khởi được? Người xưa nói: “Suốt thân không đường nứt, trên dưới đều tròn trịa.” Đây là công phu diệt vọng Thấu xuất thể dụng.

Mười phương pháp công phu trên chẳng nên dùng cả, mà chỉ một môn cho được thành tựu, thì cái vọng tâm kia tự nhiên tiêu diệt, chân tâm hiện tiền. Tùy căn cơ đã huân tập từ trước, xem thích hợp với pháp nào, nên tập pháp đó.

Công phu ở đây là công mà không công, chẳng để tâm dụng sức. Cái pháp môn thôi dứt vọng tâm này rất tối trọng yếu. Pháp môn diệt vọng còn nhiều, sợ văn rườm nên chỉ lược thôi.

8. Chân tâm với bốn oai nghi

Hỏi: Trên đã nói cách dứt vọng, nhưng chưa biết chỉ ngồi tập hay thông cả bốn oai nghi?

Đáp: Các kinh luận phần nhiều nói ngồi tập, vì ngồi dễ thành công hơn, nhưng cũng thông cả bốn oai nghi, tập lần lần rồi từ từ được thuần thục.

Luận Khởi Tín nói: “Người tu Chỉ, nên ở chỗ tịnh ngồi ngay thẳng giữ ý chân chánh. Chẳng nương tựa vào hơi thở, chẳng nương vào hình sắc, chẳng nương vào không, chẳng nương vào đất nước gió lửa. Cho đến chẳng nương vào thấy, nghe, hay, biết. Tất cả các tướng tùy niệm đều trừ, cũng nên dẹp luôn cái tướng trừ, vì tất cả pháp xưa nay vốn vô tướng, niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Cũng chẳng được tùy tâm niệm cảnh giới bên ngoài. Sau rốt lấy tâm trừ tâm, tâm nếu chạy rong liền kéo về trụ nơi chánh niệm. Chánh niệm là chỉ có tâm chứ không có cảnh giới bên ngoài. Lại tâm này cũng không có tự tướng, niệm niệm không thật có. Nếu từ ngồi, đứng, đi lại, tới lui, tất cả động tác thi vi, trong tất cả thời thường nhớ phương tiện tùy thuận mà quán sát, tập lâu ngày được thuần thục thì tâm ấy được an trụ. Do tâm an trụ nên lần lần bén nhạy. Thuận theo đó mà được nhập vào Chân như tam-muội. Dẹp sạch phiền não, lòng tin tăng trưởng, mau thành quả bất thối. Chỉ trừ hạng người nghi hoặc chẳng tin, bài báng, tội nặng, nghiệp chướng, ngã mạn, giải đãi. Những hạng người này chẳng đặt vào.”

Theo đây mà xét thì thông cả bốn oai nghi.

Kinh Viên Giác nói: “Trước nương theo hạnh Xa-ma-tha (Chỉ) của Như Lai, kiên trì cấm giới, yên ở trong đồ chúng, yên ngồi trong tịnh thất.” Đây là mới tập.

Vĩnh Gia nói: “Đi cũng thiên, ngồi cũng thiên. Nói nín động tịnh thể an nhiên.” Đây là thông cả bốn oai nghi.

Tóm lại, dùng sức ngồi còn chẳng thể dứt được tâm, huống là đi đứng v.v... há hay vào đạo ư? Nếu là người dụng tâm thuần thực, thì ngàn thánh đi đến còn chẳng đứng dậy, muôn loài ma kéo lại còn chẳng thềm nhìn. Huống là trong đi đứng... chẳng hay hành công phu sao? Như người oán thù kẻ khác, nhẫn đến đi đứng, nằm ngồi, ăn uống... trong tất cả thời còn không thể quên được. Sự thương mến kẻ khác cũng lại như thế. Vả lại, việc yêu ghét là việc hữu tâm, còn ở trong hữu tâm hiện tiền được. Nay hành việc công phu là việc vô tâm, lại nghi gì ở trong bốn oai nghi chẳng thường hiện tiền ư? Chỉ sợ chẳng tin chẳng làm, nếu làm nếu tin, thì ở trong các oai nghi đạo ắt hiện tiền.

9. Chỗ ở của chân tâm

Hỏi: Dứt vọng tâm thì chân tâm hiện. Nói thế thì thể dụng của chân tâm nay ở chỗ nào?

Đáp: Diệt thể của chân tâm khắp cả chỗ. Vĩnh Gia nói: “Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ. Còn tìm tức biết anh chưa thấy.” Kinh nói: “Tánh như hư không thường chẳng động, trong Như Lai tạng chẳng khởi, chẳng diệt.” Đại Pháp Nhân nói: “Nơi nơi đường Bồ-đề, chốn chốn rừng công đức.” Đây là chỗ ở của thể.

Diệu dụng của chân tâm tùy cảm, tùy hiện, như vang theo tiếng. Pháp Đăng nói: “Xưa nay theo chẳng rời, rõ ràng nơi trước mặt. Cùm mây sanh hang tối, cô hạc đáp trời xa.”

Ngụy Phủ Nguyên Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp ở chỗ việc hằng ngày, chỗ đi đứng ngồi nằm, chỗ ăn cơm uống trà, chỗ nói năng hỏi đáp. Các hành động ấy mà khởi tâm động niệm thì không phải.”

Cho nên, thể thì biến khắp mọi nơi, trọn hay khởi dụng. Chỉ vì nhân duyên có, không chẳng nhất định, cho nên diệu dụng cũng chẳng định, chứ chẳng phải không diệu dụng. Người tu tâm muốn vào biển vô vi vượt các sanh tử, chớ mê lầm chỗ ở của thể dụng chân tâm.

10. Chân tâm và việc sanh tử

Hỏi: Thường nghe người kiến tánh ra khỏi sanh tử, nhưng từ xưa chư tổ là người kiến tánh sao đều có sanh tử? Nay hiện thấy người tu trong đời đều có chết sống. Thế sao nói rằng ra khỏi sanh tử?

Đáp: Sanh tử vốn không, do vọng nên thấy có. Như người đau mắt thấy trong hư không có hoa đốm. Người không đau nói trong hư không chẳng có hoa. Người đau mắt không tin. Nếu mắt hết đau thì cái thấy hoa trong hư không cũng tự hết. Lúc ấy mới tin rằng hoa vốn không. Lúc hoa chưa diệt, hoa kia cũng không. Chỉ người bệnh vọng chấp là hoa, chứ chẳng phải thể nó thật có.

Như người vọng nhận sanh tử là có thật. Nếu người không sanh tử bảo rằng: “Vốn không sanh tử.” Một mai người ấy vọng dứt, sanh tử tự trừ, mới biết việc sanh tử xưa nay vốn là không. Ngay lúc sanh tử chưa dứt cũng chẳng phải thật có. Do vọng nên nhận có sanh tử thôi.

Kinh nói: “Thiện nam tử, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều lớp. Như người mê bốn hướng đổi chỗ. Vọng nhận tứ đại làm tướng của tự thân, sáu trần duyên bóng làm tướng của tự tâm. Ví như người đau mắt thấy hoa giữa hư không. Cho đến các hoa đốm ấy diệt trong hư không. Không thể nói quyết rằng có chỗ diệt. Vì sao? Vì không chỗ sanh vậy. Tất cả chúng sanh nơi vô sanh vọng thấy có sanh diệt. Cho nên gọi là luân chuyển sanh tử.”

Cứ theo Kinh này tin biết rằng đạt ngộ chân tâm vốn không sanh tử. Nay biết không sanh tử mà không thể thoát sanh tử, vì công phu không đến vậy. Cho nên trong Kinh nói: “Am-bà nữ hỏi Văn-thù rằng: Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử cuốn trôi? Văn-thù đáp: Vì sức kia chưa đầy đủ.”

Sau này Tiến sơn chủ hỏi Tu sơn chủ rằng: “Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử cuốn trôi?” Tu sơn chủ đáp: “Mãng trọn thành tre, như nay khiến làm phen được chẳng?” Thế nên Biết không sanh tử, chẳng bằng Thể không sanh tử. Thể không sanh tử chẳng bằng Khế không sanh tử.

Khế không sanh tử chẳng bằng Dụng không sanh tử. Người nay còn chẳng biết không sanh tử, huống là Thể không sanh tử, Khế không sanh tử, Dụng không sanh tử? Người nhận sanh tử, không tin pháp không sanh tử cũng vậy.

11. Chân tâm và chánh trợ

Hỏi: Như trước đã nói dứt vọng thì chân tâm hiện tiền. Khi vọng chưa dứt, thì chỉ hành công phu vô tâm để hết vọng. Lại còn có pháp nào khác có thể đối trị các vọng không?

Đáp: Có chánh tu và trợ tu sai khác nhau. Lấy vô tâm dứt vọng làm chánh, lấy các hành động lành làm trợ. Ví như gương sáng bị bụi che lấp, lấy sức tay lau chùi, nhưng cũng cần thêm thuốc để chùi thì ánh sáng mới dễ hiện. Bụi như là phiền não. Sức tay là vô tâm. Thuốc là các việc lành. Ánh sáng của gương là chân tâm.

Trong Luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, có người do lòng tin thành tựu mà phát tâm, lại phát tâm gì? Lược có ba loại: Một, trực tâm là pháp chánh niệm Chân như; hai, thâm tâm là gồm các pháp lành; ba, đại bi tâm là muốn nhổ tất cả khổ não cho chúng sanh.”

Hỏi: Trên đã nói pháp giới một tướng, Phật thể không hai, cố sao chỉ một niệm Chân như, mà lại nhờ cầu học các việc lành nữa?

Đáp: Ví như có hạt ma-ni báu lớn, sáng trong mà có lẫn quặng như. Như người tuy biết nó có tánh quý, mà chẳng dùng phương tiện để mài giũa,

trọn không thể trong sáng được. Vì nhớ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả hạnh lành. Cũng như vậy, pháp Chân như thể tánh không lặng mà có vô lượng phiền não nhiễm nhớ. Nếu người tuy niệm Chân như mà chẳng dùng các phương tiện để huân tập, cũng không được tịnh vì nhớ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả thiện hạnh để đối trị. Nếu người tu, hành tất cả pháp lành thì tự nhiên quy thuận pháp Chân như.

Theo đây mà xét, lấy thôi hết vọng tâm làm chánh, tu các pháp lành làm trợ. Nếu khi tu thiện nên cùng với vô tâm kế hợp nhau, chẳng chấp trước nhân quả. Nếu chấp trước nhân quả bèn rơi vào phàm phu, trong phước báo nhân thiên, khó chứng Chân như, chẳng thoát sanh tử. Nếu cùng vô tâm tương ứng ấy là chứng Chân như. Đây là thuật khéo làm phương tiện thoát sanh tử, lại gồm phước đức rộng rãi. Trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng bố thí, thì phước đức vị ấy không nghĩ lường được.”

Nay thấy người đời có tham thiền học đạo. Vừa biết được bản lai Phật tánh, bèn tự thị nơi thiên chân chẳng tập làm các việc lành. Như vậy, đâu chỉ chẳng đạt chân tâm, mà trở lại thành giải đãi, đường ác còn chẳng khỏi, huống là thoát sanh tử? Cái chấp này rất lầm!

12. Công đức của chân tâm

Hỏi: Hữu tâm tu nhân công đức chẳng còn nghi. Vô tâm tu nhân công đức từ đâu đến?

Đáp: Hữu tâm tu nhân được quả hữu vi. Vô tâm tu nhân được công đức hiển tánh. Các công đức này xưa nay tự đầy đủ, do vọng che cho nên không hiện, nay vọng đã trừ công đức hiện tiền. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Ba thân bốn trí tròn trong thể, tám giải sáu thông ấn đất tâm.” Thế là trong thể tự nó đầy đủ tánh công đức. Trong cổ tụng có câu: “Nếu người tịnh tọa một tí thôi, hơn tạo hằng sa tháp bảy báu. Tháp báu trọn lại hóa vi trần, một niệm tịnh tâm thành chánh giác.” Cho nên vô tâm công đức lớn hơn hữu tâm.

Hòa thượng Thủy Lạp ở Hồng Châu đến tham vấn Mã Tổ. Hỏi: “Ý chỉ của Tổ sư từ Ấn sang như thế nào?” Bị Mã Tổ tống cho một đạp té nhào. Bỗng nhiên phát ngộ. Đứng dậy vỗ tay cười lớn nói rằng: “Lạ thay! lạ thay! Trăm ngàn tam-muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ trên đầu một mảy lông.” Liền một lúc hiểu được căn nguyên, bèn làm lễ rồi lui. Cứ theo đây thì công đức không từ ngoài đến, mà nó vốn tự đầy đủ.

Tứ Tổ bảo Lại Dung⁽¹⁾ thiền sư rằng: “Phàm trăm ngàn pháp môn chỉ đồng về trong gang tấc, công đức như hằng sa gồm lại nơi nguồn tâm. Tất cả môn giới định tuệ thân thông biến hóa, trọn tự đủ chẳng lia tâm ông.” Cứ theo lời Tổ sư, vô tâm công đức rất nhiều. Chỉ có người thích công đức nơi sự tướng, nên công đức vô tâm họ không tự tin.

⁽¹⁾ Lại Dung: Ngài hiệu là Pháp Dung, nhưng do say mê tọa thiền, có ai đến cũng không buồn chào hỏi, nên người đời gọi là Lại Dung; (chữ Lại là lưỡi biếng).

13. Kinh nghiệm chân tâm

Hỏi: Chân tâm hiện tiền, thế nào biết chân tâm được thành thực vô ngại?

Đáp: Người học đạo khi đã được chân tâm hiện tiền, nhưng tập khí chưa trừ, nếu gặp cảnh quen thuộc có lúc thất niệm. Như chần trâu, tuy điều phục nó, dẫn dắt nó đến chỗ như ý rồi, mà còn chẳng dám buông dây dầm và roi. Đợi đến tâm nó điều phục, bước đi ổn thỏa, dù chạy vào lúa mạ cũng không hại đến lúa mạ, lúc ấy mới dám buông tay. Đến lúc này chú mục đồng không còn dùng dây dầm và roi nữa, tự nhiên con trâu không hại đến lúa mạ.

Như đạo nhân sau khi nhận được chân tâm, trước lại dụng công bảo dưỡng, đến khi có lực dụng lớn, mới có thể lợi sanh. Nếu muốn kinh nghiệm chân tâm này, thì trước đem những cảnh mà bình thường mình yêu thích, luôn tưởng ở trước mặt. Nếu nương theo cảnh đó khởi tâm yêu ghét thì tâm đạo chưa thuần thực. Nếu chẳng khởi tâm yêu ghét thì tâm đạo đã thuần thực. Tuy nhiên được thuần thực như vậy, mà còn chưa phải tự nhiên chẳng khởi yêu ghét. Lại phải kinh nghiệm một lần nữa. Như khi gặp cảnh yêu ghét, lúc ấy khởi tâm yêu ghét và khiến thủ cảnh yêu ghét ấy. Nếu tâm chẳng khởi là tâm vô ngại. Như trâu trắng nằm sờ sờ chẳng tổn hại lúa mạ.

Xưa có vị mắng Phật mạ Tổ, ấy là cùng tâm này tương ứng. Nay thấy có người mới vào Tông môn này,

chưa biết đạo gần hay xa, liền học mắng Phật mạ Tổ. Thật tính ra quá sớm vậy.

14. Chân tâm vô tri

Hỏi: Chân tâm cùng vọng tâm khi đối cảnh làm sao phân biệt chân vọng?

Đáp: Vọng tâm đối cảnh có biết, nhưng mà biết nơi cảnh thuận nghịch rồi khởi tâm tham sân. Lại ở trong đó chứa cảnh rồi khởi tâm si. Nơi cảnh khởi ba độc tham sân si, đủ rõ là vọng tâm. Tổ sư nói: “Nghịch thuận tranh nhau là tâm bệnh.” Cho nên đối với cảnh phải hay chẳng phải đều là vọng tâm cả.

Còn chân tâm không biết mà biết, chiếu khắp bình đẳng nên khác với cây cỏ. Chẳng sanh yêu ghét nên khác với vọng tâm. Tức đối cảnh rộng sáng, chẳng yêu chẳng ghét, chẳng biết mà biết ấy là chân tâm.

Trong Triệu Luận nói: “Thánh tâm ấy vi diệu vô tướng nên chẳng có. Dụng nó thì đầy sự cần dùng nên chẳng thể là không. Cho đến chẳng có, nên biết mà không biết; chẳng không, nên không biết mà biết. Vì thế nên không biết tức biết. Bất đắc dĩ nói khác với tâm của thánh nhân vậy.”

Lại vọng tâm nơi có chấp có, nơi không chấp không, thường ở hai bên chẳng biết trung đạo. Vĩnh Gia nói: “Bỏ vọng tâm giữ chân lý, tâm lấy bỏ thành xảo ngụy, người học chẳng rõ dụng tu hành, lâu thành nhận giặc lấy làm con.” Nếu là chân tâm

thì ở trong hữu vô mà không rơi vào hữu vô, thường ở trung đạo.

Tổ sư nói: “Chẳng đuổi hữu duyên, chớ trụ không nhân, một mực bình đẳng tuyệt nhiên tự sạch.”

Triệu Luận nói: “Thánh nhân làm việc có mà chẳng có. Ở trong không mà chẳng không. Tuy không chấp có không mà chẳng bỏ có không. Hòa mình trong trần lao, dạo khắp ngũ thú, lặng lẽ mà đi, rõ ràng mà đến, nhặt nhẹo không làm mà không gì chẳng làm.”

Đây là nói bậc Thánh nhân đuổi tay vì người, đi khắp ngũ thú để tiếp dẫn giáo hóa chúng sanh. Tuy tới lui mà không ở trong tướng tới lui. Vọng tâm chẳng phải thế. Cho nên chân tâm vọng tâm không đồng. Lại chân tâm là tâm bình thường, vọng tâm là tâm bất bình thường.

Hỏi: Sao gọi là tâm bình thường?

Đáp: Mọi người đều có đủ một điểm linh minh, trạm nhiên như hư không, biến khắp mọi nơi. Đối với việc thế tục tạm gọi là lý tánh. Đối với vọng thức quyền gọi là chân tâm. Không một mảy may phân biệt, gặp duyên chẳng lằm. Không một niệm lầy bở, chạm vật đều khắp, chẳng theo cảnh đời đổi. “Giả sử theo dòng được diệu. Chẳng lìa hiện tại lặng yên. Còn tìm tức biết anh chưa thấy.” Đấy tức là chân tâm vậy.

Hỏi: Sao gọi là tâm bất bình thường?

Đáp: Cảnh có thánh phàm, nhiễm tịnh, đoạn thường, lý sự, sanh diệt, động tĩnh, khứ lai, tốt xấu, thiện ác, nhân quả. Nếu nhỏ nhặt mà kể ắt có ngàn sai muôn khác. Nay nêu ra mười đôi đều gọi là cảnh bất bình thường. Tâm theo cảnh bất bình thường này mà sinh, theo cảnh bất bình thường này mà diệt. Tâm cảnh bất bình thường đối với chân tâm bình thường ở trước, nên gọi là vọng tâm bất bình thường. Chân tâm vốn đủ, chẳng theo cảnh bất bình thường mà khởi các sự sai biệt. Cho nên gọi là chân tâm bình thường.

Hỏi: Chân tâm bình thường không có các nhân khác, thế sao Phật nói nhân quả thiện ác báo ứng?

Đáp: Vọng tâm chạy theo các cảnh, nhưng chẳng rõ các cảnh, nên khởi các tâm. Phật nói các pháp nhân quả để trị các vọng tâm, nên cần lập nhân quả. Nếu chân tâm này chẳng đuổi theo các cảnh, do đó chẳng khởi các tâm, thì Phật cũng chẳng nói các pháp, làm sao có nhân quả?

Hỏi: Chân tâm bình thường chẳng sanh ư?

Đáp: Chân tâm có lúc khởi dụng, nhưng chẳng phải theo cảnh mà sanh, chỉ là diệu dụng du hý, chẳng làm nhân quả.

15. Chỗ đến của chân tâm

Hỏi: Người chưa đạt chân tâm, do mê chân tâm nên làm nhân thiện ác. Do làm thiện nhân nên

sanh trong thiện đạo. Do làm ác nhân nên vào trong ác đạo, theo nghiệp thọ sanh, lý này chẳng nghi. Nếu người đạt chân tâm, vọng tình cạn hết, kế chứng chân tâm không nhân thiện ác. Vậy điểm linh của thân sau gá nương vào chỗ nào?

Đáp: Chớ bảo có chỗ gá nương là hơn không chỗ gá nương. Lại cũng chớ cho không chỗ gá nương, đồng với phiêu linh lãng tử ở thế gian, giống như loài quỷ, cô hồn vô chủ. Đặc biệt nêu câu hỏi này là mong có sự gá nương chứ gì?

- Đúng thế.

- Người đạt tánh thì chẳng đúng, tất cả chúng sanh do mê giác tánh nên vọng tình ái niệm kết nghiệp làm nhân, sanh trong lục thú thọ quả báo thiện ác. Giả như thiên nghiệp là nhân chỉ được có thiên quả. Trừ chỗ phù hợp với nghiệp mà sanh, ngoài ra chẳng được thọ dụng. Các cõi đều như thế. Đã từ nghiệp kia nên chỗ phù hợp sanh cho là vui, chỗ chẳng phù hợp sanh cho là khổ. Bởi chỗ phù hợp sanh là chỗ tự mình gá nương, chỗ chẳng phù hợp là chỗ người khác gá nương. Cho nên có vọng tình thì có vọng nhân. Có vọng nhân thì có vọng quả, có vọng quả thì có gá nương. Có gá nương thì phân ra kia đây. Phân ra kia đây thì có thích hay không thích.

Nay đạt chân tâm kế hợp với giác tánh không sanh diệt, khởi ra diệu dụng không sanh diệt. Diệu thể chân thường vốn không sanh diệt, diệu dụng

tùy duyên như có sanh diệt. Nhưng từ thể sanh ra dụng nên dụng ấy tức là thể. Có gì là sanh diệt? Người đạt đạo tức là chứng chân thể, nên sự sanh diệt kia có can hệ gì? Như nước lấy tánh ướt làm thể, sóng mồi làm dụng. Tánh ướt nguyên không sanh diệt, nên tánh ướt trong sóng mồi nào sanh diệt ư? Nhưng sóng là tánh ướt cũng không riêng có, nên sóng cũng không sanh diệt. Người xưa nói: “Khắp cõi nước là mắt của Sa-môn, khắp cả nước là già lam.” Khắp mọi nơi là chỗ an thân lập mệnh của người ngộ lý. Người đạt chân tâm thì tứ sanh lục đạo một chốc liền tiêu tan. Sơn hà đại địa đều là chân tâm. Chẳng thể là chân tâm này riêng có chỗ gá nương. Đã không ba cõi làm vọng nhân, ắt không có sáu thú làm vọng quả. Vọng quả đã không nói gì gá nương? Không gá nương ắt không bĩ thử, đã không bĩ thử thì có gì là thích hay không thích?

Mười phương thế giới chỉ một chân tâm, toàn thân thọ dụng không riêng gá nương. Lại đối với môn thị hiện thì tùy ý qua lại mà không chướng ngại. Trong Truyền Đăng có chép rằng: “Thượng thư Ôn Tháo hỏi ngài Khuê Phong: Người ngộ lý một phen tuổi thọ hết, gá nương chỗ nào? Khuê Phong đáp: Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ cái linh minh giác tánh, cùng với chư Phật không khác. Nếu hay ngộ tánh này tức là pháp thân, vốn tự vô sanh có gì nương gá? Cái linh minh chẳng muội, rõ ràng thường biết, không chỗ đến cũng không chỗ đi. Chỉ lấy không tịch làm tự thể, chớ nhận sắc thân.

Lấy linh tri làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm nếu dấy lên đều không theo nó, đến lúc mạng chung, khi ấy nghiệp tự nhiên không thể cột. Tuy có thân trung ấm mà chớ đến tự do. Cõi người cõi trời tùy ý gửi nương. Đây tức trước ngộ chân tâm và chớ đến của thân sau ấy vậy.”

Giảng:

1. Chánh tín chân tâm

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tín là nguồn của Đạo, là mẹ của các công đức hay nuôi lớn tất cả các căn lành.” Trong Duy thức cũng nói: “Tín như hạt châu thủy thanh hay làm cho nước dơ được sạch.” Cho nên, muôn điều thiện phát sanh là tín dẫn đầu.

Trước hết là giải thích chánh tín chân tâm. Chữ Tín ở đây giống như chữ Tín trong quyển Tín Tâm Minh của ngài Tăng Xán vậy. Tín là tin, tin cái gì? Tín chân tâm.

Chánh tín chân tâm tức là tin chân tâm một cách chân chính. Ngài dẫn kinh Hoa Nghiêm nói: “Tín vi đạo nguyên công đức mẫu. Tín năng trưởng dưỡng chư thiện căn.” Tin là nguồn của đạo, là mẹ của các công đức, hay nuôi lớn tất cả các căn lành. Thật ra muốn được đạo, muốn thành tựu công đức, muốn đầy đủ mọi phước lành thì Tín là gốc. Trong Duy thức học cũng nói: “Tin như hạt châu thanh thủy hay làm cho nước dơ được sạch,” nghĩa là nước dơ mà bỏ hạt châu thanh thủy xuống nước liền lóng trong. Người tội lỗi mà được niềm tin rồi thì tội lỗi theo đó mà hết. Cho nên muôn điều thiện phát sanh thì tín dẫn đầu.

Vì thế Kinh Phật trước hết lập “Như thị ngã văn” là cốt để sanh lòng tin vậy.

Các Kinh Phật mở đầu đều có câu “Như thị ngã văn, nhất thời...” là để gây niềm tin cho người rằng: Phật nói Kinh có người nghe, có nơi chốn đàng hoàng. Đó là nói lược qua về chữ Tín.

Bây giờ đến phần câu hỏi:

Hỏi: Chữ tín của Giáo môn (Kinh) và chữ tín của Tổ môn (Thiền) có gì sai khác?

Đáp: Có nhiều loại sai khác nhau: Giáo môn khiến người, trời tin ở nhân quả. Như có người thích phước lạc tin Thập thiện là diệu nhân, cõi người cõi trời là lạc quả.

Đây giải thích cho chúng ta thấy rành rẽ. Nếu hạng người chỉ thích hưởng phước báo cõi trời, cõi người thì phải dạy cho họ tin nhân quả. Làm điều lành là nhân tốt, sẽ được quả tốt ở cõi trời, cõi người. Làm điều ác là nhân xấu thì sẽ chịu quả xấu ở cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy giai đoạn thứ nhất của người vào đạo thông thường theo Kinh điển dạy là phải tin nhân quả. Đó là hạng người thứ nhất.

Đến hạng người thứ hai:

Có người thích không tịch, tin nhân duyên sanh diệt là chánh nhân, khổ tập diệt đạo là thánh quả.

Hạng người thứ hai thích không tịch tức là muốn được lặng lẽ, nên họ tin thuyết nhân duyên sanh diệt. Tức là các pháp trên thế gian này đều không thật, do nhân duyên sanh mà có, nhân duyên ly tán thì mất.

Nhân tin và lấy đó làm chánh nhân, khổ, tập, diệt, đạo làm thánh quả, vì vậy thấu suốt được lý Tứ diệu đế, nên chứng được tứ quả Thanh văn. Đó là hạng người thứ hai tu giải thoát.

Bây giờ tới hạng thứ ba:

Có người thích Phật quả, tin ba kiếp sáu độ làm đại nhân, Bồ-đề Niết-bàn làm chánh quả.

Tức là có những người thích được thành Phật, họ tin rằng phải tu qua ba a-tăng-kỳ kiếp và phải đầy đủ lục độ vạn hạnh mới được thành Phật. Họ tin quả quyết như vậy, nên lấy đó làm đại nhân, tức là nhân lớn. Bồ-đề Niết-bàn làm chánh quả.

Đó là dẫn trong Kinh. Bây giờ nói đến đức tin của Tổ môn. Niềm tin trong Thiền tông lại khác.

Tổ môn chánh tín chẳng đồng như trên. Tổ môn chẳng tin tất cả pháp hữu vi nhân quả. Chỉ tin ở tự mình xưa nay là Phật, tự tánh thiên chân người người đều đầy đủ.

Tổ môn là trong nhà Thiền, không tin pháp hữu vi nhân quả theo lối trên, chỉ tin ở mình xưa nay là Phật, tự tánh thiên chân người người đều đầy đủ. Nghĩa là tin nơi mình có sẵn chân tâm, chân tâm đó xưa nay là Phật, ai ai cũng đầy đủ như nhau. Tin chắc chắn, tin quả quyết, gọi đó là chánh tín.

Diệu thể của Niết-bàn mỗi mỗi đều viên thành, chẳng nhờ cầu nơi người khác, từ xưa đến nay nó tự đầy đủ.

Đã tin mình có cái chánh nhân, chánh nhân là Phật tánh thì chánh quả là Niết-bàn cũng tự nơi mình, cái đó cũng sẵn đủ nơi mình chứ không phải ở đâu, đừng cầu, đừng tìm kiếm bên ngoài.

Tam Tổ nói: “Tròn đồng thái hư, không thiếu không dư. Bởi do thủ xả, vì thế chẳng như.”

Đây là dẫn chứng lời trong bài minh của Tam tổ Tăng Xán. Sở dĩ tâm mình không như được là gốc tại thủ xả. Đó là dẫn chứng để nói rõ rằng chúng ta không nhận được bản tâm là do còn thủ và xả.

Ngài Chí Công nói: “Trong thân có tướng là thân không tướng, trên đường vô minh là đường vô sanh.”

Câu này nghe khó hiểu. Trong thân có tướng là thân không tướng, thân không tướng là gì? Tức là pháp thân. Thân có tướng là thân ngũ uẩn. Ngay nơi thân ngũ uẩn đã có pháp thân không tướng.

Trên đường vô minh là đường vô sanh. Chính vô minh là không thật, nếu ngộ được vô minh không thật thì đã chứng vô sanh. Thường thường chúng ta cho vô minh là thật. Nhưng vô minh là gì? Không thấy được bản tâm hay quên bản tâm thì gọi là vô minh. Nếu nhớ lại bản tâm, tin bản tâm thì vô minh hết. Vô minh hết tức là vô sanh chứ có gì lạ. Cho nên nói: “Trên đường vô minh là đường vô sanh.”

Ngài Vĩnh Gia nói: “Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyền hóa không thân tức pháp thân.” Cho nên chúng sanh xưa nay là Phật.

Vô minh thật tánh tức Phật tánh, huyền hóa không thân tức pháp thân, nghĩa là thật tánh của vô minh là Phật tánh và thân huyền hóa không thật là pháp thân. Mê thì thấy vô minh thật, thân này cũng thật. Nếu ngộ thì chính ngay nơi thân huyền hóa nhận được pháp thân, chính nơi vô minh mà nhận được Phật tánh. Cho nên chúng sanh xưa nay là Phật, tin quả quyết như vậy. Nghĩa là ai cũng có sẵn Phật tánh, mà đã có sẵn Phật tánh thì xưa nay đều là Phật.

Đã sanh chánh tín cần phải thêm hiểu biết nữa mới được.

Đã được lòng tin quả quyết như vậy rồi, nhưng tin như vậy chưa đủ mà còn phải hội, tức là còn phải hiểu cho tường tận.

Ngài Vĩnh Minh nói: “Tin mà chẳng hiểu biết thì thêm lớn vô minh. Hiểu biết mà chẳng tin thì thêm lớn tà kiến.” Cho nên tin hiểu gồm hai thì mau vào đạo.

Tin mà không hiểu thì mờ mịt, cho nên nói thêm lớn vô minh. Hiểu mà không tin thì cứ nghĩ cái này, cái kia, cái nọ, nghĩ mãi trở thành tà kiến, cả hai đều là bệnh. Tin, hiểu đầy đủ thì mau vào đạo. Chữ hiểu là hội, tin mà phải hội mới được.

Hỏi: Mới phát lòng tin chưa được vào đạo, có lợi ích chăng?

Đáp: Trong Luận Khởi Tín nói: “Nếu nghe pháp này mà chẳng sanh khiếp nhược, thì nên biết người này nhất định sẽ nối hạt giống Phật và được chư Phật

thọ ký cho. Ví như có người giáo hóa chúng sanh đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, khiến họ hành thập thiện, chẳng bằng có người đối với pháp này khoảng một niệm chánh tư duy thì công đức cũng hơn người trước không thể ví dụ được.”

Trong luận Đại Thừa Khởi Tín nói: Nếu đối với pháp Thiên hay pháp của Tổ môn, mà tin được cái thể chân thật sẵn có nơi mình, thì người đó có công đức vô lượng sẽ nổi hạt giống Phật.

Trong kinh Bát-nhã nói: “Cho đến người chỉ sanh một niệm tịnh tín, Như Lai trọn thấy biết các chúng sanh này được vô lượng phước đức như vậy.”

Chỉ một niệm tịnh tín, tức là một niệm tin chân chính trong sạch thì Phật đã thấy mình có vô lượng phước đức rồi.

Cho nên muốn đi ngàn dặm, bước đầu cần phải chánh; bước đầu nếu sai, ngàn dặm đều sai.

Chỗ này quý vị thấy có đúng không? Nếu bước đầu mà sai thì ngàn dặm đều sai. Ví dụ: Mình đang đứng ở ngã ba đường, một đường đi Bà Rịa, một đường đi Long Hải, một đường về Sài Gòn. Nếu muốn về Sài Gòn mà mình lại bước sang đường đi Long Hải thì bước đầu đã sai, một triệu bước sau cũng sai. Nếu bước đầu bước đúng thì mấy triệu bước sau cũng đúng. Khi tu cũng vậy, bước đầu nhận đúng để tiến tu thì từ đó về sau thanh tịnh tinh tấn và lúc nào cũng sáng suốt. Còn nếu bước đầu mà lạc hướng rồi thì dù cố gắng bước mấy đi nữa thì cũng đi trong sai lầm. Cho nên bước đầu hết sức quan trọng.

Vào nước vô vi niềm tin ban đầu phải chánh, niềm tin ban đầu đã mất muôn thiện đều lui. Cho nên Tổ sư nói: “Mấy may nếu sai, trời đất ngăn cách.” Đây là lý này vậy.

Người tu bước đầu phải có nhận định đúng đắn, tức là niềm tin ban đầu phải chánh. Nếu niềm tin ban đầu sai rồi thì tất cả pháp lành đều sai. Nên Tổ sư nói: “Mấy may nếu sai, trời đất ngăn cách.” Sai đi một tí ban đầu là đã cách xa trời đất.

2. Tên khác của chân tâm

Đến đây ngài nói các tên khác của chân tâm để chúng ta khỏi lầm. Khi đọc kinh luận mình biết liền, khỏi lầm lẫn khỏi cần tìm nghĩa nhọc nhằn.

Hỏi: Đã sanh chánh tín, nhưng chưa biết thế nào gọi là chân tâm?

Đáp: Là vọng gọi là chân.

Khi không còn vọng thì lúc đó không nói chân nữa. Có vọng thì thấy có chân, chân là đối với vọng. Không vọng tức là không chân. Nhưng ở đây vì phương tiện nên ngài nói: Là vọng gọi là chân.

Linh giám gọi là tâm. Trong kinh Lăng-nghiêm đã nói rõ tâm này.

Linh giám tức là chiếu soi, không vọng mà vẫn chiếu soi nên gọi là tâm. Về nghĩa chân tâm trong kinh Lăng-nghiêm có nói đầy đủ, ở đây không dẫn nhiều.

Hỏi: Chỉ gọi chân tâm thôi, hay có tên riêng khác nữa chăng?

Đáp: Phật dạy, Tổ dạy lập danh không đồng nhau. Phật dạy trong Bồ-tát Giới gọi là Tâm địa, vì hay phát sanh muôn việc thiện.

Trong Bồ-tát Giới, chân tâm gọi là Tâm địa. Tại sao gọi là Tâm địa? Bởi vì chân tâm hay phát sanh ra muôn việc thiện cho nên gọi là Tâm địa.

Kinh Bát-nhã gọi là Bồ-đề, vì lấy giác làm thể.

Bồ-đề là giác, lấy giác làm thể gọi là Bồ-đề. Nói Bồ-đề cũng là chân tâm, nói Tâm địa cũng là chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm gọi là Pháp giới, vì giao triệt và dung nhiếp. Kinh Kim Cang gọi là Như Lai, vì không từ đâu đến. Kinh Bát-nhã gọi là Niết-bàn, vì là chỗ quy hướng của chư thánh. Kinh Kim Quang Minh gọi là Như Như, vì chân thường bất biến. Kinh Tịnh Danh gọi là Pháp thân, vì là chỗ nương của hóa thân và báo thân. Luận Khởi Tín gọi là Chân như vì chẳng sanh chẳng diệt. Kinh Niết-bàn gọi là Phật tánh vì là bản thể của ba thân. Kinh Viên Giác gọi là Tổng trì, vì mọi công đức từ đó mà lưu xuất. Kinh Thắng Man gọi là Như Lai tạng, vì ẩn phú và hàm nhiếp. Kinh Liễu Nghĩa gọi là Viên giác, vì hay chiếu phá mờ tối.

Pháp giới, Như Lai, Niết-bàn, Như như v.v... tuy tên khác nhưng đều chỉ chân tâm. Nghe nhiều tên khác nhau chúng ta không hiểu nói cái gì, rồi cứ lo giải nghĩa: Như Lai là gì? Pháp thân, Tổng trì là gì? Học chữ này chữ kia hai ba ngày. Cuối cùng đều quy về một chân tâm thôi, mà trong kinh luận lập biết bao nhiêu tên khác nhau như vậy.

Do đây nên ngài Vĩnh Minh thiền sư trong Duy Tâm Quyết nói: “Một pháp có ngàn tên, tùy theo duyên mà lập hiệu.” Tất cả còn đây đủ trong các Kinh, không thể kể ra hết được.

Một pháp tức là chỉ cho tâm, tâm có cả ngàn tên là do tùy duyên mà đặt.

Hỏi: Phật dạy đã biết, tổ dạy như thế nào?

Đáp: Cửa Tổ sư dứt tuyệt danh ngôn, danh còn chẳng lập, sao lại có nhiều tên? Chỉ vì ứng theo cơ duyên nên tên cũng lắm.

Tuy không lập tên mà tùy theo cơ duyên nên cũng lắm tên.

Có lúc gọi là Tự kỷ, vì là bản tánh của chúng sanh.

Vì “cái đó” là bản tánh của chúng sanh cho nên gọi là tự kỷ.

Có lúc gọi là Chánh nhãn, vì hay soi tướng của muôn loài. Có lúc gọi là Diệu tâm, vì hư linh và tịch chiếu. Có lúc gọi là Chủ nhân ông, vì xưa nay từng gánh vác.

Như thiền sư Sư Nhan suốt ngày ngồi trên bàn thạch như kẻ ngu, thỉnh thoảng tự gọi “Ông chủ nhân!” Lại ứng thỉnh “Dạ”⁽²⁾. Đó là Sư tự nhắc mình luôn có ông chủ hiện hữu.

Có lúc gọi là Bát không đậy, vì tùy chỗ sanh nhai. Có lúc gọi là Đờn không dây, vì hiện ra điệu vận. Có lúc gọi là Vô tận đấng, vì hay chiếu phá mê tình. Có khi

⁽²⁾ Thiền Sư Trung Hoa tập 2.

gọi là Cây không rễ, vì gốc rễ bèn chắc. Có khi gọi là Suy mao kiếm, vì hay chặt đứt căn trần.

Vì không cần chứa đựng nên gọi là Bát không đáy. Đờn không dây, Vô tận đặng... đều là chỉ cho “cái đó”.

Có lúc gọi là Nước vô vi, vì sóng êm bề lặng. Có lúc gọi là Ma-ni châu, vì hay giúp đỡ người nghèo khó. Có lúc gọi là Vô nhu tỏa, vì cửa sáu tình đóng. Cho đến nào là trâu đất, ngựa gỗ, tâm nguyên, tâm ấn, tâm cảnh, tâm nguyệt, tâm châu, v.v...

Chỗ đó không bị sáu tình (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) làm nhiễu loạn, cho nên gọi là sáu tình đóng. Cho đến gọi là trâu đất, ngựa gỗ... cũng đều chỉ chân tâm.

Nhiều tên khác nhau không thể ghi ra cho hết. Nếu đạt được chân tâm thì các tên đều hiểu cả. Bằng mê muội chân tâm thì còn bị trệ nơi các tên. Cho nên đối với chân tâm cần yếu nên xét kỹ.

Học Thiền không cần phải học nhiều từ ngữ, danh từ, nói qua rồi thôi khỏi giải từng chữ, từng nghĩa. Vì ngàn tên cũng quy về “cái đó” chứ không có gì khác hết. Còn học về giáo, phải học từng câu, giải nghĩa từng chữ nhiều khi điên đầu, rốt cuộc không đi tới đâu.

3. Diệu thể của chân tâm

Hỏi: Chân tâm đã biết tên, còn thể nó như thế nào?

Đáp: Trong kinh Phóng Quang Bát-nhã nói: “Bát-nhã không có tướng có và tướng sanh diệt.”

Đoạn trước nói tên của chân tâm, đến đoạn này nói về bản thể của chân tâm. Bát-nhã tức là chân tâm. Chân tâm không có hình tướng cho nên nói không có tướng có và cũng không có tướng sanh diệt. Đó là dẫn trong kinh Phóng Quang Bát-nhã.

Luận Khởi Tín nói: “Tự thể của Chân như, tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật đều không thêm bớt, cũng chẳng phải trước sanh sau diệt mà rốt ráo thường còn. Từ xưa tới nay tánh nó tự đầy đủ tất cả công đức.”

Trong Luận Khởi Tín cũng nói Chân như tức là chân tâm, ở phàm không bớt, ở thánh không thêm, trước sau thường còn, không sanh không diệt, đầy đủ muôn công đức. Đó là giải thích về thể của chân tâm.

Căn cứ theo các kinh luận vì bản thể chân tâm siêu xuất nhân quả, thông suốt cổ kim, chẳng lập phàm thánh, không có đối đãi.

Vượt ra nhân quả là sao? Nhân quả còn hạn cuộc trong sanh diệt. Có nhân thì sẽ sanh thành quả, có quả rồi thì nó hoại diệt và sanh trở lại. Nhân quả còn trong vòng sanh diệt, mà chân tâm thì bất sanh bất diệt cho nên vượt ra ngoài nhân quả, vượt ra ngoài thời gian, nên nói: Thông suốt cổ kim và dứt hết mọi đối đãi phàm thánh.

Như hư không rộng lớn biến khắp tất cả. Diệu thể ngưng tịch dứt các hý luận, chẳng sanh chẳng diệt, phi hữu phi vô, chẳng động chẳng lay, trạm nhiên thường trụ.

Như hư không trùm khắp tất cả, diệu thể của chân tâm bạt hết ngôn ngữ hý luận, là chỗ bất sanh bất diệt, lặng lẽ thường trụ.

Gọi là Chủ nhân ông ngày xưa.

Bởi vì nó còn mãi cho nên gọi Chủ nhân ông.

Là người ở mé kia của Phật Oai Âm.

Trước Phật Oai Âm không có Phật không có chúng sanh. Ở mé kia tức là vượt ra ngoài Phật và chúng sanh.

Là Tự kỷ trước Không kiếp.

Không kiếp là chưa có thế giới, mà Tự kỷ có trước không kiếp, tức là không hạn cuộc tất cả nơi chốn.

Một giống thường hằng không một mảy may tỳ vết, tất cả sơn hà đại địa, cỏ cây rừng bụi, vạn tượng sum la, các pháp nhiệm tịnh, đều từ trong ấy mà ra.

Vì nó trùm khắp nên các pháp từ đó mà ra.

Cho nên kinh Viên Giác nói: “Này các thiện nam, Vô thượng Pháp vương có một pháp môn Đại-đà-la-ni gọi là Viên giác, từ đó lưu xuất tất cả thanh tịnh Chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và Ba-la-mật, dạy dỗ cho các Bồ-tát.”

Tánh Viên giác chính là chân tâm, từ đó lưu xuất tất cả Bồ-đề Niết-bàn v.v...

Đó là dẫn kinh Viên Giác. Bây giờ dẫn lời ngài Khuê Phong.

Ngài Khuê Phong nói: “Tâm ấy rộng rang mà thuần diệu, rực rỡ mà mâu sáng, chẳng đến chẳng đi,

thông suốt cả ba mé, chẳng phải trong ngoài, suốt khắp mười phương. Chẳng sanh chẳng diệt, bốn núi nào có thể hại. Lìa tánh lìa tướng nào bị năm sắc làm mờ.”

Bốn núi là sanh, lão, bệnh, tử. Người sống được với tâm rộng rang, thuần diệu thì không còn bị sanh lão bệnh tử chi phối. Năm sắc là ngũ uẩn, ngũ uẩn cũng không làm mờ nó được.

Ngài Vĩnh Minh trong Duy Tâm Quyết nói: Xét về tâm này là cái diệu trong lẽ mâu mà hội khắp, là vua của muôn pháp. Ba thừa năm tánh đều thâm về, hay làm mẹ của nghìn bậc thánh. Độc tôn độc quý không gì sánh bằng. Thật là nguồn của đại đạo, là chân pháp yếu vậy. Tin tâm này, nên ba đời Bồ-tát đồng học là học tâm này. Ba đời chư Phật đồng chứng là chứng tâm này. Một đại tạng giáo giải rõ là hiển tâm này.

Bởi vì tin tâm cho nên Bồ-tát học tâm và chư Phật chứng tâm này. Bao nhiêu kinh điển Phật dạy là cốt cho mình nhận được tâm này.

Tất cả chúng sanh mê vọng là mê tâm này. Tất cả hành nhân phát ngộ là ngộ tâm này.

Quên tâm thì gọi là mê. Người tu giác ngộ là ngộ tâm chứ không ngộ gì khác. Người mê cũng là mê tâm đó, mà người ngộ cũng là ngộ tâm đó chứ không có gì lạ. Cũng như hai người đi đường, tới con đường đó, một người thì nhớ, một người thì quên. Người quên đường, đi tới đó không biết phải đứng đường này hay không? Nếu quên thì đi lạc, còn nhớ đứng đường thì đi đúng. Đi lạc gọi là mê, đi đúng gọi là ngộ, lạc thì lạc chính

con đường đó, mà đúng thì cũng đúng ngay con đường đó. Người tu cũng vậy, mê thì mê chân tâm, còn ngộ là ngộ chân tâm chứ không có gì khác.

Chư tổ truyền nhau là truyền tâm này. Chư tăng trong thiên hạ đều tham học là tham học tâm này.

Chúng ta tham học là tham học tâm đó, nhận được tâm đó.

Đạt tâm này thì mỗi mỗi đều phải, vật vật đều toàn bày.

Ngài Tuệ Trung thượng sĩ do đạt được tâm này nên ngài nói đông nói tây gì cũng đúng, mà ngài ăn mặn ăn chay gì cũng được. Còn mình chưa đạt thì sao?

Mê tâm này thì nơi nơi đều điên đảo, niệm niệm đều si cuồng.

Không nhận ra chân tâm thì ở đâu cũng là điên đảo, nghĩ gì cũng là nghĩ trong tối tăm cuồng loạn.

Thế này là Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh, là căn nguồn phát sanh của tất cả thế giới. Cho nên đức Thế Tôn ở ngọn Thấu Phong lặng thình, ngài Thiện Hiện dưới ngọn núi quên lời, ngài Đạt-ma nơi Thiếu Thất ngó vách, ông cư sĩ thành Tỳ-da ngậm miệng. Tất cả đều phát minh diệu thể của tâm này. Cho nên, người mới vào cửa Tổ cần yếu trước tiên phải hiểu tâm thể này vậy.

Chỗ này là chỗ Phật lặng thình, ngài Thiện Hiện quên lời, tổ Đạt-ma ngó vách, ngài Tịnh Danh ngậm miệng,

chính chỗ này không ai làm sáng tỏ hơn là thầy trò tổ Quy Sơn.

Tổ Quy Sơn cùng đệ tử là Huệ Tịch đi hái trà.

Tổ bảo Huệ Tịch:

- Trọn ngày hái trà chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con, hãy hiện bản hình cho ta thấy coi.

Huệ Tịch liền đập cây trà.

Sư bảo:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thế nào?

Sư im lặng.

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

Như vậy im lặng là trở về thể; mà hoạt động là dụng. Thể của tâm này là cái chỗ bật nói năng, bật suy nghĩ, đó là *tâm thể*. Còn khi phát ra muôn ngàn diệu dụng thì đó là *tâm dụng*.

4. Diệu dụng của chân tâm

Hỏi: Diệu thể của chân tâm đã biết. Diệu dụng của chân tâm thế nào?

Đáp: Người xưa nói: “Gió động tâm lay cây, mây sanh tánh dấy bụi. Nếu sáng việc hôm nay, mê mất người xưa nay.”

Gió động tâm lay cây, là nếu gió động thì tâm liền động. Mây sanh tánh dấy bụi, là nếu chúng ta duyên nơi cảnh thì tâm có vọng tưởng dấy khởi. Nếu sáng việc hôm nay, mê mất người xưa nay. Khi sáng thì mọi hành động đều là diệu dụng của Chân tâm, nếu mê theo cảnh thì mọi việc làm đều mắc kẹt, mà mắc kẹt trong hành động thì không thấy ông chủ.

Đấy là diệu thể khởi ra tác dụng vậy. Diệu thể của chân tâm xưa nay chẳng động, yên tịnh chân thường. Trên chân thể diệu dụng hiện tiền, chẳng ngại mọi trường hợp đều được diệu.

Trong chân thể đó luôn luôn khởi diệu dụng.

Cho nên trong bài tụng của Tổ sư nói:

*Tâm tùy muôn cảnh chuyển,
Chỗ chuyển thật sâu xa,
Theo dòng nhận được tánh,
Không mừng cũng không lo.*

Tâm tùy muôn cảnh chuyển, chỗ chuyển thật sâu xa là tâm theo vật chuyển, mà chỗ chuyển đó không hạn chế.

Theo dòng nhận được tánh, không mừng cũng không lo là mọi hành động mọi tạo tác vẫn luôn luôn thấy tánh thì không mừng cũng không lo, tất cả đều là diệu dụng.

Cho nên trong tất cả thời, động dụng thi vi, đi đông đi tây, ăn cơm mặc áo... đều là diệu dụng của chân tâm hiện tiền.

Trong nhà thiền có câu chuyện bà già trình thần thông.

Một hôm, ba vị thiền sư Ma Cốc, Nam Tuyên và Quy Tông vào quán ngồi, bà chủ quán bưng bình trà và ba chén chung đến nói:

- Hòa thượng có thần thông thì uống trà.

Ba người nhìn nhau chưa nói câu nào, bà già liền bảo:

- Xem già này trình thần thông đây.

Nói xong bà cầm chung nghiêng bình rót trà rồi đi.

Như vậy bà già này đã ngộ chưa? Nếu không ngộ làm sao biết mọi hành động đều là thần thông diệu dụng. Cho nên khi sáng thì mọi hành động đều là diệu dụng. Khi mê thì mọi hành động đều là nghiệp chướng chứ không phải diệu dụng. Vì vậy cho nên các ngài ăn cơm, mặc áo, đi đâu... cũng là diệu dụng.

Trái lại kẻ phàm phu mê lầm, khi mặc áo chỉ biết mặc áo, khi ăn cơm chỉ biết ăn cơm, tất cả sự nghiệp chỉ tùy tướng mà chuyển.

Chữ *chỉ biết* này đừng tưởng mặc áo chỉ lo mặc áo, ăn cơm chỉ biết ăn cơm là không nghĩ không tính. Đây ý nói rằng khi mặc áo chỉ biết suy tính việc mặc áo, khi ăn cơm chỉ biết suy tính việc ăn cơm, tức là bị lệ thuộc vào cảnh mà không thấy được tâm. Chứ không phải đói ăn một ngủ như cô Linh Chiếu⁽³⁾ nói. Người bị lệ thuộc vào cảnh, thì làm gì chỉ biết trên cảnh mà không nhận được tâm. Còn các ngài tuy làm mọi việc mà lúc nào tâm

⁽³⁾ Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn một thì ngủ khò (đã bắt nan đã bắt dị, cơ lai khiết phạn khốn lai thù). Thiền Sư Trung Hoa tập 1.

chân thật cũng hiện sờ sờ. Cho nên mặc áo, ăn cơm... làm cái gì cũng đều là diệu dụng.

Bởi dùng hằng ngày mà chẳng biết, ở trước mắt mà chẳng hay. Nếu người được tánh thì động dụng thi vi chẳng từng mê.

Các ngài nói nó thường hiện tiền mà chúng ta không biết. Nếu người thấy được tánh rồi thì mọi hành động thi vi đều không mê.

Cho nên Tổ sư nói: “Trong thai gọi là thân, ở đời gọi là người, ở mắt thì thấy, ở tai thì nghe, ở mũi thì ngửi mùi, ở miệng thì đàm luận, ở tay thì nắm bắt, ở chân thì chạy nhảy. Khi biến hiện thì cùng khắp pháp giới, thu nhiếp lại thì chỉ trong hạt bụi. Người biết cho đó là Phật tánh, người chẳng biết gọi là tinh hồn.”

Tất cả hành động thi vi từ tâm mà ra. Tâm nếu không loạn, vọng tưởng không dấy lên thì hành động nào cũng là diệu dụng hết. Còn nếu hành động chạy theo vọng tưởng thì không phải là diệu dụng mà đó là nghiệp. Biết cái chủ lực của mọi động tác, nguyên thể nó là thanh tịnh là Phật tánh. Người không biết thắc mắc tại sao có động tác, có hiểu biết v.v... Người không biết cho đó là tinh hồn.

Thế nên Đạo Ngô múa hốt, Thạch Củng giương cung, Bí Ma đập nạng, Câu Chi gơ ngón tay, Hân Châu đánh đất, Vân Nham sư tử. Đấy là phát minh đại dụng. Nếu việc hằng ngày chẳng mê thì tự nhiên tung hoành tự tại.

Hằng ngày nếu chúng ta không mê thì tung hoành tự tại, không có gì ngờ hết. Nếu còn mê thì mỗi động dụng đều sai lầm. Vì vậy biết thì đi tới đâu cũng là chân,

không biết thì làm gì cũng là vọng. Chính chỗ này nên khi ngài Huệ Hải (Đại Châu) đến tham vấn với Mã Tổ, Mã Tổ hỏi:

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Ngài Huệ Hải lễ bái thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính ngay cái người hỏi ta đó, là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này ngài Huệ Hải nhận bản tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ. Từ đó về sau một kho báu xài hoài không hết. Còn chúng ta đây có đó mà không xài được.

Như vậy bao nhiêu nói năng động dụng đều không rời chân tâm, nếu rời chân tâm thì không bao giờ có những động tác. Nhưng người giác ngộ thì ngay nơi đó liền nhận, còn người mê thì ngay nơi đó lại lầm, khác nhau ở chỗ giác hay mê mà thôi.

5. Thể dụng của chân tâm một hay khác.

Hỏi: Thể dụng của chân tâm chưa biết là một hay khác?

Khi nghe nói chân tâm chúng ta phải hiểu chân tâm có thể và dụng. Nhưng mà thể và dụng đó là một hay khác nhau? Đây giải thích rõ để chúng ta khỏi nghi ngờ.

Đáp: Đúng về mặt tướng thì chẳng phải một. Đúng về mặt tánh thì chẳng phải khác. Cho nên thể dụng của tâm này chẳng phải một chẳng phải khác. Tại sao thế? Thử vì ông bàn đó.

Đúng về mặt tướng thì thể khác dụng khác, cho nên chẳng phải một. Đúng về mặt tánh thì toàn dụng tức là thể, toàn thể tức là dụng, vậy thể dụng không hai, không khác.

Diệu thể thì bất động, dứt mọi đối đãi và lìa tất cả tướng. Người chưa đạt tánh khế chứng không thể lường được lý này.

Về diệu thể thì chân tâm lặng lẽ không động, còn thấy có một tướng là chưa sống được với chân tâm. Cho nên nói dứt mọi đối đãi và lìa tất cả tướng.

Người chưa đạt được tánh, chưa khế chứng được tánh thì nghe nói khó hiểu. Còn người đạt được tánh, khế chứng tức là chứng hợp được chỗ đó thì không nghi ngờ tí nào hết. Lục tổ Huệ Năng khi trình bày về tánh thì ngài nói: “Bản lai vô nhất vật. Hà xứ nhạ trần ai.” Bản lai vô nhất vật tức là chỗ đó không có một vật, không có một hình tướng nào vì lìa tất cả tướng. Mà lìa tất cả tướng thì đâu có đối đãi, đâu có phiền não, đâu có Bồ-đề. Cho nên không có chỗ nào dính bụi bặm.

Như vậy người đạt được diệu thể rồi, mở miệng thốt ra lời nào đều khế hợp. Còn chưa đạt được thì nghe nói chỗ diệu thể không tướng bất động v.v... không biết nó ra sao. Cho nên nói rằng người chưa đạt được tánh, chưa khế chứng thì khó lãnh hội.

Đó là nói về thể. Bây giờ nói về dụng.

Diệu dụng tùy duyên ứng khắp muôn loài, vọng lập ra tướng rỗng giống như có hình trạng.

Nói về dụng thì tùy duyên mà ứng hiện khắp muôn loài. Đã tùy duyên ứng hóa thì cái dụng không phải thật. Nhưng khi ứng hóa ra rồi thì dường như có hình tướng. Bởi có hình tướng nên mới thấy có độ sinh, có làm mọi công tác Phật sự.

Nhằm vào hữu tướng, vô tướng này nên chẳng phải một.

Hữu tướng là diệu dụng, hiện ra những hình tướng hư dối. Vô tướng chỉ cho diệu thể không có một tướng trạng nào. Như vậy diệu dụng thì có tướng trạng, mà diệu thể thì không có tướng trạng, cho nên không thể nói nó là một được.

Lại, dụng từ thể phát ra, dụng không là thể. Thể hay phát dụng, thể chẳng là dụng. Nhằm vào cái lý bất tương ly này, nên chẳng phải khác.

Như đoạn trước tôi nói toàn thể tức là dụng, hay toàn dụng tức là thể, là vậy đó. Nghĩa là hai cái không rời nhau nên chẳng phải khác. Chữ khác đây nghĩa là hai, nói không phải là hai vì rời cái này không có cái kia, rời thể không có dụng rời dụng không có thể, thì làm sao nói hai được.

Như nước lấy tánh ướt làm thể, thể thì không động. Sóng lấy động làm tướng, vì nhân gió mà dậy khởi. Tánh nước, tướng sóng, động với chẳng động, nên chẳng

phải một. Nhưng ngoài sóng không có nước, ngoài nước không có sóng. Tánh ướt là một nên chẳng phải khác. Xét trên thể dụng một hay khác có thể biết vậy.

Nước lấy tánh ướt làm thể, lấy sóng làm dụng. Tánh ướt thì không bao giờ thấy lay động, nhưng sóng thì luôn luôn dao động. Bởi sóng động cho nên sóng với nước chúng ta thấy dường như là hai, một cái động, một cái bất động. Cái động của sóng gốc từ gió mà dấy khởi. Cho nên căn cứ trên cái động và bất động thì không thể nói một được. Tánh ướt của nước và tánh ướt của sóng không có hai, cho nên nói không phải khác.

Căn cứ vào thể và dụng chúng ta xét thì biết được. Đúng về mặt động và tịnh thì không thể nói một, nhưng đúng về nghĩa bất tương ly thì không thể nói hai.

6. Chân tâm trong mê

Hỏi: Thể dụng của chân tâm mọi người đều có đủ. Vì sao nơi thánh phàm chẳng đồng?

Đáp: Nơi thánh phàm chân tâm vốn đồng, vì phàm phu vọng tâm nhận vật, nên mất tự tánh thanh tịnh, do đây bị ngăn cách.

Đây là chỗ quan trọng trong sự tu hành của chúng ta.

Nơi thánh phàm chân tâm vốn đồng, vì phàm phu vọng tâm nhận vật, tức là dấy niệm chạy theo ngoại cảnh, nhận cái niệm chạy theo ngoại cảnh là tâm mình, và ngoại vật là vật sở hữu của mình. Cho nên hằng ngày sống trong mê vọng, đánh mất tự tánh thanh tịnh,

do đây bị ngăn cách. Như vậy nếu chúng ta không cho vọng tâm chạy theo ngoại cảnh thì hằng ngày được thanh tịnh, chân tâm hiện tiền. Đó là yếu chỉ của sự tu hành. Bao nhiêu pháp tu đều đưa đến chỗ không cho vọng tâm chạy theo ngoại cảnh, tâm vọng lặng xuống, trở về tự tánh thanh tịnh của chính mình, đó là tu. Nếu không biết tu như vậy thì suốt kiếp là phàm, còn biết dừng tâm vọng thì dần dần trở về thánh.

Thế nên chân tâm, không được hiện tiền.

Bởi vì chúng ta chạy theo vọng niệm, nhận cảnh làm sở hữu thì làm sao nhận được chân tâm. Vì vậy chân tâm không hiện tiền.

Ví như bóng cây trong tối. Dòng nước chảy ngầm dưới đất, có nhưng không biết.

Cây mà đứng trong mát thấy có bóng không? Cây nào cũng có cái bóng của nó nhưng chúng ta không thấy vì nó ở trong mát, bị bóng mát che nên không thấy bóng cây. Còn nếu cây đứng ngoài nắng thì thấy bóng của nó rõ ràng. Cũng vậy, chân tâm bị vọng tưởng che khuất cho nên chúng ta không nhận ra. Nếu vọng tưởng hết thì chân tâm hiện tiền. Đó là ví dụ thứ nhất.

Đến ví dụ thứ hai, những mạch nước ngầm ở trên núi chúng ta có thấy không? Tuy có mạch nước chảy ngầm ở dưới mà trên này không biết nó ở đâu. Chân tâm cũng vậy, lúc nào cũng hiện tiền, nhưng vì vọng tưởng phủ che nên chúng ta không thấy, cũng như dòng nước chảy ngầm dưới đất lúc nào cũng có mà người ta không biết, không thấy.

Trong kinh nói: “Này thiện nam tử! Như viên ma-ni bảo châu thanh tịnh chiếu ra năm sắc, tùy chỗ mà hiện. Kẻ ngu si thấy ma-ni châu kia thật có năm sắc.”

Ví dụ có một viên minh châu trong ngần, người ta đặt tấm giấy xanh, giấy đỏ, giấy vàng, giấy trắng... quanh nó. Nếu nhìn viên minh châu sẽ thấy ứng ra xanh, vàng, đỏ, trắng. Người ngu quên màu sắc bên ngoài, cứ nhìn hạt minh châu thấy ứng mấy màu sắc đó cho rằng hạt minh châu có năm màu, sự thật nó không có màu. Bởi vì nó quá trong, nên những màu sắc ở bên ngoài ảnh hiện vào. Người trí nhìn biết đó là một viên minh châu trắng sạch mà thôi. Còn người ngu nhìn vào thì nói viên minh châu có năm sắc.

Qua ví dụ đó, chúng ta thấy rõ người trí thì biết chân tâm thanh tịnh không có hình tướng. Do diệu dụng tùy duyên mà hiện ra các tướng trạng. Người ngu không biết, khi thấy hiện ra các tướng trạng cho rằng chân tâm thật có những tướng trạng. Đó là cái lầm lẫn của người ngu.

Thiện nam tử! Tánh tịnh viên giác hiện ở thân tâm, tùy loại mà có ứng hiện. Kẻ ngu si nói tánh tịnh viên giác thật có thân tâm như thế. Tự tánh cũng lại như vậy.

Nếu chúng ta cho rằng tâm hiện ra tướng này tướng kia là tâm mình, đó là lầm lẫn. Thật ra tâm không hình tướng, chỉ tùy duyên mà ứng hiện. Như bây giờ tay chúng ta cử động, thì biết: “Tôi muốn lấy cái này” là ngầm chỉ cho tâm mình muốn dùng cái đó, tức là chân tâm hiện ra nơi tay, tâm đó không hình tướng, tùy duyên mà khởi dụng nơi tay, chứ không phải có tướng như cái tay.

Trong Triệu Luận nói: “Bên trong của càn khôn, khoảng giữa của vũ trụ, trong ấy có một vật báu ngấm giấu trong hình sơn.”

Vật báu đó là gì? Tức là chỉ cho chân tâm. Trong vũ trụ này, trong càn khôn này có một cái không hình tướng, ẩn trong mọi cái có hình tướng mà người ta không thấy. Cái không hình tướng đó là một vật quý giá vô cùng.

Đấy là chân tâm tại thiên vậy.

Trong Triệu Luận cũng như trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Có một quyển kinh lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới vò tròn nhét trong một hạt bụi.” Chẳng những một hạt bụi có quyển kinh đó, mà trăm ngàn muôn ức hạt bụi đều có quyển kinh như vậy. Người ngu si thấy hạt bụi không biết quyển kinh. Có một người trí tuệ nhìn vào hạt bụi thấy có quyển kinh lượng lớn như vậy, quyển kinh đó ghi chép tất cả sự thật của tam thiên đại thiên thế giới, hay là của càn khôn vũ trụ. Người trí đó mới tìm phương tiện đập hạt bụi ra, lấy được quyển kinh thì coi hiểu tất cả những việc trong vũ trụ càn khôn, gọi là phá vi trần xuất kinh quyển. Đó là một ví dụ để cho thấy rằng tất cả chúng sanh có tâm thanh tịnh rộng lớn không ngần mé, ẩn trong cái thân tứ đại này. Nếu chúng ta khôn ngoan biết dẹp trừ phiền não, dứt hết vọng tưởng thì chân tâm hiển lộ. Chừng đó chúng ta mới thấy nó trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới không nơi nào không có.

Lại, Từ Ân nói: “Pháp thân sẵn có chư Phật đều đồng. Phàm phu bị vọng che, nên có mà chẳng biết. Phiền não cột ở trong nên gọi Như Lai tàng.”

Từ Ân tức là ngài Khuy Cơ. Ngài nói ai cũng có sẵn pháp thân đồng với chư Phật. Nhưng chư Phật thì biết, cho nên các ngài đã giác ngộ, còn phàm phu thì mê, nên bị vọng tưởng che lấp, vì thế có mà không biết. Chân tâm bị phiền não che lấp gọi là Như Lai tàng, tức là Như Lai bị che khuất.

Bùi Hưu nói: “Suốt ngày viên giác mà chưa từng viên giác, ấy là phàm phu vậy.”

Suốt ngày sống trong bản tánh viên giác mà chưa lúc nào giác ngộ, nên gọi là phàm phu.

Nên biết, chân tâm tuy ở trần lao mà không bị trần lao làm nhiễm. Như bạch ngọc ném vào bùn, màu sắc không đổi.

Chân tâm ở trong trần lao nhưng không bị ô nhiễm, vì nó đâu có hình tướng mà ô nhiễm. Cũng như viên ngọc ném dưới bùn, tuy bùn đen ngọc trắng nhưng bùn không làm nhiễm như được ngọc. Nghĩa là ngọc tuy bị bùn bám bên ngoài, nhưng lấy lên chùi rửa thì ngọc vẫn trong sáng như thường. Như vậy nơi phàm phu chân tâm cũng không mất, chúng ta phải tự tin rằng ai ai cũng có sẵn chân tâm bất sanh bất diệt, nếu chúng ta ngộ thì thành Phật, nếu quên thì làm chúng sanh, chắc chắn không nghi ngờ gì nữa.

Đó là bước đầu để chúng ta khởi niềm tin mình có chân tâm, lòng tin đó thật là chánh tín tối thượng thừa.

7. Chân tâm và sự dứt vọng

Đây là phần quan trọng của người tu, chúng ta phải chú ý để nhận ra phương pháp tu hành. Đã nhận ra chân tâm rồi, làm sao dứt vọng tưởng để chân tâm hiện?

Hỏi: Chân tâm nơi vọng là phàm phu. Vậy làm thế nào thoát vọng để thành thánh?

Đáp: Người xưa nói: “Vọng tâm không chỗ nơi tức là Bồ-đề, Niết-bàn và sanh tử vốn bình đẳng.”

Nếu biết tâm vọng không chỗ nơi tức là Bồ-đề, Niết-bàn và sanh tử vốn bình đẳng. Đây là một phương pháp tu mà ngày xưa các ngài thường dạy: Nếu người chưa nhận được tâm thì ngồi thiền phải quán. Ví dụ vừa khởi nghĩ tưởng cái gì đó, thì liền hỏi cái nghĩ tưởng này ở đâu mà có? Xét cho kỹ nó không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng không phải ở chặng giữa, cuối cùng biết nó là không. Biết vọng tưởng là không, ngay đó là Bồ-đề, Niết-bàn. Khi biết vọng tưởng là không thì sanh tử, Niết-bàn đều bình đẳng.

Sau đây dẫn kinh Viên Giác làm chứng:

Kinh nói: “Chúng sanh kia thân huyễn diệt, nên tâm huyễn cũng diệt. Tâm huyễn diệt, nên huyễn trần cũng diệt. Huyễn trần diệt, nên huyễn diệt cũng diệt. Huyễn diệt diệt rồi, nên cái phi huyễn cũng chẳng hề diệt. Ví như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện.”

Chúng sanh kia thân huyễn diệt, tức là nơi thân này chúng ta nhận biết rõ ràng nó như huyễn như hóa, thì chúng ta không chấp vào thân, gọi đó là thân huyễn diệt. Khi không vọng chấp vào thân thì cái tâm huyễn cũng theo đó mà diệt. Tâm huyễn tức là tâm hư vọng chấp thân, chấp cảnh. Nếu biết thân này là hư huyễn không thật thì cái chấp thân hết, không chấp thân thì không còn chấp cảnh, vì thân với cảnh đối đãi. Thân, cảnh không chấp thì cái tâm vọng chấp cũng theo đó mà hết.

Cho nên nói *tâm huyễn cũng diệt*. Nếu tâm vọng chấp hết thì *huyễn trần cũng diệt*. Như vậy vọng chấp hết, thì sáu trần cũng theo đó mà hết luôn.

Huyễn trần diệt nên huyễn diệt cũng diệt, không còn thấy sáu trần ở ngoài là thật nữa thì tâm quán chiếu để thấy nó là huyễn cũng diệt luôn. Cho nên nói *huyễn diệt cũng diệt*. Tâm quán chiếu đó diệt rồi, tức là huyễn diệt diệt rồi, nhưng cái *phi huyễn chẳng hề diệt*. Bởi vì lúc trước mình dùng tâm quán các pháp ở bên ngoài là hư giả, thân hư giả, vọng duyên dấy lên cũng là hư giả, ba cái đó đều hư giả thì tâm không còn chạy theo cảnh, trí quán hư giả cũng bỏ luôn. Trí quán hư giả bỏ rồi, thì cái phi huyễn *chẳng hề diệt* tức là chân tâm hiện tiền.

Ví như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện. Phương pháp quán huyễn cũng như lau gương, khi bụi nhơ hết thì khăn lau không còn, lúc đó chỉ còn một mặt gương sáng ngời. Đó là phương tiện tu theo kinh Viên Giác. Chúng ta thấy rõ ràng kinh Viên Giác chỉ cho biết tất cả thân, cảnh và vọng tâm ba cái đó đều là huyễn hóa không thật. Khi thấy nó là huyễn không thật tức là dùng trí Bát-nhã mà quán. Khi biết nó huyễn hóa không thật thì tâm không còn chạy theo cảnh, trí quán cũng buông luôn. Trí quán dừng rồi chân tâm hay Bát-nhã hiện tiền.

Còn bây giờ chúng ta không cần quán thân, không cần quán cảnh, mà mỗi khi vọng tưởng dấy lên, liền biết nó là vọng tưởng thì vọng tưởng dừng, cái biết vọng tưởng cũng dừng luôn. Lúc đó cái gì hiện tiền? Ai biết? Đó là cái lặng lẽ hằng tri hiện tiền, nhưng văn tự ngôn ngữ không thể nói đến được.

Ngài Vĩnh Gia nói: “Tâm là căn, pháp là trần. Cả hai như vết nhơ trên gương, vết nhơ hết, ánh sáng mới hiện. Tâm pháp đều quên, tánh ấy tức chân.”

Đây là dẫn bài Chứng Đạo Ca của ngài Huyền Giác: Tâm là căn tức là cội gốc, Pháp là chỉ cho sáu trần. Tâm và pháp là vọng tâm và sáu trần, cả hai đều như vết nhơ ở trên gương vậy. Gương đó dụ cho chân tâm. Vọng tâm duyên theo ngoại cảnh hai cái đó đều như vết nhơ trong gương. Bao giờ vết nhơ đó hết thì ánh sáng gương mới hiện tiền.

Tâm pháp đều quên, tâm là vọng tâm, pháp là trần cảnh. Quên vọng tâm và quên luôn trần cảnh thì tánh ấy tức chân, tánh như như thanh tịnh hiện tiền mới thật là chân.

Hỏi: Trang Sinh nói: “Tâm ấy nóng thì cháy lửa, lạnh thì đóng băng, mau thì khoáng cú ngược, lại hay vồ về ngoài bốn bể, chỗ ở của nó sâu mà tĩnh. Khi nó động thì huyền mà thiên. Đây là chỉ cho tâm con người vậy.” Trang Sinh nói cái tâm của kẻ phàm phu không thể trị phục như thế. Chưa biết nhà Thiền dùng phương pháp gì để điều trị vọng tâm?

Trang Sinh tức là Trang Tử nói: Tâm của con người rất là đặc biệt, nó có nhiều cái diệu dụng không lường.

Đáp: Lấy pháp vô tâm để trị vọng tâm.

Đơn giản vô cùng, muốn trị vọng tâm thì chỉ có vô tâm. Vô tâm có chỗ nói là vô niệm, hoặc là vô phân biệt. Vô tâm, vô niệm, vô phân biệt cũng đều chỉ cho một cái.

Hỏi: Người vô tâm chẳng khác cây cỏ. Xin lập bày phương tiện về thuyết vô tâm.

Đáp: Nay nói vô tâm ấy, chẳng phải thể của nó vô tâm mà gọi là vô tâm. Chỉ trong tâm không vật nên gọi vô tâm. Ví như nói bình không là do trong bình không có vật gì, nên gọi là bình không. Chẳng phải thể của bình là không nên gọi là bình không.

Đây dùng ví dụ để chỉ rõ vô tâm. Nghe nói vô tâm người ta tưởng như cây đá, vì có tâm mới có hiểu biết, còn cây đá không có tâm nên không hiểu biết. Không phải vậy, nói vô tâm nghĩa là không vọng tâm. Vọng tâm là cái tâm chạy theo sáu trần che lấp chân tánh. Bây giờ nói vô tâm tức là dừng cái vọng tâm, không để nó dấy khởi nữa thì gọi là vô tâm. Cho nên nói: *Chỉ trong tâm không một vật nên gọi là vô tâm.* Không vật tức là không dấy niệm chạy theo sáu trần. Tâm không một vật cho nên gọi là vô tâm.

Ví dụ trong bình không có nước, hỏi bình này có gì không? Đáp: Bình không. Nói bình không thì người ta tưởng như không có cái bình. Không ngờ bình không là bình không có nước, nhưng có cái thể của bình. Vô tâm là không có vọng tâm, chứ vẫn có cái thể tánh của tâm. Chúng ta thấy rõ ràng không tâm là không vật gì chứa ở trong tâm. Vật chứa trong tâm là gì? Là cái vọng chấp hình ảnh sáu trần. Vọng chấp hình ảnh sáu trần không còn thì gọi là vô tâm.

Cho nên Tổ sư nói: “Người chỉ nơi tâm vô sự, nơi sự vô tâm, thì tự nhiên rộng mà mâu, tịch mà diệu.” Đây là yếu chỉ của tâm vậy.

Tâm vô sự là không dấy niệm, không nghĩ tưởng. *Nơi sự vô tâm*, sự là chỉ cho cảnh, đối với cảnh không chạy theo cảnh tức là vô tâm, *thì tự nhiên rộng mà mau, tịch mà diệu*. Tâm vô sự là đối với cảnh tâm không động. Bây giờ người ta hiểu lầm rằng tâm vô sự là người ngồi không, không làm gì hết. Đó là cái lầm lẫn lớn. Vô sự nghĩa là tâm không nghĩ, không duyên theo cảnh, lúc nào cũng thanh tịnh như như, gọi là tâm vô sự. Dù làm mọi việc mà tâm không động, chứ không phải vô sự là bó tay ngồi không. Đó là yếu chỉ của sự tu hành.

Căn cứ đây mà xét thì không vọng tâm, chứ không phải không có chân tâm diệu dụng.

Đến đây, ngài đã rưng rất nhiều lông mày, gần trụi hết cả lông mày để chỉ bày cho chúng ta.

Từ xưa đến nay chư tổ đã nói đến thực hành công phu vô tâm, chủng loại không đồng nhau. Nay đại khái tóm nêu ra mười loại.

Sau đây sẽ kể lại mười loại để quý vị thấy mình đang áp dụng loại nào trong mười loại này để tu. Nhiều khi chúng ta tu mà không biết mình đang tu theo hệ thống nào hay phương pháp nào. Thì đây ngài vạch rõ cho chúng ta thấy lối tu có từng phương pháp. Phương pháp đây cũng chỉ là phương tiện thôi chứ không phải là một pháp thật, nếu chúng ta nghe rồi chấp cho là pháp thật cũng là bệnh.

1- *Giác sát: Nghĩa là khi hành công phu, bình thường phải dứt niệm và đề phòng niệm khởi. Một niệm vừa sanh liền dùng giác mà phá nó*.

Giác là tỉnh giác, *sát* là xem xét. Dùng tỉnh giác để xem xét lại vọng tâm của mình. Như khi thực hành công phu niệm dấy lên thì mình buông và đề phòng đừng cho nó dấy lên gọi là giác sát.

Lâu nay quý vị nghe tôi nói cũng còn nghi ngờ, cho rằng khi vọng tưởng dấy lên, cái biết vọng tưởng cũng là vọng. Nhưng cái biết vọng tưởng là trí chứ không phải là vọng. Ở đây, ngài cũng chỉ cho chúng ta thấy rõ cái đó là giác chứ không phải là vọng tưởng. *Một niệm vừa sanh liền dùng giác mà phá nó*, tức là vọng niệm vừa dấy lên dùng trí giác biết để phá nó. Ví dụ ngồi đây nghe giảng mà nghĩ đi chợ, vừa nghĩ đi chợ thì biết: À, nghĩ đi chợ. Biết nó là vọng tưởng thì vọng tưởng lặng mất. Vậy cái biết vọng tưởng là giác chứ đâu phải vọng.

Vọng niệm phá rồi, biết niệm sau chẳng sanh, cái giác trí này cũng không dùng tới nữa.

Khi niệm đi chợ lặng rồi thì cái *biết niệm sau chẳng sanh*, lúc đó *cái giác trí này cũng không dùng tới nữa*. Vì khi niệm không sanh thì khỏi cần biết vọng. Khi vọng tưởng khởi lên thì mới biết, nếu vọng tưởng không khởi thì cái giác trí đó cũng không dùng.

Lúc ấy, vọng giác đều mất, nên gọi là vô tâm.

Khi vọng tưởng và giác trí đều mất thì gọi là vô tâm, mà tại chúng ta không nhận đó thôi, nghĩa là khi vọng tưởng dấy lên mình biết, biết thì vọng tưởng lặng xuống. Niệm kế không dấy lên thì tâm yên tĩnh. Tâm yên tĩnh thì cái giác biết vọng cũng buông luôn. Như vậy vọng tưởng và giác trí cả hai đều mất, nên gọi là vô tâm.

Nên Tổ sư nói: “Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm.” Lại kệ rằng:

*Chẳng dụng cầu chân,
Chỉ nên dứt kiến.*

Đây là công phu dứt vọng.

Chỗ này đa số người tu thiền đang áp dụng.

Phương pháp thứ nhất này trong Pháp Bảo Đàn, Lục tổ Huệ Năng cũng nói: “Niệm trước mê là chúng sanh, niệm sau giác là Phật.” Niệm trước mê tức là vọng tưởng dấy lên, đó là chúng sanh. Sau đó biết vọng tưởng tức là giác, thì đó là Phật. Thành ra Phật với chúng sanh hiện liên miên trong tâm. Cho nên phải hiểu rõ phương pháp giác sát là vậy.

2- Hưu kiệt: Nghĩa là khi hành công phu chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, tâm vừa khởi liền thôi, gặp duyên liền dứt. Người xưa nói: “Một mảnh lụa trắng đi! Lạnh như đất đi! Lò hương trong miếu cổ đi! Thẳng đến chỗ dứt lìa không còn một mảy may phân biệt, như ngậy như đại mới có chút phân tương ứng.” Đây là công phu Dứt sạch vọng tâm vậy.

Hưu kiệt là thôi hết. Tâm vừa khởi thiện ác liền bỏ, gặp duyên gì, gặp cảnh gì cũng bỏ không nghĩ, không theo.

Người xưa là chỉ cho ngài Thạch Sương nói: *Một mảnh lụa trắng đi, lạnh như đất đi* là không cho tâm chạy theo niệm thiện, ác. Niệm thiện, ác đều buông hết tâm lặng lẽ như như. *Lò hương miếu cổ đi* là miếu cổ sập

thì lò hương đâu còn khói. Như vậy cho tới khi nào không còn một mảy may phân biệt, như ngây như dại, lúc đó mới là tương ưng, tức là vô tâm. Chỗ này Lục Tổ đã nói với ngài Huệ Minh: “Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?” đó là ngài chỉ cho phương pháp dứt sạch vậy.

3- Dẫn tâm tồn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, nên dứt hết tất cả vọng niệm. Chẳng đoái đến ngoại cảnh, chỉ tự dứt tâm mình thôi. Vọng tâm đã dứt lo gì có cảnh. Đây là pháp môn mà người xưa gọi là “Đoạt nhân bất đoạt cảnh”.

Nếu vọng tâm hết rồi thì lo gì cảnh bên ngoài còn. Đây là phương pháp thứ nhất của tổ Lâm Tế trong Tứ liệu giản. Nghĩa là người tu một bề lo dẹp vọng tâm, ngoại cảnh mặc nó. Tâm diệt thì cảnh theo đó diệt, nghĩa là tâm như cảnh như. Sở dĩ cảnh có thành cảnh là tại tâm. Bây giờ tâm lặng rồi thì cảnh cũng trở thành như. Cho nên không cần chú ý tới cảnh mà chỉ một bề lo dẹp vọng tâm, gọi là Đoạt nhân bất đoạt cảnh.

Cho nên ngàn năm có câu: “Nơi đây đầy hoa thơm cỏ lạ mà người xưa không có.”

Nơi đây đầy hoa thơm cỏ lạ mà người xưa không có. Nghĩa là cảnh vẫn còn nguyên vẹn mà vọng tâm không có.

Bàng Công nói: “Chỉ tự mình vô tâm với muôn vật, lo gì muôn vật thường khuấy phá.” Đây là công phu Dứt vọng hết tâm còn cảnh.

Bàng Công tức là ông Bàng Uẩn. Đối với muôn vật mà chúng ta vô tâm thì muôn vật không khuấy phá gì được hết. Nếu còn tâm vọng thì muôn vật tới phá hại mình, điều này là một lẽ thật một triệu phần triệu chứ không ngờ vực gì nữa hết.

Có nhiều người đổ thừa thế này, đổ thừa thế kia. Như nói rằng: “Tôi không tham mà tại cái đó để trước mắt khiến tôi tham.” Ví dụ như có người để tấm giấy bạc 1.000\$ trước mắt, lát sau mình đưa tay lượm bỏ vào túi. Sao nói không tham mà đưa tay lượm bỏ vào túi? Có người thấy hỏi: “Ủa tại sao lấy tiền của tôi?” Liên đổ thừa: “Tôi đâu có cố tình lấy, tại thấy để trước mắt nên tôi lấy.” Thật ra tiền là tiền, nó đâu có kêu mình lấy, vì mình chưa hết lòng tham, cho nên thấy tiền thì dấy niệm rồi đưa tay lấy. Nếu trong lòng nguội lạnh thì thấy 1.000\$ để đó là để đó, không nghĩ tính gì hết, có cũng như không. Như vậy 1.000\$ đối với người không nghĩ gì hết thì coi như không có, dù nó hiện ở trước mắt mà vẫn như không. Còn nếu người thấy nó rồi dấy niệm thì nó có giá trị đối với người đó.

Có người đứng giữa đám đông nói chuyện như chỗ không người, vì họ không chú ý tới người nào cả thì xem như không có người. Không có người không phải là không có người thật, mà là tâm họ không để ý tới ai. Cũng vậy, khi tâm chúng ta hết vọng tưởng rồi thì dù cho cảnh trước mắt có nhiều màu sắc thiên sai vạn biệt chúng ta vẫn không động. Không động thì gọi là cảnh như, tâm không động gọi là tâm như. Cảnh không bị mình duyên theo, cảnh ấy gọi là cảnh như. Vì vậy đừng đổ thừa cảnh

phá mình, chỉ vì tâm mình chưa sạch nên mình mới nhiễm cảnh, chứ thật ra cảnh không làm cho mình nhiễm, mà tại tâm mình nhiễm. Đó là trường hợp thứ ba, tức là chỉ dứt vọng, mà không cần dứt ngoại cảnh.

4- Dẫn cảnh tôn tâm: Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả cảnh trong, cảnh ngoài đều quán là không tịch, chỉ còn lại một tâm độc lập một mình.

Cảnh trong là chỉ cho tứ đại ngũ uẩn, cảnh ngoài là chỉ cho sáu trần. Ngay nơi thân này thấy nó là huyễn hóa, tự tánh không tịch, ngay nơi cảnh cũng thấy nó là huyễn hóa không tịch, như kinh Viên Giác nói trong ngoài đều là huyễn. Nếu trong ngoài đều thấy là huyễn thì tâm chúng ta không duyên theo, không chấp trước, lúc đó chỉ có một tâm độc lập đâu còn gì nữa mà rong ruổi.

Cho nên người xưa nói: “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, cũng chẳng cùng các trần đối đãi.”

Các trần đều là huyễn hóa không thật, lúc đó chỉ có một tâm độc lập, không còn ai nữa hết để làm bạn, vì thân này không, cảnh kia cũng không. Đó là cái đặc biệt.

Tâm nếu chấp cảnh tâm ấy là vọng, nay đã không cảnh thì vọng nào có được?

Thấy cảnh là không rồi thì còn vọng tưởng gì nữa. Thành ra cái này là dẹp ở ngoài. Dẹp thân dẹp cảnh thì tâm tự nhiên hết vọng.

Đấy là chân tâm độc chiếu chẳng chướng ngại nơi đạo. Tức người xưa gọi là pháp môn Đoạt cảnh bất đoạt nhân.

Pháp môn *Đoạt cảnh bất đoạt nhân* là chỉ lo dẹp cảnh không cần dẹp tâm.

Cho nên có câu: “Vườn trên hoa đã rụng, xe ngựa vẫn còn đây.”

Vườn trên hoa đã rụng tức là ngoại cảnh hết rồi, nhưng vẫn còn xe ngựa, tức là còn người. Người còn sờ sờ mà cảnh không có.

Lại cũng có câu: “Ba ngàn kiếm khách nay đâu tá, chỉ kể Trang Chu định thái bình.”

Khách trần sạch hết chỉ còn một tâm thanh tịnh mà thôi.

Đây là công phu Dứt vọng hết cảnh còn tâm.

Quý vị tu cách nào cũng được. Nhiều khi nghe tôi dạy thế này hoặc nói thế kia rồi quý vị nghi: “Tại sao người đó tu như vậy, mà Thầy lại dạy mình tu cách khác?” Đó là tùy duyên. Người nặng về cảnh phải dạy họ dẹp cảnh, người nặng về tâm thì dạy họ dẹp tâm, không có lỗi lầm gì hết, nghĩa là đều trở về một chứ không có khác.

5- Dẫn tâm dẫn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, trước quán ngoại cảnh đều không tịch, kể đó diệt nội tâm.

Đến đây dạy quán cả cảnh và tâm, thấy cảnh thì biết cảnh do duyên khởi như huyễn, tự tánh là không. Rồi tâm dấy lên biết tâm là vọng tưởng, tự tánh cũng là không, cảnh ở ngoài cũng không, tâm ở trong cũng không, cứ như vậy mà dẹp.

Khi nội tâm ngoại cảnh đều lặng thì vọng từ đâu mà có được.

Đến khi thuần thực rồi, thấy cảnh biết là giả, tâm dấy lên biết là vọng tưởng, biết thuần thực thì lúc đó không còn một tí vọng tưởng nào hết.

Cho nên Quán Khê nói: “Mười phương không vách đổ, bốn phía cũng không cửa, sạch trọi trơn, bày trơ trơ.”

Đến lúc này phủ sạch không còn gì hết. Như ngài Hương Nghiêm nói:

*Năm xưa nghèo chưa thật nghèo
 Năm nay nghèo mới thật nghèo
 Năm xưa nghèo vẫn còn có đất cắm dùi
 Năm nay nghèo dùi cũng không⁽⁴⁾.*

Đó thật là sạch trọi trơn, bày trơ trơ.

Tức pháp môn mà người xưa gọi: Nhân cảnh lưỡng câu đoạt. Cho nên có câu: “Mây tan nước trôi chảy, lặng lẽ trời đất không.”

Mây tan nước chảy, trời đất lặng lẽ, không hình dáng, lúc đó chỉ là một bầu trời trong lặng.

Lại có câu: “Người trâu đều chẳng thấy, chính lúc vầng trăng trong.” Đây là công phu Dứt vọng tâm hết cảnh hết.

Người là chỉ cho tâm, trâu là chỉ cho cảnh. Tâm cảnh đều dứt thì chỉ còn vầng trăng trong. Chính chỗ

⁽⁴⁾ Thiên Sư Trung Hoa tập 2.

này chúng ta thấy trong Thập Mục Ngưu Đồ, tới mục số tám là không còn người không còn trâu, chỉ có vòng tròn như vầng trăng trong, đó chính là pháp môn Dẫn tâm dẫn cảnh hay là Nhân cảnh lưỡng câu đoạt.

6- Tôn tâm tôn cảnh: Nghĩa là khi hành công phu, để tâm trụ trong vị trí của tâm, cảnh trụ vị trí của cảnh.

Tâm trụ tâm vị, cảnh trụ cảnh vị, nghĩa là tâm trụ ở vị trí của tâm, cảnh trụ ở vị trí của cảnh, cái nào mặc cái ấy, không cố chấp, không để ý, không cần quán xét, không để nó chạy theo nhau. Nghĩa là cái nào ở vị trí cái nấy, không cho nó dính mắc với nhau, khỏi cần quán chiếu gì hết.

Chỗ này hơi khó, thượng căn thượng trí mới có thể áp dụng nổi, chứ còn phàm phu thì làm không nổi. Nghĩa là giữ cho mỗi cái đều nằm y vị trí của nó, không cho cái nào xâm phạm cái nào.

Có khi tâm và cảnh đối nhau thì tâm chẳng thủ cảnh, cảnh chẳng đến tâm, mỗi mỗi chẳng đến nhau, tự nhiên vọng niệm chẳng sanh, nơi đạo chẳng ngại. Cho nên Kinh nói: “Pháp ấy trụ nơi bản vị của nó. Tướng của thế gian thường trụ.” Tức là pháp môn Nhân cảnh câu bất đoạt của Tổ sư.

Tâm cảnh chẳng đến nhau, cái nào ở y vị trí ấy thì tâm và cảnh không còn ngại nhau. Nên kinh Pháp Hoa nói: “Pháp ấy trụ nơi bản vị của nó. Tướng của thế gian thường trụ.” Không cho các pháp xâm đoạt nhau thì mới thấy tướng thế gian thường trụ. Đây là pháp môn Nhân cảnh câu bất đoạt của tổ sư Lâm Tế.

Cho nên có câu: “Một mảnh trăng rộng chiếu, bao nhiêu người lên lầu.”

Trăng vẫn là trăng, người vẫn là người. Trăng cứ chiếu ngoài trời, người vẫn lên lầu của họ, không ai xâm phạm ai. Người không xem trăng, nếu đứng ngắm cảnh thì trật. Người lên lầu tức là thu về vị trí của họ, còn trăng thì ở vị trí của trăng, không cái nào xâm phạm cái nào.

Lại cũng có câu: “Hoa núi ngàn muôn đóa, lãng tử chẳng biết về.” Đây là công phu Diệt vọng còn tâm còn cảnh.

Hoa thì ở trên núi, khách thì lãng du nơi nào, không có ai dính với ai hết.

7- Nội ngoại toàn thể: Nghĩa là khi hành công phu, quán thấy sơn hà đại địa, trời, trăng sao, nội thân, ngoại cảnh, tất cả các pháp đều đồng một thể chân tâm trạm nhiên hư minh, không tí sai khác.

Nội ngoại toàn thể nghĩa là nội và ngoại đều đồng một thể. Ngài Thiên Lão thiên sư ở Việt Nam có nói:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác

Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.

Chân tức là thể. Như vậy trúc biếc hoa vàng... đều là chân hết. Thấy cảnh nào cũng quy về tự thể tức là đều do chân tâm hiện, không có cái nào ngoài chân tâm. Cho nên nói nội ngoại toàn là thể. Tất cả đều là chân tâm hiện thì còn chạy theo phân biệt cái gì.

Đại thiên sa giới gồm thành một mảnh, lại ở chỗ nào khởi vọng tâm?

Tam thiên đại thiên thế giới là một chân tâm trùm khắp không có cái nào khác, không có cái gì ngoài, đâu cũng là chân tâm hết. Nói theo ngài Khuê Phong đây là phương pháp thu vào, tất cả đều quy vào chân tâm hết.

Đây chính là đường lối của Mã Tổ, sau này Thiền phái Vô Ngôn Thông truyền sang Việt Nam, Thiền Lão thiền sư là đồ đệ của phái đó, nên khi ngộ rồi ngài cũng thấy như vậy. Tất cả đều là chân tâm, cho nên thấy mây cũng là chân tâm, thấy trăng cũng là chân tâm, thấy tre cũng là chân tâm, thấy cúc cũng là chân tâm, cái nào cũng là chân tâm hết. Chúng ta không hiểu hỏi tại sao thấy cái nào cũng là chân tâm? Bởi vì lúc nào các ngài cũng thấy tâm trùm muôn vật, muôn vật đều từ tâm lưu xuất. Cho nên cái nào cũng là chân tâm trạm nhiên hư minh tịch tịnh hiện ra. Vì vậy tất cả quy về tâm.

Cho nên Triệu pháp sư nói: “Trời đất cùng ta đồng nguồn, muôn vật cùng ta đồng thể.” Đây là công phu diệt vọng Nội ngoại toàn thể.

Đồng một chân tâm thì vật nào cũng là chân tâm. Đã là chân tâm thì không còn phân biệt vật nào hết. Đây là công phu diệt vọng Nội ngoại toàn thể.

8- Nội ngoại toàn dụng: Nghĩa là khi hành công phu, đem tất cả thân tâm trong ngoài, các pháp trong thế giới và tất cả động dụng thị vi, trọn thấy là diệu dụng của chân tâm.

Nội ngoại toàn là dụng. Cái nào cũng là dụng của chân tâm chứ không có gì khác. Trong đoạn trước tất cả

đều trở về bản thể tự tánh thanh tịnh của mình. Đến đoạn này thấy tất cả đều là diệu dụng của chân tâm.

Tất cả tâm niệm vừa sanh là diệu dụng hiện tiền, vọng tâm chỗ nào mà an trí.

Vừa dấy niệm liền biết đó là dụng của chân tâm, một hành động nào cũng thấy là dụng của chân tâm, cho nên không nghĩ không tưởng. Như thấy người, thấy cảnh đều biết là dụng của chân tâm. Tất cả đều là dụng của chân tâm thì còn gì để theo đuổi, lo tính nghĩ suy.

Như vậy tất cả cái dụng đều là diệu dụng của chân tâm thì vọng tâm còn chỗ nào mà an trí.

Cho nên Vĩnh Gia nói: “Thật tánh vô minh là Phật tánh, thân không huyễn hóa tức pháp thân.”

Nếu biết tất cả đều là diệu dụng, vừa dấy niệm liền biết nó là diệu dụng của chân tâm thì vô minh tức là Phật tánh. Thân huyễn hóa tức là pháp thân vì nó là diệu dụng của tâm.

Trong Chí Công Thập Nhị Thời Ca nói: “Thường buổi sớm, máy cuồng ẩn chứa Đạo nhân thân, ngòi nằm chẳng biết nguyên là đạo, chỉ thế luống mà chịu đắng cay.” Đây là công phu dứt vọng Nội ngoại toàn dụng.

Khi ngòi nằm tức là trong mọi hành động đều là diệu dụng của chân tâm mà chúng ta không biết, nên cứ chấp cảnh là thật, tâm là thật, rồi chịu khổ và cứ thế mà chịu đắng cay. Đây là công phu dứt vọng Nội ngoại toàn là dụng.

9- Túc thể tức dụng: Nghĩa là khi hành công phu, tuy thâm hợp với chân thể, chỉ một vị không tịch, nhưng mà nơi trong ẩn một cái linh minh, nên thể tức dụng.

Đến phần này thì hơi khó thực hành, phần trước thì dễ hơn. Túc đó là thể, tức đó là dụng, là trùm hết hai cái trên. Nghĩa là khi đối với các cảnh chúng ta vẫn hoạt động mà lặng lẽ, lặng lẽ mà hoạt động, hai cái không rời nhau.

Trong cái linh minh ẩn cái không tịch, nên dụng tức thể.

Như vậy thì trong cái này ẩn cái kia, trong cái kia ẩn cái này, nghĩa là trong cái dụng ẩn cái thể, trong cái thể ẩn cái dụng, cho nên hai cái không rời nhau.

Cho nên Vĩnh Gia nói: “Tĩnh tĩnh lặng lặng phải, tĩnh tĩnh vọng tưởng quấy. Lặng lặng tĩnh tĩnh phải, vô ký lặng lặng sai.”

Tĩnh là chỉ cho dụng, lặng lẽ là chỉ cho thể. Nếu tĩnh mà lặng thì phải, nếu tĩnh mà vọng tưởng thì quấy. Ví dụ như mình tĩnh mà nghĩ đủ thứ chuyện là quấy. Lặng lẽ mà tĩnh thì phải, còn lặng lẽ mà mờ mờ mịt mịt thì sai. Chỗ này dễ bị lầm lẫn. Khi tâm yên một hồi thì mắt mờ mờ, nước miếng muốn tuôn ra là sai rồi, đó là triệu chứng của vô ký, vô ký chứ chưa hôn trầm. Nhớ như vậy. Quý vị ngồi thiền, lúc tâm yên yên không vọng tưởng gì hết, mà hơi mờ mờ, con mắt không sáng, miệng hơi nhồm nhồm ra nước miếng, thì lúc đó là đang vô ký. Nếu để một hồi nữa gục xuống là hôn trầm. Đó là sai, ở đây giảng trạch rất rõ:

Tĩnh tĩnh lặng lặng phải. Tĩnh là dụng, lặng lẽ là thể, có đủ cả dụng và thể, tĩnh mà lặng thì phải.

Tĩnh tĩnh vọng tưởng quấy. Tĩnh mà khởi vọng tưởng là quấy là loạn.

Lặng lặng tĩnh tĩnh phải. Lặng lặng là thể, tĩnh tĩnh là dụng, có đủ cả dụng và thể, lặng mà tĩnh thì phải.

Vô ký lặng lặng sai. Mờ mờ mịt mịt mà lặng thì sai.

Đã trong cái lặng lẽ không dung vô ký, trong cái tĩnh táo không dung loạn tưởng, thì vọng tâm làm sao sanh được? Đây là công phu diệt vọng Tức thể tức dụng.

Thường thường trong giờ ngồi thiền chúng ta hay gặp trường hợp tĩnh tĩnh vọng tưởng quấy. Nghĩa là người nào ngồi ngay thẳng chững chạc thì tĩnh tĩnh nhưng lại vọng tưởng. Còn người nào ngồi một hồi đầu hơi cúi xuống thì bị vô ký lặng lặng, đầu cúi cúi một hồi thì gục. Cho nên nhớ trong khi ngồi chúng ta phải khéo dụng công cho đúng.

10- Thấu xuất thể dụng: Nghĩa là khi hành công phu, chẳng phân trong ngoài, chẳng phân biệt đông tây nam bắc. Đem bốn phương tám mặt, chỉ làm một môn Đại giải thoát viên đà-đà-địa.

Thấu xuất thể dụng tức là vượt ra cả thể và dụng. Có chỗ gọi là đà-la-ni, đây gọi là đà-đà-địa, đó chỉ là một môn giải thoát hay chỉ là chân tâm thôi.

Thể dụng chẳng phân, không một mảy may rỉ lậu.

Đây không nhận là thể hay dụng mà không dính không kẹt gì cả.

Suốt thân gồm thành một mảnh, vọng kia chỗ nào khởi được? Người xưa nói: “Suốt thân không đường nứt, trên dưới đều tròn trịa.” Đây là công phu diệt vọng Thấu xuất thể dụng.

Suốt thân không đường nứt, trên dưới đều tròn trịa, nghĩa là không có cái gì sót mẻ. Đây là công phu diệt vọng Thấu xuất thể dụng. Cách này hơi khó thực hành.

Mười phương pháp công phu trên chẳng nên dùng cả, mà chỉ một môn cho được thành tựu, thì cái vọng tâm kia tự nhiên tiêu diệt, chân tâm hiện tiền. Tùy căn cơ đã huân tập từ trước, xem thích hợp với pháp nào nên tập pháp đó.

Trong mười môn chỉ dùng một môn để tu là đi tới nơi tới chốn. Đừng nghe nói có mười môn, cho rằng môn của mình hơi thấp, ráng làm thêm môn kia riết rồi cũng loạn chứ không ích gì. Cho nên trong các pháp đó, nhận thấy pháp nào thích hợp với mình, ứng dụng thực hành mãi theo pháp đó thì tới nơi tới chốn.

Công phu ở đây công mà không công, chẳng để tâm dụng sức.

Ban đầu tôi nói rất đơn sơ là biết vọng, tức là phương pháp Giác sát. Nhớ như vậy. Nếu ai hỏi tu phương pháp gì thì nói: “Tôi tu phương pháp giác sát.”

Giác sát là biết vọng, dấy niệm lên biết là vọng tưởng, vọng tưởng hết, bỏ cả cái biết vọng, thì có công phu gì? Cả ngày cứ làm chuyện đó, chỉ nhìn lại mình mà không có công phu gì hết. Không công phu mà công phu. Không dụng mà dụng. Đó mới là đặc biệt.

Hằng ngày không có hình thức công phu, mà vẫn tu hết sức tinh tế. *Công mà không công*, không để tâm dụng sức nhọc nhằn như người ta phải tìm một chỗ hay quán tưởng cái gì, mà chỉ cần nhìn lại mình thôi.

Pháp môn thôi dứt vọng tâm này rất tối trọng yếu. Pháp môn diệt vọng còn nhiều, sợ vẫn rườm nên chỉ lược thôi.

Pháp môn thôi dứt vọng tâm đối với người tu thiền rất là thiết yếu, nhưng không cần dẫn nhiều bao nhiêu đây cũng quá đủ rồi.

Đọc qua quyển Chân Tâm Trực Thuyết, tôi thấy mười phương pháp này rất có giá trị. Tuy nhiên phải có sự giản trạch rõ ràng thì khi ứng dụng tu chúng ta khỏi bị lầm. Ở đây dạy chúng ta phương pháp tu rất sáng tỏ. Đối với những người tu Thiền thì quyển sách này thật là có giá trị, trừ những người không nghiên cứu Thiền thì không thấy giá trị. Trong mười phương pháp ngài nêu lên ở trước, chúng ta xác nhận rõ ràng xem mình đang áp dụng tu theo môn nào.

8. Chân tâm với bốn oai nghi

Hỏi: Trên đã nói dứt vọng, nhưng chưa biết chỉ ngồi tập hay thông cả bốn oai nghi?

Đáp: Các kinh luận phần nhiều nói ngồi tập, vì ngồi dễ thành công hơn, nhưng cũng thông cả bốn oai nghi, tập lần lần rồi sẽ được thuần thục.

Sau đây giải thích điều nghi ngờ, là pháp môn này chỉ có ngồi thiền mới tu, hay là đi đứng nằm ngồi vẫn tu được. Chúng ta tu đừng cố chấp, ban đầu phải tập ngồi trong một vị trí yên tĩnh, với tư thế vững vàng thì sức kìm chế mạnh mẽ, giúp chúng ta quán chiếu dễ dàng hơn. Khi thuần thục rồi thì áp dụng luôn cả trong bốn oai nghi, đi đứng nằm ngồi đều tu hết.

Luận Khởi Tín nói: Người tu Chỉ, nên ở chỗ tịnh ngồi ngay thẳng giữ ý chân chánh. Chẳng nương tựa vào hơi thở, chẳng nương vào hình sắc, chẳng nương vào không, chẳng nương vào đất, nước, gió, lửa. Cho đến chẳng nương vào thấy, nghe, hay, biết.

Tuy nhiên, Luận Khởi Tín nói: Người tu Chỉ, nên ở chỗ tịnh ngồi ngay thẳng giữ ý chân chánh. Đừng quán Không và không áp dụng các phương pháp thiền của Nguyên thủy nghĩa là không nương tựa vào hơi thở... cho đến không nương vào những cái phân biệt thấy nghe hay biết.

Tất cả các tướng tùy niệm đều trừ, cũng nên dẹp luôn cái tướng trừ, vì tất cả pháp xưa nay vốn vô tướng, niệm niệm chẳng sanh, niệm niệm chẳng diệt. Cũng chẳng được tùy tâm niệm cảnh giới bên ngoài. Sau rút lấy tâm trừ tâm, tâm nếu chạy rong liền kéo về trụ nơi chánh niệm. Chánh niệm là chỉ có tâm chứ không có cảnh giới bên ngoài. Lại tâm này cũng không có tự tướng,

niệm niệm không thật có. Nếu từ ngồi, đứng, đi lại, tới lui, tất cả động tác thi vi, trong tất cả thời thường nhớ phương tiện tùy thuận mà quán sát, tập lâu ngày được thuần thục thì tâm ấy được an trụ. Do tâm an trụ nên lần lần bén nhạy. Thuận theo đó mà được nhập vào Chân như tam-muội.

Chân như tam-muội chỗ khác gọi là chân tâm, pháp thân hay là Phật tánh. Chân như tam-muội hay là chỗ chánh niệm không có hình tướng. Vậy mà có nhiều người khoe ngồi thiền tới đó phát ra nhiều hình tướng rục rờ. Khi nghe diễn tả hình tướng rục rờ thì chúng ta biết họ tu không đúng theo thiền của Phật tổ dạy rồi. Đó là những giả tướng mà họ tưởng ra chứ không phải thật. Cho nên nếu ai nói Như Lai thanh tịnh thiền hoặc là Tổ sư thiền v.v... mà khi nhập vào có những tướng trạng lạ thì biết họ lợi dụng danh nghĩa Tổ sư thiền hay Như Lai thanh tịnh thiền. Lúc trước nghe mấy chú đọc tờ báo có nói về vị giáo chủ hội Pháp Hoa dạy tu theo Như Lai thanh tịnh thiền. Ông ta nói khi nhập cảnh giới Như Lai thanh tịnh thiền thì thấy hào quang rục rờ. Tôi nói đó là lầm. Chúng ta phải hiểu cho tường tận, để khi nghe ai nói sai thì mình biết để khỏi mắc kẹt. Nếu không thì người ta nói tới cảnh giới đó có hào quang rục rờ, mình nghe ham quá thành bệnh.

Đẹp sạch phiền não, lòng tin tăng trưởng, mau thành quả bất thối. Chỉ trừ hạng người nghi hoặc chẳng tin, bài báng, tội nặng, nghiệp chướng, ngã mạn, giải đãi. Những hạng người này chẳng đặng vào. Theo đây mà xét thì thông cả bốn oai nghi.

Nếu chúng ta cố gắng tu thì *đẹp sạch phiền não, lòng tin tăng trưởng, mau thành quả bất thối*. Vì vậy nên biết rằng ngòai thiền rất tốt, kế đó đi đứng nằm ngòai đều tu được hết; như vậy mới là trọn vẹn.

Kinh Viên Giác nói: “Trước nương theo hạnh Xa-ma-tha (Chỉ) của Như Lai, kiên trì cấm giới, yên ở trong đồ chúng, yên ngòai trong tịnh thất.” Đây là mới tập.

Ngài Vĩnh Gia nói: “Đi cũng thiền, ngòai cũng thiền. Nói nín động tịnh thể an nhiên.” Đây là thông cả bốn oai nghi.

Đối với người mới tập, kinh Viên Giác nói trước nương theo hạnh Xa-ma-tha của Như Lai, kiên trì cấm giới, yên ở trong đồ chúng, yên ngòai trong tịnh thất. Đối với người đã thuần thực ngài Vĩnh Gia dạy: Đi đứng nằm ngòai đều là thiền hết.

Tóm lại, dùng sức ngòai còn chẳng thể dứt được tâm, huống là đi đứng v.v... há hay vào đạo ư?

Ngài muốn cảnh tỉnh những người tu còn yếu, ngòai mà còn chưa điều phục được vọng tưởng huống nữa là đi đứng. Chừng nào ngòai mà điều phục được vọng tưởng thì mấy oai nghi kia mới dễ thực hành. Khi ngòai chưa yên mà nói: “Thôi tôi không cần ngòai, tôi đi đứng cũng tu được”, nói như vậy là bào chữa lỗi làm biếng ngòai của mình, cho nên khi còn yếu phải nhờ đến sức ngòai để tâm dễ an định.

Nếu là người dụng tâm thuần thực, thì ngàn thánh đi đến còn chẳng đứng dậy, muôn loài ma kéo lại

còn chẳng thềm nhìn. Huống là trong đi đứng... chẳng hay hành công phu sao? Như người oán thù kẻ khác, nhẫn đến đi đứng, ngồi nằm, ăn uống... trong tất cả thời còn không thể quên được.

Khi tâm thuần thực rồi thì đi đứng nằm ngồi đều là thiền chứ không phải đợi ngồi. Ví dụ hồi sáng mình bị chửi thật nặng, hoặc bị người khác đòi đánh đập. Tuy nhin mà trong lòng còn tức giận, nên trong ngày đó đi đứng nằm ngồi tâm không yên, vì không quên được việc hồi sáng. Đi cũng nhớ, ngồi cũng nhớ, ăn cơm cũng nhớ, uống nước cũng nhớ, nhớ lời người ta chửi mình. Đó là chuyện thế tục mà trong bốn oai nghi mình còn nhớ, huống nữa là khi tu thuần thực thì làm sao trong bốn oai nghi mình không nhớ hành thiền?

Sự thương mến kẻ khác cũng lại như thế.

Cũng như chúng ta thương người thân quá nhiều. Bây giờ, họ bị tai nạn gần chết. Nghe tin đó thì cả ngày đi đứng nằm ngồi cứ nhớ chuyện đó hoài. Đó là sự thương mến ở thế gian mà trong bốn oai nghi chúng ta còn nhớ luôn thay.

Vả lại, việc yêu ghét là việc hữu tâm, còn ở trong hữu tâm hiện tiền được.

Tuy là việc hữu tâm của thế gian mà nó vẫn còn hiện tiền được.

Nay hành việc công phu là việc vô tâm, lại nghi gì ở trong bốn oai nghi chẳng thường hiện tiền ư?

Nếu tu Thiền mà tâm thuần thực rồi, thì trong bốn oai nghi nhất định nó hiện tiền không nghi ngờ gì hết.

Chỉ sợ chẳng tin làm, nếu làm nếu tin, thì trong bốn oai nghi đạo ắt hiện tiền.

Chỉ sợ không tin không làm thôi, chứ nếu thật tin và làm theo thì không còn lo gì nữa, chắc chắn đạo sẽ hiện tiền.

9. *Chỗ ở của chân tâm*

Hỏi: Dứt vọng tâm thì chân tâm hiện. Nói thế thì thể dụng của chân tâm nay ở chỗ nào?

Đáp: Diệu thể của chân tâm khắp cả chỗ. Vĩnh Gia nói: “Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ. Còn tìm tức biết anh chưa thấy.” Kinh nói: “Tánh như hư không thường chẳng động, trong Như Lai tạng chẳng khởi, chẳng diệt.” Đại Pháp Nhãn nói: “Nơi nơi đường Bồ-đề, chốn chốn rừng công đức.” Đây là chỗ ở của thể.

Chúng ta tu mà cứ thắc mắc không biết chân tâm ở chỗ nào, nên dưới đây ngài sẽ chỉ cái thể, cái dụng của nó.

Thể của nó ở khắp tất cả chỗ, nên ngài mới dẫn ngài Vĩnh Gia nói: *Chẳng rời hiện tại thường lặng lẽ. Còn tìm tức biết anh chưa thấy.* Nghĩa là diệu thể của chân tâm thường lặng lẽ mà khởi tâm tìm thì không thấy. Kinh cũng nói: *Tánh như hư không thường chẳng động, trong Như Lai tạng chẳng khởi, chẳng diệt.* Tức là thể tánh trùm khắp, mà lặng lẽ chẳng động. Ngài Pháp Nhãn nói: *Nơi nơi đường Bồ-đề, chốn chốn rừng công đức.* Ngài Pháp Nhãn nói ở đâu cũng là Bồ-đề, ở đâu cũng là công đức, không nói riêng ở chỗ nào, nơi nào. Như vậy tâm thể trùm khắp không hạn cuộc nơi nào.

Diệu dụng của chân tâm tùy cảm, tùy hiện, như vang theo tiếng. Pháp Đăng nói: “Xưa nay theo chẳng rời, rõ ràng nơi trước mặt.”

Kế đến là nói về diệu dụng của chân tâm. Vừa có cảm thì có hiện, xưa nay nó theo mãi bên mình không rời, rõ ràng ở trước mặt.

Cụm mây sanh hang tối, cô hạc đáp trời xa.

Cụm mây ở ngoài miệng hang, con chim hạc đáp ở ngoài bầu trời rộng, nghĩa là hai hình ảnh đó nói lên sự cảm ứng tương ứng với tâm, mọi hoạt động của mình mà không có vọng tưởng đều là diệu dụng của chân tâm.

Ngụy Phủ Nguyên Hoa Nghiêm nói: “Phật pháp ở chỗ việc hằng ngày, chỗ đi đứng ngồi nằm, chỗ ăn cơm uống trà, chỗ nói năng hỏi đáp. Các hành động ấy mà khởi tâm động niệm thì không phải.”

Phật pháp ở chỗ việc hằng ngày như khi đi, khi đứng, khi làm việc mà tâm không vọng tưởng, thì cái đi, đứng, làm việc đó là diệu dụng của chân tâm. Vì vậy ngày xưa các thiên sư dạy đồ đệ không cần nói nhiều.

Ngài Sùng Tín làm thị giả cho ngài Đạo Ngộ mấy năm, mà không được chỉ dạy một câu nào, buồn quá một hôm Sùng Tín đến thưa:

- Từ ngày con vào đây đến giờ chưa được Ngài chỉ dạy tâm yếu.

Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày người vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy tâm yếu.

- Chỉ dạy chỗ nào?

- Người dâng trà lên, ta vì người mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì người mà nhận. Người xá lui thì ta gật đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Sùng Tín cúi đầu lặng thính giây lâu.

Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay câu nói đó, Sùng Tín khai ngộ⁽⁵⁾.

Đây là lối dạy khéo léo vô cùng, nghĩa là hành động nào cũng là diệu dụng của chân tâm, vì không có vọng tưởng trong đó. Nếu có vọng tưởng thì những hành động đó đều là nghiệp chứ không phải là diệu dụng. Nhớ như vậy.

Cho nên thể thì biến khắp mọi nơi, trọn hay khởi dụng.

Tâm thể biến khắp mà hay khởi dụng, cho nên nói người muốn sống với chân tâm thì chỉ cần không có vọng tưởng là chân tâm trùm khắp.

Chỉ vì nhân duyên có, không chẳng nhất định, cho nên diệu dụng cũng chẳng định, chứ chẳng phải không diệu dụng. Người vô tâm muốn vào biển vô vi vượt các sanh tử, chớ mê lầm chỗ ở của thể dụng chân tâm.

Phải nhận cho ra thể chân tâm là trùm khắp, dụng chân tâm thì tùy duyên hiện tiền. Nếu không còn vọng

⁽⁵⁾ Thiên Sư Trung Hoa tập 1.

tưởng thì mỗi hành động đều là diệu dụng của chân tâm, không cần tìm kiếm ở đâu xa. Đó là chân tâm hiện tiền.

10. Chân tâm và việc sanh tử

Đây là một nghi vấn mà đa số người thắc mắc. Chẳng những chư tổ mà đến như đức Phật, ngài đã hoàn toàn giải thoát mà chúng ta vẫn thấy ngài còn nhập Niết-bàn, hay nói theo thế tục thì ngài còn chết. Chúng ta thường nghe người ngộ đạo, chứng đạo là hết sanh tử mà tại sao Phật còn chết, Tổ cũng chết, như vậy hiểu sao được? Cho nên đây đặt nghi vấn.

Hỏi: Thường nghe người kiến tánh ra khỏi sanh tử, nhưng từ xưa chư tổ là người kiến tánh sao đều có sanh tử? Nay hiện thấy người tu trong đời đều có chết sống. Thế sao nói rằng ra khỏi sanh tử?

Đáp: Sanh tử vốn không, do vọng nên thấy có. Như người đau mắt thấy trong hư không có hoa đốm. Người không đau nói trong hư không chẳng có hoa.

Đó là một nghi vấn mà nhiều người thắc mắc. Như vậy đối với ai có sanh tử? Có với người mê mà không với kẻ ngộ. Ngộ rồi mới thấy sanh tử là không, còn mê thì thấy sanh tử là có. Như người đau mắt thì thấy có hoa đốm giữa hư không. Người không đau mắt thì thấy không có hoa đốm.

Người đau mắt không tin. Nếu mắt hết đau thì cái thấy hoa trong hư không cũng tự hết. Lúc ấy mới tin rằng hoa vốn không. Lúc hoa chưa diệt, hoa kia cũng không. Chỉ người bệnh vọng chấp là hoa, chứ chẳng phải thể nó thật có.

Sanh tử thể của nó là không thật, do mê nên vọng chấp thành có. Nói như vậy trên lý thì chúng ta tin, nhưng khi nhìn lại thực tế chúng ta vẫn còn nghi ngờ, vì mai kia chúng ta cũng chết. Vậy nói tu để khỏi sanh tử thì thật khó quá.

Ví dụ khi ngủ, thấy người và cảnh trong mộng đều thật bởi vì chúng ta đang mê. Nhưng khi thức rồi ai nói gì chúng ta cũng biết mộng là không thật. Dù thấy người thấy cảnh và nói tôi thấy rõ ràng thì chúng ta cũng biết là không thật. Như vậy khi tỉnh rồi mới biết mộng là không thật, chứ còn mê thì vẫn thấy nó là thật. Mê thì thấy những sinh hoạt như cái đau, cái chết trong mộng, làm sao có thể nói là không. Nhưng khi thức rồi thì biết nó là không, nói gì cũng biết nó là không.

Chúng ta đang sống đây cũng vậy, sanh tử hiện giờ chỉ là do duyên. Duyên hợp gọi là sanh, duyên ly tán gọi là tử. Đã là duyên thì tự thể nó là không. Bởi tự thể là không, tuy có, nhưng với người đã đạt được rốt ráo lý nhân duyên thì vẫn thấy nó là không. Cái thể nó vẫn là không. Tuy hiện tại mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe nhưng với trí tuệ người ta vẫn thấy nó là không. Thấy nó không là thấy bằng trí tuệ, chứ không thấy bằng con mắt và nghe bằng lỗ tai.

Vì vậy nên biết sanh là do duyên hợp mà thành, tử là do duyên ly tán mà có, hợp tan đều là nhân duyên. Đã là nhân duyên thì không có tự thể. Bởi không có tự thể cho nên nói tánh nó là không.

Tăng Triệu pháp sư, khi bị người ta đưa tới pháp trường để xử tử, lúc đưa đầu vô đao chém, ngài thản nhiên đọc bài kệ:

*Năm ấm vốn chẳng có,
 Tứ đại xưa nay không,
 Dem đầu đến dao bén,
 Giống hệt chém gió xuân⁽⁶⁾.*

Nghĩa là đao chặt đầu ngài, ngài coi như chặt gió chứ không có gì hết. Như vậy đối với ngài nói có sanh tử hay không sanh tử? Còn chúng ta tới giờ phút đó biết cái chết đến nơi nên kinh hoảng.

Người xưa khi ngộ đạo thấy rõ được lý thật rồi thì xem chết sống như trò chơi, vì nó không thật. Đã không thật thì còn gì nói có hay không. Cho nên nói không sanh tử vì thấy nó chỉ là hư vọng mà thôi.

Như người vọng nhận sanh tử là có thật. Nếu người không sanh tử bảo rằng: “Vốn không sanh tử.” Một mai người ấy vọng dứt, sanh tử tự trừ, mới biết việc sanh tử xưa nay vốn là không. Ngay lúc sanh tử chưa dứt cũng chẳng phải thật có. Do vọng nên nhận có sanh tử thôi.

Hiện giờ chúng ta đang ở trong sanh tử mà vẫn thấy không thật có, vì do vọng nên thấy có thật. Cũng như nói có cái nhà, tất cả đồ vật hiện hữu tuy có hình tướng, hiện tại chúng ta nhìn thấy nhưng sự thật thể tánh nó là không. Dùng trí đạt được thể tánh không của sự vật, tuy có mà vẫn biết nó là không. Bởi vì biết tánh nó là không cho nên nói nó là không, chứ đâu phải nói không rồi cái nhà liền mất. Cũng vậy nói không sanh tử, rồi không có cái chết cái sống trong hiện tại sao?

⁽⁶⁾ Thiền Tông Đốn Ngộ.

Kinh nói: “Thiện nam tử, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều lớp. Như người mê bốn hướng đổi chỗ. Vọng nhận tứ đại làm tướng của tự thân, sáu trần duyên bóng làm tướng của tự tâm. Ví như người đau mắt thấy hoa giữa hư không. Cho đến các hoa đốm ấy diệt trong hư không, không thể nói quyết rằng có chỗ diệt. Vì sao? Vì không chỗ sanh vậy. Tất cả chúng sanh nơi vô sanh vọng thấy có sanh diệt. Cho nên gọi là luân chuyển sanh tử.”

Đây trích một đoạn trong kinh Viên Giác⁽⁷⁾, đức Phật nói sở dĩ chúng ta thấy có sanh tử là vì chúng ta điên đảo giống như người đi lầm đường, thấy đông mà tưởng là tây. Khi nhận lầm rồi thì trên con đường ấy mình đi lầm luôn. Tứ đại không thật, nó chỉ là giả tướng mà nhận là thân mình thật. Cái tâm vọng tưởng duyên theo bóng dáng sáu trần cũng không thật, mà nhận đó là tâm của mình. Đó là lầm.

Ví như người đau mắt thấy hoa đốm giữa hư không. Cho đến các hoa đốm ấy diệt trong hư không, không thể nói quyết rằng có chỗ diệt. Bởi vì hoa đốm là giả thì làm sao nói nó diệt? Như vậy hoa đốm sanh cũng không có chỗ sanh, diệt không có chỗ diệt, cũng như thân này sanh không thật sanh, diệt không thật diệt vậy.

Tất cả chúng sanh nơi vô sanh vọng thấy có sanh diệt. Cho nên gọi là luân chuyển sanh tử.

Nơi thể chân tâm bất sanh bất diệt, do theo mê vọng nên thấy có sanh diệt, vì vậy chịu luân chuyển

⁽⁷⁾ Kinh Viên Giác - chương 1.

trong sanh tử. Nếu thấy sanh diệt đều không thật thì không còn lưu chuyển trong sanh tử nữa.

Cứ theo Kinh này tin biết rằng đạt ngộ chân tâm vốn không sanh tử. Nay biết không sanh tử mà không thể thoát sanh tử, vì công phu không đến vậy.

Vì thực hành công phu chưa đến chỗ cứu cánh, cho nên nghe nói tin hiểu chút ít mà chưa nhận lý thâm sâu, vì vậy còn thấy có sanh tử. Nếu nhận lý thâm sâu rồi thì không còn thấy sanh tử thật nữa.

Cho nên trong Kinh nói: “Am-bà nữ hỏi Văn-thù rằng: Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử cuốn trôi? Văn-thù đáp: Vì sức kia chưa đầy đủ.”

Tuy biết như vậy mà sự huân tu chưa thuần thực cho nên vẫn còn thấy có sanh tử. Sau đây ngài dẫn một đoạn đối đáp của hai huynh đệ ngài Tu sơn chủ và Tiến sơn chủ. Hai vị này là huynh đệ của ngài Pháp Nhãn.

Sau này Tiến sơn chủ hỏi Tu sơn chủ rằng: “Rõ biết sanh là pháp chẳng sanh, vì sao lại bị sanh tử cuốn trôi?” Tu đáp: “Măng trọt thành tre, như nay khiến làm phen được chẳng.”

Măng rồi sẽ thành tre, tre sau này sẽ đan làm phen. Nghĩa là người mới tu, mới biết thì chẳng khác nào như măng, nếu họ ráng tu thêm một thời gian nữa thì sẽ có đầy đủ diệu dụng như măng thành tre. Kế đó ngài giải thích thêm:

Thế nên Biết không sanh tử, chẳng bằng Thể không sanh tử. Thể không sanh tử chẳng bằng Khế không sanh tử. Khế không sanh tử chẳng bằng Dụng không sanh tử.

Chữ Biết này là để nói trong trường hợp: *Biết, Thể, Khế, Dụng*. Biết không sanh tử chẳng bằng Thể không sanh tử. Thể là thể hội, Biết tức là còn dùng trí mà suy biết nên kém hơn Thể không sanh tử, tức là thể hội được không sanh tử. Mà thể hội không sanh tử chẳng bằng Khế, tức là khế hợp không sanh tử. Khế không sanh tử chẳng bằng Dụng không sanh tử. Bốn cái đó cho thấy chỗ sâu cạn. Biết ví dụ như măng, Thể ví dụ như măng hơi già già, Khế ví dụ như măng thành tre, Dụng ví dụ như tre đan thành phen.

Người nay còn chẳng Biết không sanh tử, hướng là Thể không sanh tử, Khế không sanh tử, Dụng không sanh tử.

Chính cái *Biết* không sanh tử mà người thời nay còn chưa biết thay, hướng nữa là *Thể, Khế, Dụng*.

Người nhận sanh tử, không tin pháp không sanh tử cũng vậy.

Bởi vì không hiểu cho nên khi nghe nói pháp không sanh tử họ không tin. Còn nếu hiểu rồi thì biết các pháp không thật nên có cũng như không. Vì vậy mà nói là không.

11. Chân tâm và chánh trợ

Đây chỉ thêm cho chúng ta biết khi ngộ chân tâm rồi thì tu hành có chánh và trợ, tức là có chánh và phụ. Chúng ta đừng lầm chấp vào một cái rồi sơ sót, không đạt được tới chỗ viên mãn.

Hỏi: Như trước đã nói dứt vọng thì chân tâm hiện tiền. Khi vọng chưa hết, thì chỉ hành công phu vô tâm

để hết vọng. Lại còn có pháp nào khác để đối trị các vọng không?

Đáp: Có chánh tu và trợ tu sai khác nhau. Lấy vô tâm dứt vọng làm chánh, lấy các hành động lành làm trợ.

Ở đây nêu câu hỏi: *Khi vọng tưởng chưa hết, thì chỉ hành công phu vô tâm để hết vọng tưởng hay còn pháp nào khác để trị các vọng tưởng? Tổ dạy rất đầy đủ, có chánh tu và trợ tu gọi là phước tuệ song tu. Tức là căn cứ vào phương tiện dứt vọng tưởng là chánh yếu của sự tu, làm những hành động lành để trợ cho sự tu ấy mau thành công.*

Ví như gương sáng bị bụi che lấp, lấy sức tay lau chùi nhưng cũng cần thêm thuốc để chùi, thì ánh sáng mới dễ hiện. Bụi nhơ là phiền não. Sức tay là vô tâm. Thuốc là các việc lành. Ánh sáng của gương là chân tâm.

Như gương sáng bị bụi che lấp, nếu lấy tay chùi, thêm có thuốc trợ lực, thì ánh sáng của gương mau hiện. Có tay chùi mà không có thuốc thì chùi khó khăn và mất nhiều thời gian.

Trong Luận Khởi Tín nói: “Lại nữa, có người do lòng tin thành tựu mà phát tâm, lại phát tâm gì? Lược có ba loại: một, trực tâm là pháp chánh niệm Chân như; hai, thâm tâm là gồm các pháp lành; ba, đại bi tâm là muốn nhổ tất cả khổ não cho chúng sanh.”

Luận Khởi Tín nói: Lòng tin thành tựu phát tâm có ba: Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm. Trực tâm là dứt vọng niệm, Thâm tâm là tu các pháp lành, Đại bi tâm là cứu khổ chúng sanh. Có như vậy mới đầy đủ.

Nói xa hơn một chút để quý vị khỏi nghi ngờ. Kinh A-di-đà nói nếu chuyên trì danh hiệu đức Phật A-di-đà một ngày, hai ngày, ba ngày... bảy ngày được nhất tâm bất loạn liền được vãng sanh về cõi Cực lạc. Lại có một câu nói rằng: Không thể lấy chút ít phước đức nhân duyên mà được vãng sanh cõi kia. Như vậy thì sao? Niệm Phật nhất tâm một ngày, hai ngày... bảy ngày đó là dứt vọng tưởng chứ gì, bởi vì chuyên vào một câu niệm Phật để quên tất cả, đến khi được nhất tâm (nhất tâm chứ không phải nhất niệm), là đến chỗ nhất tâm Chân như thì Phật A-di-đà hiện. Đó là chân tâm hiện tiền, hay Phật tánh hiện chứ gì. Cho nên nói nhắm mắt thì vãng sanh Cực lạc, bởi vì đã thuần thanh tịnh rồi. Tuy nói vậy chứ còn phải thêm: Không thể lấy chút ít phước đức nhân duyên mà được vãng sanh, nghĩa là phải làm thêm việc lành nữa. Chỉ Trực tâm không chưa đủ mà còn phải thêm Thâm tâm, tức là phải làm tất cả việc lành nữa mới đủ. Nhiều khi nghe nói vậy chúng ta tưởng chỉ chuyên niệm Phật là vãng sanh, nhưng mà chưa đủ điều kiện. Còn phải có các căn lành, tức là làm những điều lành.

Đây cũng vậy, tuy biết dứt vọng tưởng là chánh tu, nhưng còn phải làm các điều lành, là trợ tu, chứ không phải bao nhiêu đó mà đủ. Như vậy chúng ta thấy rằng người tu phải có chánh tu và có trợ tu. Ví dụ tu Tịnh độ thì lấy câu niệm Phật làm chánh, lấy các việc lành làm trợ. Tu Thiền thì lấy dứt vọng tưởng làm chánh, mà cũng phải tu các việc lành làm trợ. Nếu nói: “Tôi tu Thiền, tôi không làm gì hết. Tôi tu Tịnh độ, tôi không làm gì hết v.v...” đó là sai. Làm lành bằng cách nào thì ở đoạn

sau sẽ nói. Chúng ta thấy rõ rằng tất cả kinh Phật dạy không khác. Kinh nào cũng dạy phải đủ cả phước và tuệ. Dứt vọng tưởng là tu tuệ, làm các việc lành là tu phước.

Phước và tuệ đầy đủ thì mới thành Phật, nếu chỉ có một bên thì không bao giờ thành Phật được. Tu Thiên, tu Tịnh độ gì cũng vậy, đều phải có phước và có tuệ. Tuệ là chánh tu, vì có giác ngộ mới thành Phật cho nên lấy tuệ làm chánh. Nhưng nếu Phật mà không có từ bi thì đâu gọi là Phật, cho nên lấy tu thiện làm trợ. Vì vậy Phật là trí là giác ngộ, và đầy đủ tâm từ bi.

Chúng ta tu cũng vậy, muốn thành Phật thì phải đủ các điều kiện trên, không thể thiếu một. Phải hiểu rõ ý nghĩa đó thì việc tu mới không lầm, không hiểu cứ chấp một bên thì tu lâu ngày trở thành khô khan.

Hỏi: Trên đã nói pháp giới một tướng, Phật thể không hai, có sao chỉ một niệm Chân như, mà lại nhờ cầu học các việc lành nữa?

Đáp: Ví như có hạt ma-ni báu lớn, sáng trong mà có lẫn quặng nhơ. Như người tuy biết nó có tánh quý mà chẳng dùng phương tiện để mài giũa, trọn không thể trong sáng được. Vì nhơ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả hạnh lành. Cũng như vậy, pháp Chân như thể tánh không lặn mà có vô lượng phiền não nhiễm nhơ. Nếu người tuy niệm Chân như mà chẳng dùng các phương tiện để huân tập, cũng không được tịnh. Vì nhơ vô lượng khắp tất cả pháp, nên tu tất cả thiện hạnh để đối trị. Nếu người tu, hành tất cả pháp lành thì tự nhiên quy thuận pháp Chân như.

Chúng ta tu là chỉ trở về Chân như, sao ở đây nói làm việc lành?

Làm tất cả việc lành là phương tiện mài giũa, còn thể nhập Chân như là biết được hòn ngọc ma-ni quý báu để lấy ra mà dùng. Nhưng nếu lấy được hòn ngọc mà không khéo mài giũa thì nó cũng không hiện được ánh sáng, không được tốt đẹp. Cho nên phải có cả hai công dụng. Vừa tìm được hòn ngọc để lấy ra, vừa mài giũa để cho hết quặng nhơ, như vậy mới đủ. Chúng ta từ xưa đến nay tạo những nghiệp ác gây nhiều tội lỗi vô lượng vô biên, thì bây giờ làm những việc lành để rửa nhơ nhớp, tâm thanh tịnh rồi thể nhập Chân như mới đầy đủ. Nếu thiên một bên là thiếu sót.

Theo đây mà xét, lấy thôi hết vọng tâm làm chánh, tu các pháp lành làm trợ. Nếu khi tu thiện nên cùng với vô tâm khéo hợp nhau, chẳng chấp trước nhân quả.

Nghe nói làm các việc lành chúng ta ham quá ra làm rồi khoe “Tôi làm được việc thiện này, việc lành nọ”, và nghĩ việc làm này là được quả báo tốt đẹp đời sau tôi hưởng thì cũng là lầm. Chúng ta nên biết khi làm phải vô tâm mà làm, còn gọi là xứng tánh để tu, tức là xứng hợp với pháp tánh bất sanh bất diệt, không vọng tưởng mà làm. Khi bố thí thì chỉ vô tâm mà bố thí, tức là bố thí mà không tâm chấp trước.

Nếu chấp trước nhân quả bèn rơi vào phàm phu, trong phước báo nhân thiên, khó chứng Chân như, chẳng thoát sanh tử.

Nếu làm mà chấp trước nhân quả thì rơi vào phàm phu, thọ hưởng phước báo trong cõi người cõi trời chứ khó chứng được Chân như, chẳng thoát khỏi sanh tử. Đó là cái hệ trọng. Cho nên cũng làm việc lành mà có người làm thì được giải thoát, có người làm lại bị luân hồi là tại chỗ đó. Vì vậy cùng một việc làm như nhau mà giải thoát hay luân hồi là tại chấp trước hay vô tâm.

Nếu cùng vô tâm tương ưng ấy là chứng Chân như. Đây là thuật khéo làm phương tiện thoát sanh tử, lại gồm phước đức rộng rãi.

Nếu làm mà kế hợp với vô tâm, không mong cầu thọ hưởng quả báo ở mai sau thì đó là làm trong vô tâm. Còn nếu làm mà còn mong cầu, còn nghĩ tới sự thọ hưởng thì chưa thoát khỏi nhân quả. Đó là cái khéo tu của chúng ta.

Trong kinh Kim Cang Bát-nhã nói: “Tu-bồ-đề, Bồ-tát không trụ tướng bố thí, thì phước đức vị ấy không thể nghĩ lường được.”

Không trụ tướng tức là không chấp, không chấp tức là vô tâm. Vô tâm bố thí thì phước đức vô lượng vô biên.

Nay thấy người đời có tham thiên học đạo. Vừa biết được bản lai Phật tánh, bèn tự thị nơi thiên chân chẳng tập làm các việc lành. Như vậy, đâu chỉ chẳng đạt chân tâm, mà trở lại thành giải đãi, đường ác còn chẳng khỏi, huống là thoát sanh tử. Cái chấp này rất lầm!

Vừa biết được bản lai Phật tánh, bèn tự thị nơi thiên chân chẳng tập làm các việc lành. Nghĩa là ý mình

có Phật tánh rồi không chịu làm gì hết. Chúng ta thấy rõ trên đường tu là phải dứt vọng tưởng, đồng thời làm các việc lành để cứu giúp chúng sanh nhưng không cầu phước, không muốn hưởng quả báo. Chỉ làm với tâm thanh tịnh, muốn cứu độ chúng sanh không chấp trước, đó là một trợ duyên lớn để chúng ta thành tựu đạo quả Bồ-đề.

12. Công đức của chân tâm

Hỏi: Hữu tâm tu nhân công đức chẳng còn nghi. Vô tâm tu nhân công đức từ đâu đến?

Đáp: Hữu tâm tu nhân được quả hữu vi. Vô tâm tu nhân được công đức hiển tánh.

Đây nói về công đức của vô tâm, vô tâm vì sao có công đức? Hữu tâm tu nhân thì có công đức, còn vô tâm tu nhân thì có công đức gì? Ở đây ngài trả lời hữu tâm tu nhân thì được quả hữu vi, còn vô tâm tu nhân thì được công đức hiển tánh, nghĩa là hiển bày Phật tánh hay chân tánh.

Các công đức này xưa nay tự đầy đủ, do vọng che cho nên không hiện, nay vọng đã trừ công đức hiện tiền. Cho nên Vĩnh Gia nói: “Ba thân bốn trí tròn trong thể, tám giải sáu thông ấn đất tâm.” Thế là trong thể tự nó đầy đủ tánh công đức.

Nghĩa là chúng ta trở về thể tánh chân thật thì đầy đủ ba thân, bốn trí, tám giải thoát, sáu thần thông v.v... Trong thể tánh chân thật đã đầy đủ tất cả tánh công đức.

Trong cổ tụng có câu: “Nếu tịnh tọa một tí thôi, hơn tạo hằng sa tháp bảy báu. Tháp báu trọn lại hóa vi trần, một niệm tịnh tâm thành chánh giác.”

Dù tạo bao nhiêu chùa tháp có ngày nó cũng sập đổ, vì đó là pháp hữu vi. Chúng ta thử nhìn những thành tích thuở xưa để lại, bây giờ có cái nào còn nguyên vẹn đâu. Sau một thời gian nó tan nát thành tro bụi đất cát. Chỉ có người tịnh tâm thì thành Chánh giác, vì thành Chánh giác thì bất sanh bất diệt. Nên cổ tụng có câu: *“Nếu tịnh tọa một tí thôi, hơn tạo hằng sa tháp bảy báu...”*

Cho nên vô tâm công đức lớn hơn hữu tâm.

Hòa thượng Thủy Lạp ở Hồng Châu đến tham vấn Mã Tổ hỏi: “Ý chỉ của Tổ sư từ Ấn sang như thế nào?” Bị Mã Tổ tổng cho một đạp té nhào. Bỗng nhiên phát ngộ. Đứng dậy vỗ tay cười lớn nói rằng: “Lạ thay! Lạ thay! Trăm ngàn tam-muội, vô lượng diệu nghĩa chỉ trên đầu một mảy lông.” Liên một lúc hiểu được căn nguyên, bèn làm lễ rồi lui.

Khi ngài nói câu này thì Mã Tổ biết ngài đã ngộ: *Lạ thay! Lạ thay! Trăm ngàn tam-muội vô lượng diệu nghĩa chỉ trên đầu một mảy lông.* Một mảy lông cũng từ thể Chân như mà hiện, thì trăm ngàn diệu nghĩa cũng từ thể Chân như mà có. Vô lượng tam-muội cũng từ thể Chân như mà ra. Cho nên ngộ được thể Chân như rồi thì thấy tất cả đều từ đó lưu xuất. Như vậy tất cả công đức đều từ trong thể tánh mà lưu xuất.

Cứ theo đây thì công đức không từ ngoài đến, mà nó vốn tự đầy đủ.

Tứ Tổ bảo Lại Dung thiên sư rằng: “Phàm trăm ngàn pháp môn chỉ đồng về trong gang tấc, công đức như hà sa gồm lại nơi nguồn tâm. Tất cả môn giới định tuệ thân thông biến hóa, trọn tự đủ chẳng là tâm ông.” Cứ theo lời Tổ sư, vô tâm công đức rất nhiều. Chỉ có người thích công đức nơi sự tướng, nên công đức vô tâm họ không tự tin.

Chúng ta nhớ lại lời của tổ Bồ-đề-đạt-ma nói với vua Lương Võ Đế cũng đồng một ý này. Lương Võ Đế cất bao nhiêu chùa, độ bao nhiêu người xuất gia, in kinh sách làm phước rất nhiều mà vua hỏi có công đức gì không thì Tổ nói: “Không có công đức.” Đó chỉ là phước báo hữu vi, vì còn trong sanh diệt chứ không phải là công đức. Phàm làm việc gì từ tự tánh mà khởi đó mới thật là công đức. Còn bao nhiêu phước đức ở bên ngoài chỉ là phước hữu vi, có rồi sẽ hết chứ không còn hoài.

Chúng ta phải biết rõ làm việc mà vô tâm mới thật là chân công đức. Còn làm mà hữu tâm đó là phước đức hữu vi, tất nhiên sớm chiều nó sẽ mất.

13. Kinh nghiệm chân tâm

Nếu chúng ta tu mà không có kinh nghiệm thì sẽ đi quá trớn. Nghĩa là nghe Phật pháp, hiểu rồi tưởng như mình đã được, rồi ngao du tự tại ưng làm gì thì làm đó là lầm. Khi nghiệp đến không đủ sức

chống đỡ thì chừng đó hơi hận không kịp. Cho nên phải có kinh nghiệm.

Khi đã nhận được chân tâm, phải tiếp tục tu hành. Chừng nào tâm thật sự thanh tịnh, lúc đó mới là tự tại.

Hỏi: Chân tâm hiện tiền, thế nào biết chân tâm được thành thực vô ngại?

Đáp: Người học đạo khi đã được chân tâm hiện tiền, nhưng tập khí chưa trừ, nếu gặp cảnh quen thuộc có lúc thất niệm.

Khi đi, đứng, nằm, ngồi thể chân thật vẫn không mất, nhưng tập khí chưa trừ. Nghĩa là những thói quen tham sân si của thuở quá khứ chưa dẹp hết, thì gặp cảnh quen thuộc vẫn có lúc thất niệm. Như gặp cảnh đẹp sanh tâm ưa thích, gặp cảnh không như ý thì nổi giận bực bội.

Như chăn trâu, tuy điều phục nó, dẫn dắt nó đến chỗ như ý rồi, mà còn chẳng dám buông dàm và roi.

Như người chăn trâu, dẫn trâu đi đâu nó đi theo đó, không còn vùng vằng nữa. Nhưng tuy dẫn đi được mà vẫn còn nắm dàm và cầm roi, phòng khi nó nổi chướng thì sẵn roi quất nó, sẵn dàm kìm nó.

Đợi đến tâm nó điều phục, bước đi ổn thỏa, dù chạy vào lúa mạ cũng không hại đến lúa mạ, lúc ấy mới dám buông tay.

Dù trâu có lỡ bước vào lúa mạ cũng không dám ăn, lúc đó mới dám buông tay. Còn lơ một chút là bước bậy, chạy kiếm cái này cái kia ăn thì chưa buông được.

Đến lúc này chú mục đồng không còn dùng dây dàm và roi nữa. Tự nhiên con trâu không hại đến lúa mạ.

Khi trâu thuần thực rồi thì không xâm phạm đến lúa mạ người. Còn chưa thuần thực thì lúc nào thằng chăn cũng còn cầm dằm, cầm roi.

Trong đây có ai buông dằm buông roi được chưa? Hay là dằm một tao sợ còn yếu, phải làm dằm hai ba tao, riết rồi lấy dây cáp mà cột lại. Cho nên tu phải khéo biết mình cho thật kỹ, chứ đừng vội vã gấp rút.

Như đạo nhân sau khi nhận được chân tâm, trước lại phải dụng công bảo dưỡng, đến khi có lực dụng lớn, mới có thể lợi sanh.

Chúng ta nghe rồi thể hội được, biết mình có chân tâm, biết mình tu được. Nhưng muốn cho chân tâm hiển lộ đầy đủ trọn vẹn thì chúng ta phải hết vọng tưởng. Vọng tưởng không còn nữa gọi là bảo dưỡng chân tâm, chỗ khác thì dùng danh từ “trưởng dưỡng thánh thai”, ở đây gọi là bảo dưỡng. Bảo dưỡng tức là tu, dứt vọng tưởng là phương pháp bảo dưỡng chân tâm chứ không còn cái nào khác. Không theo cái giả thì cái chân hiện. Khi nào cái giả hết thì cái chân tròn đầy, cũng như mặt trăng bị mây che, mây tan từ từ thì mặt trăng hiện, mây càng tan thì mặt trăng càng hiện rõ. Tu như vậy khi nào đầy đủ đạo lực thì mới có thể lợi sanh.

Nếu muốn kinh nghiệm chân tâm này, thì trước đem những cảnh mà bình thường chúng ta yêu thích, luôn tưởng ở trước mặt. Nếu nương theo cảnh đó khởi tâm yêu ghét thì tâm đạo chưa thuần thực. Nếu chẳng khởi yêu ghét thì tâm đạo đã thuần thực.

Đây là dùng phương tiện đầu để thí nghiệm. Ví dụ bây giờ tâm chúng ta không vọng tưởng, bình thường

không động. Thấy nó lặng lẽ chúng ta mừng quá tưởng như đã xong việc rồi. Nhưng cần phải kiểm nghiệm lại, hằng ngày chúng ta thích vẻ đẹp hay tiền của, bây giờ thử tưởng tượng những cái đó hiện ở trước mắt xem tâm mình ra sao. Nếu tâm vẫn như như không tham, ai lấy đi không buồn, không giận gì hết, thì đó là khá rồi. Đó là giai đoạn mình tưởng để thử coi nó ra sao, chứ chưa đụng chạm sự thật. Đến giai đoạn kế, khi đụng chạm sự thật tâm vẫn bình thường không khởi yêu ghét, như vậy là tâm đã thuần thực rồi.

Tuy nhiên được thuần thực như vậy, mà còn chưa tự nhiên chẳng khởi yêu ghét. Lại phải kinh nghiệm một lần nữa.

Tuy tâm thuần thực rồi mà chưa phải hoàn toàn không khởi yêu ghét, phải thí nghiệm một lần nữa cho biết.

Như khi gặp cảnh yêu ghét, lúc ấy khởi tâm yêu ghét và khiến thủ cảnh yêu ghét ấy. Nếu tâm chẳng khởi là tâm vô ngại.

Đoạn trên chúng ta mới tưởng tượng ra để thử lòng mình. Bây giờ tiếp xúc ngay với cảnh, nếu khi đó khởi tâm yêu ghét và thủ cảnh thì biết là chưa xong. Còn nếu mình tự tại vô ngại thì biết là đã xong việc.

Như trâu trắng nằm sờ sờ chẳng tổn hại lúa mạ.

Trong mười bức tranh chăn trâu Thiên tông, có vẽ hình trâu trắng để chỉ cho người tâm đã thuần thực. Chính chỗ này tổ Huệ Khả khi tuổi về già, ngài đi tới quán rượu và nhà hát để thử nghiệm. Có nhiều người hỏi:

“Hòa thượng sao lại tới chỗ này?” Ngài trả lời: “Ta thí nghiệm tâm ta thì có can dự gì việc của người.” Đó là trường hợp ngài đối cảnh để thí nghiệm tâm mình. Còn chúng ta mới vừa tưởng thôi thì đã quên mất mình rồi, đừng nói là gặp cảnh.

Cho nên người xưa lấy kinh nghiệm thực tế để thử tâm. Còn bây giờ có nhiều người chưa tu gì hết mà đi tới nhà hát, quán rượu cũng nói kiêu đó thì không đúng. Người đã thuần thực rồi mới đến đó để thí nghiệm. Chúng ta tu chưa ra gì, còn nhiệm đủ thứ hết mà đến đó thì chỉ mắc kẹt chứ thử cái gì.

Xưa có vị mắng Phật mạ Tổ, ấy là cùng tâm này tương ứng.

Người xưa tâm đã thuần thực nên vì người nói phá, mới nghe qua như lỗ mãng, tội lỗi nhưng sự thật các ngài vô tâm mà nói, nên không phạm lỗi.

Nay thấy có người mới vào Tông môn này, chưa biết đạo gần hay xa, liền học mắng Phật mạ Tổ. Thật tính ra quá sớm vậy.

Người tu chưa tới nơi tới chốn mà vội vàng mắng Phật mạ Tổ, là chỗ chúng ta cần phải chú ý. Khi tu nếu còn yếu thì phải khép mình trong khuôn khổ, trâu mình còn hung hăng thì phải có chuồng cho chắc, có sợi dây niệt cho chặt, có cả năm bảy cây roi mây để hờ, hễ trâu lung lảng là quát, như vậy dần dần trâu mới thuần. Trâu thuần rồi từ từ buông dầm, bỏ roi. Đến khi thật thuần rồi, chừa đó mới ngồi thổi sáo chơi. Còn nếu tu chưa ra gì

mà vội thổi sáo thì chắc là nó chạy lồng lộn. Chừng đó nắm cổ nó lại không nổi, chỉ còn cách la ới ới để kêu cứu chứ không làm gì được. Người bây giờ phần nhiều chưa hiểu kỹ, cho nên thả nó chạy quá sức trị không nổi, lúc đó chỉ đầu hàng thôi.

Bây giờ trị mỗi ngày một chút, lâu ngày nó thuần thục, cũng như người bệnh nhẹ thì trị mười ngày hết, người bệnh nặng thì trị mười lăm, hai mươi ngày rồi cũng hết. Còn nếu nặng nữa thì một trăm ngày cũng hết, đừng lo trị không được chỉ sợ không chịu trị.

14. *Chân tâm vô tri*

Hỏi: Chân tâm cùng vọng tâm khi đối cảnh làm sao phân biệt chân vọng?

Đáp: Vọng tâm đối cảnh có biết, nhưng mà biết nơi cảnh thuận nghịch rồi khởi tâm tham sân. Lại ở trong đó chứa cảnh rồi khởi tâm si. Nơi cảnh khởi ba độc tham sân si, đủ rõ là vọng tâm.

Ngài chỉ rõ chân tâm và vọng tâm, để khi đối cảnh chúng ta biết tâm nào là chân, tâm nào là vọng, đây là điều chúng ta phải theo dõi cho thật kỹ. Vọng tâm đối cảnh có biết, mà biết theo chiều phân biệt thuận nghịch, tốt xấu, có không, phải quấy, chọn lựa, phân chia v.v... thì cái biết đó là vọng. Bởi biết có tốt, có xấu cho nên có tham, có sân rồi cho cảnh là thật. *Chứa cảnh* tức là cho cảnh là thật, rồi khởi tâm si. Thấy cảnh cho là thật tốt xấu thì có tham sân si. Vì vậy tham sân si đều thuộc về vọng tâm.

Tổ sư nói: “Nghịch thuận tranh nhau là tâm bệnh.”

Trong Tín Tâm Minh nói: Khi nào còn thấy có thuận, có nghịch đối đãi thì lúc đó tâm còn bệnh. Tâm bệnh là vọng tâm.

Cho nên đối với cảnh phải, hay chẳng phải đều là vọng tâm cả.

Còn thấy có phải hay chẳng phải đều là vọng tâm. Còn chân tâm thì sao?

Còn chân tâm, không biết mà biết, chiếu khắp bình đẳng nên khác với cây cỏ. Chẳng sanh yêu ghét nên khác với vọng tâm. Tức đối cảnh rộng sáng, chẳng yêu, chẳng ghét, chẳng biết mà biết ấy là chân tâm.

Chân tâm chẳng biết mà thường biết tất cả. Chẳng biết tốt xấu, chẳng biết có không, chẳng biết hơn thua, tức là không có cái biết đối đãi, mà cái gì cũng thấy, cái gì cũng biết. Đó là cái biết của chân tâm.

Ví dụ: Đây là cái chuông, đây là cái tách. Tôi ngồi nhìn cái chuông, cái tách, thấy cái tách có bông và màu men đẹp. Còn cái chuông sao nó cũ quá, biết như vậy là vọng tâm. Còn thấy cái chuông, cái tách, thấy thì thấy mà đứng đưng, không nghĩ hơn kém, đẹp xấu gì hết thì cái biết đó là chân tâm. Nhiều người nói khi nhìn biết cái chuông, biết cái tách, thì cái biết đó cũng là vọng tâm. Nhiều người còn lầm chỗ đó. Quý vị nghe nói chân tâm là vô tri, rồi cho rằng nhìn cái gì cũng không biết hết mới là chân tâm, còn nhìn mà biết là vọng tâm. Đó là lầm.

Chân tâm vô tri mà tri, tức là chân tâm chẳng biết mà biết. Vô tri ở đây là chẳng còn phân biệt tốt xấu, đối đãi nhưng cái gì cũng biết hết, chứ không phải là không biết như cây cỏ. Nghĩa là tôi biết cái tách, tôi biết cái chuông nhưng đó là cái biết thường hằng không có phân biệt.

Nếu tôi biết cái tách, tôi biết cái chuông, tuy tôi không phân biệt tốt xấu, nhưng biết cái tách dùng để uống nước, cái chuông dùng để lắc cho người nghe đứng dậy chấp tay v.v... thì cái biết đó chân hay vọng? Tuy không có phân biệt hình sắc mà còn nghĩ tới công dụng thì cũng là vọng tâm. Nếu biết mà không nghĩ về hình sắc, không nghĩ về công dụng của cái tách, cái chuông, chỉ biết cái tách, cái chuông vậy thôi, thì cái biết đó là chân. Phải khéo giảo trạch chỗ này.

Nói: “Tôi biết cái tách, tôi biết cái chuông” cái biết này là vọng tâm thì không đúng. Khi biết cái tách và cái chuông bằng cách phân biệt cái tách đẹp, cái chuông xấu, cái tách bằng đất dễ bể, cái chuông bằng đồng rớt không bể v.v... thì cái biết đó là vọng tâm. Còn biết mà không phân biệt gì hết mà nói rằng cái biết đó cũng là vọng tâm thì lầm. Cho nên phải khéo ở chỗ đó, xê xích một tí xíu thôi là đã trật rồi. Chân tâm thường hiện tiền mà chúng ta không biết nên bị vọng che lấp, còn nếu biết thì không bị che lấp. Thế nên thánh nhân cũng biết ăn, biết nói, biết đi, biết làm công việc mà vẫn là thánh. Còn chúng ta cũng làm tất cả việc mà vẫn là phàm phu là tại chỗ này. Đâu phải thánh nhân sống bằng chân tâm là không biết gì hết, nếu không biết gì hết thì đã thành

cây cỏ rồi. Không nhận ra chân vọng là cái thật khó, thật tế nhị. Cho nên nói: “Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách”, nghĩa là “Sai lạc đường tơ, đất trời xa cách” chứ đừng nói gần hay xa gì hết. Nhìn cái nào biết cái đó là cái biết của chân tâm. Cho nên khéo một chút thì đi đâu chúng ta cũng sống với diệu dụng của chân tâm, còn không khéo thì đi đâu cũng sống với vọng tâm.

Do đó khi muốn bỏ vọng, mà chúng ta lại bỏ luôn cái chân. Cái phân biệt là cái biết của vọng tâm, cái chân cũng là biết mà không phân biệt chúng ta lại bỏ luôn. Có khi muốn trùm luôn, ôm luôn cả cái vọng. Như người đãi vàng, khi thấy vàng lẫn trong cát, muốn đổ cát đi thì đổ luôn cả vàng. Khi thấy một rổ cát có một tí vàng, muốn lấy vàng lại ôm luôn cả cát. Đó là không khéo lọc lựa, không khéo nhận xét vậy. Nếu chúng ta khéo thì ngay đó biết đâu là cát, đâu là vàng, đâu là chân, đâu là vọng.

Trong Triệu Luận nói: Thánh tâm ấy vi diệu vô tướng, nên chẳng có. Dụng nó thì đầy sự cần dùng nên chẳng thể là không. Cho đến chẳng có, nên biết mà không biết. Chẳng không, nên không biết mà biết.

Chân tâm lúc nào cũng hiện, cho nên không thể nói là không, mà nói chẳng có vì tánh của nó là vô tướng, không có hình tướng. Cần ứng dụng thì cái gì cũng thấy, cũng biết. Ví dụ như ứng ra mắt thì thấy sự vật, như vậy đâu thể nói là không. Nhưng mà hỏi nó nằm ở chỗ nào, hình dáng ra sao, thì không chỉ được, cho nên nói chẳng có. Chẳng có vì nó không tướng nhưng mà ứng ra tai

thì nghe, ứng ra mắt thì thấy, đâu phải là không. Tuy nhiên, biết mà không biết tức là biết mà không phân biệt, đó là đứng về mặt chẳng có. Không phân biệt mà biết, cho nên nói chẳng không.

Vì thế nên không biết tức biết. Bất đắc dĩ nói khác với tâm của thánh nhân vậy.

Tâm thánh nhân rộng rang không phân biệt mà vẫn thường liễu tri, tâm của phàm phu cũng vậy không khác. Chỉ vì chúng ta không nhận ra rồi tưởng là khác, nhưng sự thật không khác.

Lại, vọng tâm nơi có chấp có, nơi không chấp không, thường ở hai bên chẳng biết trung đạo.

Gặp bên nào chấp bên ấy, luôn luôn là ở hai bên chứ không giữ trung đạo. Nhưng khi ngộ rồi thì không thấy nam thấy nữ, vì thấy tất cả người mà không khởi phân biệt. Thấy người là người thì đó là chân. Thấy người khởi phân biệt đây là nam kia là nữ, đây là đẹp kia là xấu, thì đó là vọng tưởng. Lỗi tại phân biệt.

Vĩnh Gia nói: “Bỏ vọng tâm giữ chân lý, tâm lấy bỏ thành xảo ngụy, người học chẳng rõ dụng tu hành, lâu thành nhận giặc làm con.”

Ngài Vĩnh Gia nói: *Bỏ vọng tâm, giữ chân lý* tức là bỏ cái này cầu cái kia, đó là hai bên. Nghĩa là còn có tâm lấy, bỏ thì trở thành xảo ngụy. Xảo ngụy tức là giả dối. *Người học chẳng rõ dụng tu hành, lâu thành nhận giặc làm con.* Nghĩa là chúng ta tu mà không rõ cái nào vọng để bỏ, cứ bỏ cái này tìm cái kia thì đó là giặc, mà nhận giặc làm con thì tất cả sự sản theo đó tiêu tan hết.

Nếu là chân tâm thì dù ở trong hữu vô mà không rơi vào hữu vô, thường ở trung đạo.

Người ta cứ tưởng bên đây có, bên kia không, trung đạo là ở giữa, không phải vậy. Trong cái có mà không chấp có, trong cái không mà không chấp không, đó là trung đạo. Chứ không phải trung đạo là ở giữa. Phạm phu có thì chấp thật có, không thì chấp thật không, cho nên mắc kẹt hai bên. Còn tâm không phân biệt, có cũng không chấp, không cũng không chấp gọi là trung đạo. Ngay cái có không chấp có, ngay cái không không chấp không, vì không khởi suy nghĩ thì đâu nói có nói không. Cho nên thấy mà vẫn như như. Không biết là không, có biết là có, mà tâm như như thì gọi là trung đạo.

Còn nói không là không hình tướng, có là có hình tướng v.v... phân biệt như vậy thì thành ra hai bên. Cho nên sự học của thế gian càng học càng mắc kẹt trong phân chia tỉ mỉ. Càng phân chia tinh tế càng làm mất tinh thần trung đạo của thánh hiền. Như vậy chân tâm biết mà không có giả trạch, không có phân biệt. Vọng tâm biết mà giả trạch phân biệt hai bên.

Tổ sư nói “Chẳng đuổi hữu duyên, chớ trụ không nhân, một mực bình đẳng, tuyệt nhiên tự sạch.”

Không theo có mà không trụ không, chỉ một tâm bình thản thì tự nhiên được hết sạch.

Triệu Luận nói “Thánh nhân làm việc có mà chẳng có. Ở trong không mà chẳng không. Tuy không thủ hữu vô mà chẳng xả hữu vô. Hòa mình trong trần lao,

đạo khắp ngũ thú, lặng lẽ mà đi, rõ ràng mà đến, nhạt nhẽo không làm mà không gì chẳng làm.”

Những câu này thật là hay, thánh nhân làm việc có mà chẳng có, có mà không chấp thì có cũng như không. Ở trong không mà chẳng chấp không, thì làm sao nói không.

Tuy không chấp có không mà chẳng bỏ có không. Thông thường chúng ta không thủ thì xả, tức không chấp thì bỏ. Còn ở đây không chấp mà cũng không bỏ, tâm như như thì nói gì là chấp bỏ. Cho nên nghĩ tới cái chấp cái bỏ, đó là nghĩ hai bên. Các ngài hòa mình trong trần lao, đạo khắp ngũ thú, lặng lẽ mà đi, tâm lúc nào cũng như như, rõ ràng mà đến. Như như mà vẫn linh tri sáng suốt, đó gọi là rõ ràng. Nhạt nhẽo không làm, tức là không làm gì hết vì tâm như như có gì mà ham thích nhưng ứng dụng thì vô cùng. Cho nên không làm mà không gì không làm.

Đây là nói bậc thánh nhân duỗi tay vì người, đi khắp ngũ thú để tiếp dẫn giáo hóa chúng sanh. Tuy tới lui mà không ở trong tướng tới lui. Vọng tâm chẳng phải thế. Cho nên chân tâm vọng tâm không đồng. Lại chân tâm là tâm bình thường, vọng tâm là tâm bất bình thường.

Người xưa nói: *Tâm bình thường là đạo.* Khi nói tâm bình thường là nói chân tâm. Còn nói tâm bất bình thường là nói vọng tâm.

Hỏi: Sao gọi là tâm bình thường?

Đáp: Mọi người đều có đủ một điểm linh minh, trạm nhiên như hư không, biến khắp mọi nơi.

Linh minh tức là sáng sủa. Trạng nhiên tức là lặng lẽ không có hình tướng giống như hư không, biến khắp mọi nơi.

Đối với việc thế tục tạm gọi là lý tánh. Đối với vọng thức quyền gọi là chân tâm.

Nói chân tâm lý tánh là chỉ đối với thế tục và đối với vọng thức mà nói, chứ cái đó không tên không họ. Đối với thế tục thì nói nó là lý tánh, còn đối với vọng thức thì tạm nói là chân tâm.

Không một mảy may phân biệt, gặp duyên chẳng lằm. Không một niệm lầy bỏ, chạm vật đều khắp, chẳng theo cảnh dời đổi.

Chân tâm là như như, thấy gì cũng biết hết mà tâm không phân biệt, không dính mắc thì không bị dời đổi.

“Giả sử theo dòng được diêu. Chẳng lìa hiện tại lặng yên. Còn tìm tức biết anh chưa thấy.” Đấy tức là chân tâm vậy.

Chân tâm lặng lẽ như như mà đối chiếu, nghĩa là thấy cảnh biết cảnh, thấy người biết người mà vẫn yên tịnh thì đó là chân. Còn khởi nghĩ tìm cái chân thì biết người đó chưa thấy. Như vậy chân tâm là cái không thủ không xả, không phân biệt gọi là tâm bình thường.

Hỏi: Sao gọi là tâm bất bình thường?

Đáp: Cảnh có thánh phàm, nhiễm tịnh, đoạn thường, lý sự, sanh diệt, động tĩnh, khứ lai, tốt xấu, thiện ác, nhân quả. Nếu nhỏ nhặt mà kể ắt có ngàn sai muôn khác. Nay nêu ra mười đôi đều gọi là cảnh bất bình thường.

Những cái nhìn đối đãi đều là bất bình thường, có quá nhiều những cái đối đãi như vậy. Tóm lại còn thấy hai, còn thấy pháp này đối pháp kia đều là bất bình thường.

Tâm theo cảnh bất bình thường này mà sanh, theo cảnh bất bình thường mà diệt. Tâm cảnh bất bình thường đối với chân tâm bình thường ở trước, nên gọi là vọng tâm bất bình thường.

Phân biệt đây là nhiễm kia là tịnh, đó là theo cái bất bình thường mà sinh. Hễ có sinh thì có diệt nên nói *theo cảnh bất bình thường mà diệt*. Ở trước nói tâm bình thường là chân tâm. Ở đây nói tâm bất bình thường là vọng tâm.

Chân tâm vốn đủ, chẳng theo cảnh bất bình thường mà khởi các sự sai biệt. Cho nên gọi là chân tâm bình thường.

Nhớ rằng khi nào chúng ta nhìn sự vật với con mắt đối đãi, phân biệt có không, phải quấy, thì lúc đó là tâm bất bình thường. Còn nhìn sự vật mà không phân biệt, không phân biệt không phải là không biết, biết mà không suy nghĩ, biết mà không so đo tính toán hơn thua, phải quấy thì cái biết đó là chân.

Hỏi: Chân tâm bình thường không có các nhân khác, thế sao Phật nói nhân quả thiện ác báo ứng?

Đáp: Vọng tâm chạy theo các cảnh, nhưng chẳng rõ các cảnh, nên khởi các tâm.

Ở đây nêu câu hỏi: chân tâm bình thường thì không mắc kẹt vào đối đãi của nhân quả, mà tại sao kinh Phật lại nói có nhân quả? Có nhân quả là vì khởi các tâm thương, ghét, giận, hờn v.v... đó là chạy theo cảnh, là vọng tâm.

Phật nói các pháp nhân quả để trị các vọng tâm nên cần lập nhân quả. Nếu chân tâm này chẳng đuổi theo các cảnh, do đó chẳng khởi các tâm, thì Phật cũng chẳng nói các pháp, làm sao có nhân quả?

Chân tâm thì lặng yên thường hằng không biến đổi nên nói nhân quả cũng bằng thừa. Vọng tâm thì phân biệt hơn thua phải quấy, nên phải thì có nhân quả của phải, quấy thì có nhân quả của quấy. Đó là để đối trị vọng tâm. Cho nên còn vọng tưởng thì còn nhân quả rõ ràng, hết vọng tưởng thì không lầm nhân quả, chứ nói không có nhân quả thì không được. Đó là cái khéo nói của người tu.

Hỏi: Chân tâm bình thường chẳng sanh ư?

Đáp: Chân tâm có lúc khởi dụng, nhưng chẳng phải theo cảnh mà sanh, chỉ là diệu dụng du hý chẳng lầm nhân quả.

Vậy chân tâm bình thường, không dấy khởi gì hết sao? Chân tâm có lúc khởi dụng nhưng diệu dụng đó là diệu dụng an lành tự tại, chứ không phải vì mê cảnh mà có diệu dụng. Ví dụ thấy cũng biết mà không phân biệt tốt xấu, cho nên không mắc kẹt trong nhân quả thiện ác, còn nếu phân biệt tức là mắc kẹt.

15. *Chỗ đến của chân tâm*

Sau đây trả lời điều thắc mắc mà rất nhiều người lo sợ, vì người tu thì không cầu về Cực lạc, cũng không cầu lên thiên đường, không cầu về chỗ nào hết, rồi cứ bản khoản “Chết đi về đâu?” Vì chúng ta chưa bệnh nặng nên chưa nghĩ đến vấn đề đó, chứ khi bệnh nặng rồi thì cũng sẽ đặt nghi vấn sau khi chết đi về đâu? Tìm hiểu rõ ràng mới đầy đủ niềm tin, mới an ổn tâm tu, nếu không thì linh quỳnh lo sợ khi đối diện với cái chết.

Hỏi: Người chưa đạt chân tâm, do mê chân tâm nên làm nhân thiện ác. Do làm thiện nhân nên sanh trong thiện đạo. Do làm ác nhân nên vào trong ác đạo, theo nghiệp thọ sanh, lý này chẳng nghi. Nếu người đạt chân tâm, vọng tình cạn hết, kế chúng chân tâm không nhân thiện ác. Vậy điểm linh của thân sau gá nương vào chỗ nào?

Đáp: Chớ bảo có chỗ gá nương là hơn không chỗ gá nương.

Người chưa đạt chân tâm thì tùy theo nghiệp thiện ác đã tạo mà thọ sanh, nặng đâu thì đi đó, có đường lối hẳn hoi. Nên ngài quở rằng: *Chớ bảo có chỗ gá nương là hơn không chỗ gá nương.* Nghĩa là không gá nương là tốt, gá nương mới là không tốt. Gá nương tức là có chỗ về nhưng về đâu? Đừng nói có chỗ về là tốt hơn không có chỗ về. Chính *không có chỗ về* mới là hơn có chỗ về.

Lại cũng chớ cho không chỗ gá nương đồng với phiêu linh lãng tử ở thế gian, giống như loài quỳ, cô hồn vô chủ.

Nghe nói cô hồn vô chủ lang thang nay đây mai đó, hay là những bọn phiêu linh lãng tử không chốn không nơi, cứ tưởng: “Chết rồi như quỷ cô hồn lang thang không biết về đâu!” Chính chỗ này có vị dọa: “Coi chừng tu Thiên sau không có chỗ về, nguy rồi!” Cho nên ngài bắt chúng ta phải nhận xét hai điểm:

Một, đừng bảo rằng có chỗ về là quý, không có chỗ về là tiện.

Hai, đừng nói rằng người tu Thiên không chỗ về, rồi tưởng rằng sẽ phiêu linh như bọn lãng tử, lang thang như bọn quỷ cô hồn. Đừng nghĩ như vậy, nghĩ như vậy là lầm.

Đặc biệt nêu câu hỏi này là mong có sự gá nương chứ gì? Đúng thế. Người đạt tánh thì chẳng đúng.

Người nêu lên câu hỏi này là mong có chỗ về. Tuy nhiên người đạt được lý tánh rồi thì không có chỗ về mới đúng, có chỗ về là không đúng.

Tất cả chúng sanh do mê giác tánh nên vọng tình ái niệm kết nghiệp làm nhân, sanh trong lục thú thọ quả báo thiện ác. Giả như thiện nghiệp là nhân chỉ được có thiện quả. Trừ chỗ phù hợp với nghiệp mà sanh, ngoài ra chẳng được thọ dụng.

Có nghiệp thiện thì có quả thiện, tức là có chỗ đi nhưng mà đi trong cõi lạnh. Trừ khi có chỗ nào phù hợp với nghiệp của họ thì họ phải tái sanh vào đó, còn những chỗ khác thì họ vô phần. Nếu người không theo nghiệp thọ sanh, họ muốn đi đâu thì đi, không ai bắt buộc.

Như vậy là được tự do tự tại tại sao chúng ta lại sợ. Nếu theo nghiệp thì trước đã tạo nghiệp gì bây giờ phải theo nghiệp đó mà tái sanh, chứ không thể nào đi đường khác. Còn không theo nghiệp thì tùy duyên, chỗ nào có người hữu duyên với mình thì tái sanh tới đó độ họ.

Các cõi đều như thế. Đã từ nghiệp kia nên chỗ phù hợp sanh cho là vui, chỗ chẳng phù hợp sanh cho là khổ.

Người tạo nghiệp cõi nào đi thẳng vào cõi đó, chứ không có đi đâu khác hơn được. Bởi vì theo nghiệp cho nên thích cái gì thì cho cái đó là vui. Còn cái không thích thì cho đó là khổ.

Ví dụ chúng ta ăn chay ba bốn mươi năm đã quen rồi, bữa nào bất thành linh có ai dọn cá thịt thì nghe mùi tanh. Như vậy thì ăn chay là ngon, ăn cá thịt là hôi hám dơ bẩn, đó là cái nghiệp ăn chay. Còn người ăn cá thịt quen rồi, dọn chay thì thấy lợt lạt nuốt không trôi. Họ thấy cá thịt là ngon, thức ăn chay là dở, đó là theo nghiệp ăn mặn.

Nghiệp là thói quen đã tập, tập cái nào thì thích cái đó cái khác họ không thích. Cũng như mấy người chuyên uống rượu, thấy rượu là ngon. Còn người chưa từng biết uống rượu thì nhấm chút rượu môi cay xé, thấy ngán. Như vậy rượu đối với người ấy là dở. Ngon dở tùy người, đừng tưởng ai cũng đều có cảm nhận ngon dở như nhau, mà tùy theo thói quen đã tập. Cũng vậy, chúng sanh có nghiệp nơi nào thì thấy thích chỗ đó, nên chui đầu vào rồi chịu theo nghiệp, chỗ nào họ không tạo thì không ưa thích, cái đó để cho người khác.

Bởi chỗ phù hợp sanh là chỗ tự mình gá nương, chỗ chẳng phù hợp là chỗ người khác gá nương.

Như mấy người ghiền rượu thì quán rượu là chỗ gá nương. Mấy ông ghiền á phiện thì tiệm á phiện là chỗ gá nương. Mấy ông ghiền cờ bạc thì sòng bạc là chỗ gá nương. Ghiền cái nào thì tới gá nương chỗ đó, còn chỗ khác thì của người khác họ không có phần.

Cho nên có vọng tình thì có vọng nhân, có vọng nhân thì có vọng quả, có vọng quả thì có gá nương. Có gá nương thì phân ra kia đây. Phân ra kia đây là có thích hay không thích.

Còn vọng tình thì còn nghiệp, còn nghiệp thì có chỗ về. Tức là có vọng nhân vọng quả rõ ràng. Có chỗ về thì có phân chia kia đây.

Nay đạt chân tâm khéo hợp với giác tánh không sanh diệt, khởi ra diệu dụng không sanh diệt.

Giác tánh không sanh không diệt nên diệu dụng cũng không sanh diệt.

Diệu thể chân thường vốn không sanh diệt, diệu dụng tùy duyên như có sanh diệt. Nhưng từ thể sanh ra dụng nên dụng ấy tức là thể. Có gì là sanh diệt?

Bản thể bất sanh diệt, tùy duyên khởi diệu dụng nên có sanh diệt mà không thật có sanh diệt.

Người đạt đạo tức là chứng chân thể, nên sự sanh diệt kia có can hệ gì?

Bởi vì chúng được chân thể nên cái sanh diệt không có nghĩa lý gì hết.

Như nước lấy tánh ướt làm thể, sóng môi làm dụng. Tánh ướt nguyên không sanh diệt, nên tánh ướt trong sóng môi nào sanh diệt ư?

Tuy thấy sóng chấp chờn, nhưng sự thật đứng về mặt thể mà nói thì sóng đâu có sanh diệt. Còn đứng về mặt tướng thì thấy sóng có nổi lên chìm xuống, chứ thật ra thể nước trong sóng cũng không sanh diệt.

Nhưng sóng là tánh ướt cũng không riêng có, nên sóng cũng không sanh diệt. Người xưa nói: “Khắp cõi nước là mắt của Sa-môn, khắp cả nước là già lam.”

Chỗ nào cũng là mắt của Sa-môn, chỗ nào cũng là già lam của chúng ta ở hết thì còn chỗ nào nữa mà về.

Khắp mọi nơi là chỗ an thân lập mệnh của người ngộ lý.

Người ngộ lý rồi thì nơi nào cũng là chỗ an thân lập mạng của mình, không nơi nào riêng rẽ.

Người đạt chân tâm thì tứ sanh lục đạo một chốc liền tiêu tan. Sơn hà đại địa đều là chân tâm. Chẳng thể là chân tâm này riêng có chỗ gá nương.

Như vậy chúng ta tu rồi về đâu? Về chân tâm. Cũng như bọt tan thì về biển. Tức là cái dụng mất thì nó trở về thể chứ về đâu bây giờ? Thành ra chỗ gá nương của mình chỉ là chân tâm, chứ không có chỗ gá nương nào khác.

Đã không ba cõi làm vọng nhân, ắt không có sáu thú làm vọng quả. Vọng quả đã không nói gì gá nương?

Không gá nương ắt không bị thử. Đã không bị thử thì có gì là thích hay không thích? Mười phương thế giới chỉ một chân tâm, toàn thân thọ dụng không riêng gá nương.

Bởi vì chúng ta không tạo nghiệp ba cõi thì làm sao có sáu thú để đi thọ sanh. Không có sanh nơi này nơi kia, thì đâu thấy có đây có kia. Có đây có kia là do thích hay không thích. Thích hay không thích đều do nghiệp mà ra. Bây giờ không có nghiệp thì còn gì thích hay không thích. Nên nói thể nhập chân tâm thì trùm khắp mười phương, còn gá nương riêng chỗ nào? Đó là đã nói thật rõ, nhưng muốn rõ hơn ngài dẫn chứng:

Lại đối với môn thị hiện thì tùy ý qua lại mà không chướng ngại.

Tuy nhiên nhập vào bản thể hay pháp thân thì trùm khắp cả mười phương thế giới, đâu riêng chỗ nào mà gọi là gá nương. Nhưng về pháp môn thị hiện thì tùy ý qua lại mà không chướng ngại để độ sanh.

Ví dụ như chúng ta tu đã thể nhập lý tánh rồi, khi thân này tan rã, không còn vọng niệm để đi thọ sanh các nơi, lúc đó tâm sáng suốt trùm khắp, nhìn thấy chúng sanh nơi nào có duyên đáng độ thì tùy đó mà thị hiện. Cho nên môn thị hiện thì tùy ý qua lại. Thị hiện tức là nhìn thấy chúng sanh nào có duyên với mình thì mình thị hiện, tùy ý đến, chứ không có ai ngăn cản chống đối.

Trong Truyền Đăng có chép rằng: Thượng thư Ôn Tháo hỏi ngài Khuê Phong: Người ngộ lý một phen

tuổi thọ hết, gá nương chỗ nào? Khuê Phong đáp: Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ cái linh minh giác tánh, cùng với chư Phật không khác. Nếu hay ngộ tánh này tức là pháp thân, vốn tự vô sanh có gì nương gá?

Thế nhập được vô sanh rồi còn gá nương cái gì? Vì gá nương tức là còn sanh.

Cái linh minh chẳng muội. Rõ ràng thường biết, không chỗ đến cũng không chỗ đi. Chỉ lấy không tịch làm tự thể, chớ nhận sắc thân. Lấy linh tri làm tự tâm, chớ nhận vọng niệm. Vọng niệm nếu dấy lên đều không theo nó, đến lúc mạng chung, khi ấy nghiệp tự nhiên không thể cột.

Linh minh chẳng muội tức là sáng suốt chẳng mê. Lấy không tịch làm tự thể là lấy cái lặng lẽ rỗng rang làm tự thể. Đừng chấp thân tứ đại này cho là thật mà phải nhận ra cái rỗng rang thanh tịnh. Lấy cái biết thường hằng không phân biệt làm tâm mình, đừng chạy theo vọng niệm. Người tu mà được như vậy thì khi chết nghiệp không cột trói được họ.

Tuy có thân trung ám mà chỗ đến tự do. Cõi người cõi trời tùy ý gửi nương.

Muốn đến đâu thì đến không có gì ngăn ngại. Muốn lên cõi trời hay tới cõi người cũng được. Ở đâu có duyên thì đến đó độ, ở đâu tu được thì đến đó tu, cho nên đừng lo. Ví dụ người niệm Phật thì về Cực lạc tu thêm. Còn chúng ta tu Thiên giả sử lúc đó quý vị muốn ghé Cực lạc cũng được, có ai rầy đâu, vì không ai buộc mình hết. Có buộc

thì mình mới mắc kẹt, còn không buộc nên không kẹt. Thấy cõi Ta-bà không có duyên thì về Cực lạc, hoặc tới cõi nào thấy đủ duyên thì tu tiếp, như vậy tự do hơn. Còn nếu chuyên một chỗ thì mắc kẹt chỗ đó. Giả sử thấy chỗ đẹp hơn, mình đi cũng không được bởi vì cột ở một chỗ rồi. Còn đây tự do tự tại lựa chọn. Thấy chỗ nào có duyên tiến tu được thì tới. Thật là sung sướng, như vậy mà người ta lại sợ. Cho nên phải nhận cho thật sâu để chúng ta an ổn trong sự tu.

Đây tức trước ngộ chân tâm và chỗ đến của thân sau ấy vậy.

Trước mình ngộ được chân tâm rồi sau mình muốn tới đâu tùy ý. Muốn đến đâu là đến, đó là chỗ đến của thân sau, chứ không còn bị ràng buộc gì hết.

